

SỐ 12 NGÀY 1-7-1965

BACH KHOA

T H Ờ I - Đ Ạ I

năm thứ chín

VŨ BẢO *Indonésia*, từ hội nghị Bandung 1955 tới hội
nghị Alger 1965 * GIẢN CHI và NGUYỄN HIỂN LÊ
thuật và thể * TRÀNG THIÊN vài yếu tố mới trong nghề
văn * BÙI HỮU SÙNG tìm hướng mới cho quốc sử *
ĐÔNG HỒ *chi lan đảo lý* * TÚY HỒNG *tóc mai nghìn*
năm * TRẦN HUIỀN ÂN — LÊ THANH THÁI — HỮU
PHƯƠNG — THÀNH TÔN *thơ* * THANH TÂM TUYỀN
cát lầy * LÊ TẤT ĐIỀU *đoạn đường còn lại* * **SINH HOẠT**
TRÀNG THIÊN *người ta viết tiểu thuyết như thế nào*
* NGUYỄN NGU Í *lễ trao*
giải truyện ngắn của Trung
Tâm Văn Bút Việt Nam *
THẾ NHÂN *15 ngày tin tức*

204

MỤC LỤC BỘ MÔN TỪ 193 ĐẾN 204



Thanh thoát

Fine
Dịu dàng

Racée
Tonique

NƯỚC HOA
NGÔI SAO
EAU
DE
COLOGNE
L'ÉTOILE



DESORMAIS FABRIQUÉE SOUS LICENCE AU VIETNAM PAR LA S^{IE} F^{ME} DES DISTILLERIES DE L'ÉTOILE

DiC

L'EAU DE COLOGNE "L'ÉTOILE"
EST SI BONNE QU'ELLE EST SOUVENT CONTREFAITE



Assurez-vous de l'authenticité de votre achat,
en vérifiant que la capsule inviolable
que comportent les bouteilles
d'origine sous leur bouchon à
vis est bien en place

NƯỚC HOA "NGÔI SAO"
RẤT TỐT, THƯỜNG BỊ LÀM GIẢ TẠO

Muốn tìm được thứ thiệt, khi
mua quý ngài nên đề dặt kiểm
soát lại nắp chì giữa gian
bọc ở miệng chai chính gốc
nằm phía trong nắp vặn
đỉnh ốc còn nguyên vẹn.

DiC

BÁCH KHOA

THỜI ĐẠI *trong số này*

Số 204 ngày 1 - 7 - 1965

VŨ BẢO *Indonésia, từ Hội nghị Bandung năm 1955 tới Hội nghị*

Alger 1965

GIẢN CHI và NGUYỄN HIỂN LÊ *thuật và thể*

TRÀNG THIÊN *vài yếu tố mới trong nghề văn*

BÙI HỮU SÙNG *tìm hướng mới cho quốc sử*

ĐÔNG HỒ *chi lan đào lý*

N. L. T. *tin văn*

TÚY HỒNG *tóc mai nghìn năm (truyện 3 kỳ)*

TRẦN HUIỀN ÂN *màu lá mạ (thơ)*

THÀNH TÔN *thư cho các em (thơ)*

LÊ THANH THÁI *lặng (thơ)*

HỮU PHƯƠNG *nếu không có em (thơ)*

THANH TÂM TUYỀN *cát lầy (truyện dài)*

LÊ TẮT ĐIỀU *đoạn đường còn lại (truyện ngắn)*

SINH HOẠT

TRÀNG THIÊN *thời sự văn nghệ*

NGUYỄN NGU Í *lễ trao giải Truyện ngắn của Trung Tâm Văn Bút V.N.*

THẾ NHÂN *15 ngày tin tức*

MỤC LỤC BỘ MÔN B.K.T.Đ. TỪ 193 ĐẾN 204

3

13

19

27

37

43

45

55

56

57

57

59

67

72

76

79

82

BÁCH-KHOA

THỜI-ĐẠI *trong những số tới*

<i>Ngày mai của chúng ta</i>	ĐOÀN THÊM
<i>Nỗi hoài nghi của Cézanne</i>	
(dịch Merleau-Ponty)	TRẦN HƯƠNG TỬ
<i>Ben Bella với chính biến Algérie</i>	VŨ BẢO
<i>Vài quan niệm sai lầm về Sử</i>	NGUYỄN THẾ ANH
<i>Góp ý về bài « Đạo Phật trong lãnh vực văn học, nghệ thuật »</i>	VŨ HẠNH
<i>Bàn thêm về đánh trẻ</i>	NGUYỄN HIỂN LÊ
<i>Đọc cuốn « Hiệu-Chú Bích-Câu Kỳ-Ngộ » của Ô. Hoàng Xuân Hãn</i>	TẠ TRỌNG HIỆP
<i>Nhạc Jazz</i>	TRẦN VĂN KHÊ
<i>Sống và viết với Nguyễn-Hiển-Lê</i>	NGUYỄN NGU Í
<i>Một ngày của Ivan (Dịch A. Soljénnitsyne)</i>	NGUYỄN MINH HOÀNG
<i>Đường về (truyện ngắn)</i>	Y UYÊN
<i>Luống đất nở hoa (truyện ngắn)</i>	VŨ HỒNG

Cùng các bạn đọc và đại lý của tạp chí **BÁCH KHOA THỜI ĐẠI**

— Mọi sự thanh toán tiền nong xin gửi cho : Ô. Lê-Ngộ-Châu, 160 Phan Đình Phùng Saigon ; nếu ở xa, có thể trả bằng bưu-chí-phiếu gửi cho « Tạp chí Bách Khoa Thời Đại, Trương mục 27-46 Trung khu Saigon ».

— Vì sự lưu thông gián đoạn bằng đường bộ nên các báo chuyển ra miền Trung từ nay **phải hoàn toàn gửi bằng đường hàng không**. Vậy trân trọng yêu cầu các bạn đọc đã mua dài hạn và các bạn nhận báo biểu, gửi về tòa báo Bách Khoa thêm 20đ. tem, để Ty quản lý có thể gửi báo đều đặn bằng đường hàng không cho tới hết năm 1965, báo khỏi bị chậm trễ và thất lạc.

INDONESIA

từ Hội nghị Bandung năm 1955
đến Hội nghị Alger năm 1965

Khi đứng ra triệu tập Hội Nghị Á Phi tại Bandung vào tháng tư năm 1955, Indonesia đã độc lập được 10 năm. Từ đó tới nay 10 năm nữa đã qua và trong khi Hội Nghị Á Phi lại được triệu tập tại Alger, chúng ta, những «hội viên đương nhiên» không được mời đi phó hội, hãy thử nhìn xem ông láng giềng Nam Dương đã tiến bộ ra sao trong thời gian giữa hai Hội Nghị để có thể có một kết luận về đường lối phát triển của một cựu thuộc địa vừa phục hồi được nền độc lập của mình.

Đời sống kinh tế

Đáng lý ra sự phát triển của Nam Dương phải thật là mạnh mẽ vì Nam Dương có đủ điều kiện để trở nên một nước phồn thịnh:

Trước hết Nam Dương đứng hàng 5 trên thế giới về dân số với 100 triệu

dân (sau Trung Hoa, Ấn Độ, Liên Xô và Hoa Kỳ). Số dân này ở rải rác trên 3000 đảo và tại hầu hết các đảo này, đất thiếu người chứ không phải là người thiếu đất. Ngoại trừ đảo Java ra còn thì mật độ dân số tại các đảo chính thật là thưa thớt: tại Sumatra 34 người một cây số vuông, Bornéo 8 người và Iran 2 người.

Nói đến đất thì nhờ ảnh hưởng của các núi lửa, đất Nam Dương phì nhiêu nhất thế giới. Lẽ tất nhiên trong lịch sử, núi lửa của Nam Dương đã nhiều lần gây tai hại. Ngay năm 1963 ngọn núi Agung đã phun lửa 2 lần gây nên 1600 người chết. Nhưng để đền bù, núi lửa trả lại Nam Dương gấp bội: đất sộp giữ nước và phân thạch mầu mỡ giúp người ta có thể cấy lúa tới độ cao 1500 thước. Đất ở Java tốt đến độ người ta

có thể thu hoạch được 4 mùa trong một năm.

Những nguồn lợi thiên nhiên của Nam Dương tới nay cũng chưa được kiểm điểm hết nhưng có thể biết chắc là rất quan trọng:

Tới năm 1959, Nam Dương còn đứng đầu thế giới về cao-su (45 phần 100 tổng số lượng). Mỗi năm Nam Dương sản xuất trên 20 triệu tấn dầu hỏa và còn khoảng chừng 1 tỷ rưỡi tấn nữa đề khai thác. Ấy là chưa kể các mỏ sắt, than, kẽm, bạc, đồng, kim cương, uranium v.v... mà phần lớn chưa được thăm-đất.

Với một tiềm lực như vậy, Nam Dương từ 20 năm nay lại không bị chiến tranh phá hoại ngoại trừ 2 cuộc "hành quân cảnh sát" của Hòa Lan năm 1947 và 1948. Lại không bị Cộng Sản quấy rối như một số lớn các nước mới độc lập khác.

Trong những điều kiện thuận lợi như trên đáng lý ra Nam Dương phải tiến mạnh, nhưng ngày hôm nay giữa những ồn ào của hội nghị Á Phi tại Alger, không biết có người Nam Dương nào giật mình thấy nước của họ đã bỏ phí 10 năm vào những diễn văn đông dài hay những khẩu hiệu trống rỗng nội dung.

Một trong những khẩu hiệu hay dùng nhất là Nam Dương tự coi mình đóng vai trò tiên phong trong các « lực lượng đang lên » NEFO (New Emerging Forces) để chống lại các « lực lượng già nua » OLDEFO (Old Established Forces) như Anh, Hoa Kỳ, Mã lai Á. Nhưng nhìn vào nền kinh tế của « lực lượng đang lên » đó thì người ta thấy giá sanh hoạt từ năm

hội nghị Bandung tới nay đã lên cao 44 lần. Theo hối xuất chính thức thì một Mỹ kim ăn 45 roubles nhưng tất cả các du khách tới Djakarta, thủ đô Nam Dương, không cần phải đi đâu xa cả, chỉ việc đưa cho người thư ký ngồi sau quầy ở khách-sạn là đã có thể đổi được một Mỹ kim lấy 1500 roubles. Nếu du khách lại là người thông thạo rồi thì chịu khó đi bộ một chút đến một tiệm khách trú gần đó, khẽ nháy mắt chủ tiệm sẽ hiểu ngay và đổi cho một Mỹ kim ăn 3.800 roubles nghĩa là giá chợ đen cao hơn giá chánh thức 85 lần.

Sự lạm phát trầm trọng đến nỗi công tư chức, công nhân nhận lương phần lớn bằng hiện vật. Có xí nghiệp trả lương bằng 17 thứ vật phẩm như gạo, vải, xà bông, muối v.v..

Ruộng đất phì nhiêu và cấy được nhiều mùa như vậy mà chỉ sản xuất 8,3 triệu tấn lúa, trung bình mỗi người được 83 cân một năm. Ai nấy đều biết người dân miền Đông Nam Á phải cần 132 cân gạo một năm, do đó mà Nam Dương từ 10 năm nay phải nhập cảng mỗi năm vào khoảng một triệu tấn gạo và chi phí vào đó khoảng 115 triệu Mỹ kim.

Về cao su, từ 1959 tới nay, Nam Dương đã bị Mã Lai vượt và chiếm mất ngôi thứ nhất trong số lượng sản xuất, vì quá nửa đồn điền cao-su của Nam Dương cây già trên 35 năm mà chưa được trồng lại. Một mẫu tây trước đây trâu hoạch được 750 cân mủ nay chỉ còn được 530 cân.

Về kỹ nghệ lại còn chậm trễ hơn.

Các nhà máy chỉ hoạt động cầm chừng vào khoảng 50 phần 100 sức sản xuất vì các máy móc thiếu các bộ phận rời mà chưa nhập cảng được do việc thiếu ngoại tệ. Năm 1960, Nam Dương cũng đề ra một kế hoạch 8 năm phát triển kinh tế nhưng tới nay thì nhiều dự án đã bỏ dở. Các chuyên viên quốc tế cho rằng về phương diện kỹ nghệ Nam Dương còn thua Ấn Độ đến vài chục năm vì Ấn Độ đầu thiếu tài nguyên mà cũng thiết lập được nhiều cơ sở phát điện hay sản xuất nguyên động lực cùng nhiều kỹ nghệ nặng.

Hệ thống giao thông do người Hòa Lan để lại gồm chừng 80 000 cây số đường xá nay không được duy trì tu bổ nên hư hại gần hết. Chính một vị tổng trưởng Nam-dương đã phải thú nhận chỉ 5 phần trăm đường xá còn tốt, 9 phần 100 tạm được, 41 phần 100 xấu và 45 phần 100 không sử dụng được.

Du khách tới Djakarta chỉ thấy 5, 7 chiếc taxi ở phi trường và chừng 15, 20 chiếc khác xung quanh " Nam Dương Khách sạn ". Còn ngoài ra thành phố chỉ có vài xe bus hình như mới lấy ở bảo tàng xe hơi ra, một ít xe Jitney (như xe máy dầu) và nhiều xe betjak (như xe xích lô nhưng người đạp ngồi đằng trước) Một tình trạng kinh tế như vậy thật là một bằng chứng về sự thất bại của chính sách kinh tế Nam Dương cũng như là về sự thiếu kinh nghiệm của những nhà chỉ huy guồng máy kinh tế của xứ này.

Người ta vẫn còn nhớ Nam Dương đã quốc-hữu-hóa các xí nghiệp phồn thịnh của người Hòa Lan trị giá tới 2 tỷ mỹ kim.

Nhưng vào trong tay các công chức Nam Dương, các xí nghiệp đó đã trở nên héo hắt gầy mòn. Bây giờ đối với các xí nghiệp ngoại quốc (của Bỉ, Anh, Mỹ v.v...) người ta không quốc-hữu-hóa nữa, nhưng lại áp dụng một chính sách cao tay hơn. Các thợ thuyền thuộc đảng Cộng sản Nam Dương làm việc trong các nhà máy đó, đứng ra biểu tình đòi nhà máy phải được trả cho thợ thuyền và đuổi ban giám đốc đi. Ông Sukarno bèn phái một lực lượng tới để " bảo vệ " nhà máy và quản trị xí nghiệp thay thế cho ban giám đốc để tránh những " việc không hay " có thể xảy tới. Và phát-ngôn viên của chánh phủ không quên tuyên bố là « quyền lợi » của người ngoại quốc đầu tư vẫn được công nhận và bảo đảm »

Ngay đối với việc khai thác, khoáng sản chánh phủ Nam Dương cũng phân biệt ra 3 loại, những loại khoáng sản « chiến lược » dành cho chính quyền trung ương khai thác, loại « chiến thuật » dành cho chính quyền địa phương và các loại khác có thể do tư nhân hay các công ty hỗn hợp khai thác.

Việc mua bán gạo đường cũng như việc mậu dịch đều nằm trong tay các cơ quan nhà nước. Kết quả của việc chính quyền xã hội xâm nhập vào các hoạt động thương mại đó là trị giá hàng xuất-cảng đang từ 1050 triệu roubles năm 1957 xuống chỉ còn có 277 triệu trong năm 1959, nghĩa là giảm đi 73 phần 100.

Người ta tự hỏi người dân quê Nam-Dương sống như thế nào trong một tình trạng kinh tế suy sụp như vậy ? Thực ra họ ít lệ thuộc vào một nền kinh tế dựa

trên sự trao đổi, hay những căn bản tiền tệ. Đất thì tốt, đào ở đâu lên cũng được vài củ khoai, ngắt ở đâu cũng được vài trái chuối, đi ở đường cũng nhặt được mấy quả dừa. Nên họ vẫn sống như thường, vẫn hát những bản Krontjong và nhảy những điệu Kebyar.

Không những họ sống như thường mà họ lại còn **cảm thấy sống dễ chịu hơn trước** vì họ được lên án thực dân, họ được làm cách mạng. Đó là một điều mà các quan sát viên Tây phương suy nghĩ đến nát óc cũng không thể nào hiểu nổi. Làm sao mà những người dân lợi tức hằng năm chưa tới 65 mỹ kim lại không nghĩ cải thiện mức sống của mình mà lại đi lo đập bẹp Mã lai Á ? Nhưng lý do đối với họ thật là dễ hiểu. Chính những sự thoả mãn về tự ái, chính sự góp tiếng trên diễn đàn quốc tế, chính một đời sống chính trị rộn rịp đã khiến cho người dân Nam Dương tạm quên được những thôi thúc về vật chất. Và một phần nào họ đã thấy được sung sướng thật sự như khi được ăn no hay kiếm được nhiều tiền.

Đời sống chánh trị

Tay nhạc trưởng cầm nhịp cho đời sống chính trị của Nam Dương là tổng thống Sukarno.

Ngày nay nhiều người đã quên mất là chính ông Sukarno đã lãnh đạo công cuộc giải phóng Nam Dương khỏi sự đô hộ của Hòa Lan. Nói đến Sukarno người ta chỉ nhớ hai nét đậm nhất trong nhân vật đó : nét hào ngọt và tài hùng biện.

Trong các giới ngoại giao, một đề tài

SÁCH MỚI

Bách-Khoa đã nhận được :

- **Truyện ngắn** giải thưởng Trung Tâm văn bút Việt-Nam 1965. của : Minh-Quân, Tường-Linh, Châm-Vũ, Lan-Giao, Trần-Thanh-Điều, Minh-Tâm, do Tin Sách xuất-bản và gửi tặng. Sách dày 186 trang, gồm những truyện ngắn đã trúng giải của Trung-Tâm Văn Bút V.N., có diễn văn của ban Tuyển-trạch thay lời tựa, hình và tiểu sử các tác giả. Giá : 25đ.
- **Anh hùng thám mệ**t, nguyên tác của Irwin Shaw và J. David Salinger, Trần-Phong-Giao dịch do Giao-Điền xuất-bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày trên 120 trang gồm 2 đoản thiên : « Khi tên nài ngựa ngựa » (I. Shaw) và « Tặng nàng Esmé, với tình yêu và lòng đê tiện » (J. D. Salinger). Bản đặt biệt không đề giá.
- **Thương nhớ một mình** tiểu thuyết của Sĩ-Trung do Miền Nam xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 437 tr. Giá 75đ.
- **Bao giờ chấm dứt chiến-tranh tại V. N. ?** do nhóm chiến sĩ trẻ Việt-Nam trình bày và tuần báo Quyết-Thắng xuất bản. Sách dày 59 trang. Giá 18đ.
Trân trọng cảm ơn các tác giả, dịch giả trên đây và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc Bách-Khoa T.Đ.

cho những câu chuyện trà dư tửu hậu là tinh hạo sắc của Sukarno. Bà vợ hiện thời của ông ta, bà Hartini là bà thứ tư. Trong nhiều chuyến công du ông đã không ngần ngại dở ngón sở trường ngay tại thủ đô

nước bạn, khiến cho một số nước khác không dám mời ông thăm viếng, chỉ lo ông tới nơi lại dở xấu ra thì thật là khó ăn khó nói. Có lần ông đã làm cho một nữ chiêu đãi viên đỏ mặt trên một chuyến bay đặc biệt của hãng Quantas.

Nhưng tài ăn nói của ông Sukarno cũng thật là vào hàng cự phách.

Ông đọc diễn văn trước quốc hội Hoa Kỳ bằng tiếng Anh, trước Bundestag của Tây Đức bằng tiếng Đức, sang Pháp nói tiếng Pháp, tới Hòa Lan nói tiếng Hòa Lan và thứ tiếng nào ông cũng xử dụng một cách điêu luyện. Nhiều người ngoại quốc đã nghe ông diễn thuyết tại Nam-Dương và không hiểu một câu nhỏ trong những lời ông nói, cũng vẫn thấy rung động vì sức hấp dẫn và điện lực trong giọng nói của ông Sukarno.

Một trong những biệt tài của Sukarno là đã làm giàu ngữ-vựng chính trị của Nam Dương bằng những danh từ mới do ông đặt ra. Những danh từ này nghe rất kêu và rất được quần chúng tán thưởng. Trên đây chúng ta đã được nghe hai tiếng NEFO và OLDEFO để chỉ những « lực lượng đang lên » và những « lực lượng già nua ». Kẻ thù số 1 của Nam Dương là NEKOLIM (neocolonialism and imperialism, thực dân mới và đế quốc) Bản tuyên ngôn chính trị năm 1959 được gọi là MANIPOL (political manifesto) « Mặt Trận Quốc-Gia » do ông thành lập lấy tên là NASAKOM và ông đã hô hào các đảng viên của ông như sau : « Chúng ta hãy viết NASAKOM lên lá cờ của chúng ta, NASAKOM và một lần nữa NA-

SAKOM. Khẩu hiệu của chúng ta là RESOPIM (Revolution, Socialism Leadership, Cách Mạng, Xã Hội, Lãnh Đạo) Chính những âm thanh FO, OM, IM ấy đã khiến cho những người nghe say sưa gần như đến độ cuồng nhiệt. Có khi Sukarno lại còn đi xa hơn nữa ông ta ghép một tiếng Nam Dương với mấy tiếng ngoại ngữ để chế tạo thành một danh từ mới hẳn. Thí dụ như năm 1965, được Sukarno gọi là Tavip tức là « năm sống nguy hiểm » của người Nam Dương. Tavip là viết tắt của tiếng Nam Dương « Taon » nghĩa là năm, và hai tiếng Ý đại lợi « Vivere pericoloso », sống nguy hiểm. Và trên khắp các mặt tường, trên lưng xe bus, trên các thân cây, các dinh thự đâu đâu cũng ghi Tavip để nhắc nhở cho người Nam Dương là trong Taon 1965, cần phải vivere pericoloso.

Chúng ta đã biết qua con người của Sukarno. Bây giờ chúng ta hãy tìm hiểu xem chánh sách đối nội và đối ngoại của ông ta ra làm sao.

Đối nội

Về mặt chính trị ở trong nước, Sukarno chủ trương 3 điểm :

1) *Trở về với Hiến Pháp năm 1945.* Ông Sukarno được bầu làm Tổng Thống năm 1950 đã ban hành một hiến chương lâm thời theo đó thì sẽ có một Thủ tướng cầm đầu Nội các, và sẽ triệu tập Quốc Hội lập hiến vào năm 1955. Nhưng Quốc Hội lập hiến được bầu lên đã bị nạn đảng phái phân tranh chia rẽ nên trong ba năm trời rong rã thảo luận mà cũng không đề nghị được một dự án Hiến Pháp. Sukarno thấy

rủ là kéo dài cảnh đảng tranh xôi thịt này chỉ làm thương tổn tinh thần đoàn kết dân tộc nên năm 1959, ông ra sắc lệnh giải tán Quốc Hội lập hiến và quay trở về với Hiến Pháp năm 1945.

Với hiến chế này, Tổng Thống Sukarno nắm trọn quyền hành pháp, chức Thủ Tướng được bãi bỏ, các bộ trưởng do ông bổ nhiệm và chỉ trách nhiệm trước Tổng Thống.

Trở về với Hiến Pháp năm 1945 cũng có nghĩa là trở về với 5 nguyên tắc căn bản gọi là Pantja Sila mà Sukarno cho là kết tinh của triết lý chính trị Nam Dương. Năm nguyên tắc đó là :

- tin tưởng ở Thượng Đế.
- chủ quyền ở nhân dân
- phát huy đặc tính dân tộc
- phục vụ nhân loại
- áp dụng công bằng xã hội.

2) Dem 5 nguyên tắc đó ra thực hành Sukarno đã thiết lập một « nền dân chủ chỉ huy ».

Theo thuyết « dân chủ chỉ huy » thì dân chúng và nhà lãnh đạo không bao giờ chống đối nhau vì nếu chống đối nhau thì chẳng hóa ra nhà lãnh đạo không đồng ý với các mục tiêu của nhân dân hay sao ?

Lập luận một cách khẳng định như vậy rồi, Sukarno tuyên bố giải tán những đảng phái nào không đồng ý với lãnh tụ. Đó là trường hợp các đảng PSI (đảng Xã hội Nam Dương) và Masjumi (đảng Hồi giáo) nhưng sau đó Sukarno thấy vẫn còn 28 đảng nữa. Hãy còn nhiều quá ! Và ông ta buộc các đảng muốn được công nhận phải

tán đồng các nguyên tắc Patnja Sila và thuyết « dân chủ chỉ huy », lấy được 150.000 chữ ký của đảng viên và có cơ sở tại các tỉnh. Đảng Cộng Sản Nam Dương PKI đã được công nhận là hợp pháp vì đã « tán đồng » Sila thứ nhất là tin tưởng ở Thượng Đế !!!

Sukarno cũng lo đặt những cơ cấu cho nền « dân chủ chỉ huy », một thứ nghị viện đặc biệt được gọi là Hội Đồng Quốc Gia. Các đoàn thể như thanh niên, phụ nữ, nhi đồng, các nhóm nghề nghiệp như nông dân, thợ thuyền, thương gia, kỹ giả v.v... cử hai hay ba đại diện và Sukarno chăm chọn lấy một người đề xung vào Hội Đồng Quốc Gia — Các nguyên tắc sinh hoạt của Hội Đồng theo Sukarno là những nguyên tắc cổ hữu trong nếp sống hằng ngày của dân Nam Dương. Mọi việc đem ra hỏi ý kiến trong những cuộc thảo luận chung (musjawarah) mọi người làm việc trong một tinh thần phát triển cộng đồng (gotong royong) để đi tới sự nhất trí và đồng thanh quyết nghị (mufakat). Như vậy có cái tiện lợi là không bao giờ phải bỏ phiếu cả vì ai nấy đều đồng lòng thỏa thuận cả rồi !

3) Trong cái khung cảnh đó, Sukarno áp dụng thuyết « quân bình lực lượng » giữa các tổ chức áp lực.

Hiện nay tại Nam Dương có 2 lực lượng mạnh nhất. Trước hết là đảng Cộng Sản Nam Dương PKI, khoảng 3 triệu đảng viên, đảng Cộng sản lớn nhất Châu Á sau Trung Cộng. Đảng này do Aidit lãnh đạo và nhờ chiến thuật khoác áo quốc gia, tin tưởng Thượng Đế nên đã gây được thanh thế như ngày nay

và chỉ phối được cục diện chính trị Nam Dương.

Lực lượng thứ hai là quân đội gồm 350 ngàn người, do Nga Sô trang bị và do các tướng Nasution và Yani chỉ huy.

Đảng Cộng Sản P K I tuy chịu khó hoạt động nhưng tới nay vẫn chưa nắm được quyền chính. Mỗi lần P K I định làm mạnh thì Sukarno lại kêu gọi tới quân đội. Chính dựa vào thể quân đội và các lực lượng tôn giáo, Sukarno đã thắng thắn từ chối các yêu sách quá đáng của P K I, như gần đây khi Aidit đòi Sukarno phải võ trang cho đám nông dân do đảng Cộng Sản Nam Dương giết dậy.

Cái trò chơi đánh đu giữa các tổ chức áp lực áp lực đó chắc chắn còn tái diễn tới ngày Sukarno khất bóng.

Đối ngoại

Cho tới năm Hội Nghị Bandung, chánh sách đối ngoại của Sukarno có thể tóm tắt trong hai điểm:

1) Trung lập không theo khối nào: Các nước mới độc lập có quyền chọn đi theo con đường riêng của mình không theo lối dân chủ phóng túng của Tây Phương và cũng không theo đường lối chặt hẹp của Cộng Sản, mỗi nước sẽ chọn đường nào thích hợp nhất với nhu cầu và tập quán của mình và khả dĩ có thể làm cho nầy nở hết các đặc tính dân tộc của mình.

2) Chống lại các tàn tích thực dân và giúp các nước Á Phi khôi phục toàn vẹn độc lập của mình.

Điều thứ hai này rất dễ hiểu khi chúng ta nhớ lại rằng từ năm 1596 cho tới năm 1950, trong 350 năm trời đẳng đẳng Nam Dương đã bị người Hòa Lan cai trị.

Nhưng chính điểm thứ hai này đã làm cho Nam Dương xa lìa điểm thứ nhất, đi từ chỗ Trung lập tiêu cực không theo khối nào đến chỗ trung lập tích cực ngả theo Cộng sản. Sukarno cho rằng Nam Dương phải lãnh đạo các « lực lượng đang lên » để thay thế cho các « lực lượng già nua » của tư bản đế quốc. Lúc đầu đế quốc được đem ra làm đối tượng là Hòa Lan, nhưng sau thì Nam Dương chia mũi dùi của mình vào tất cả các nước đã có thuộc địa, đề rồi sau cùng nhắm cả vào toàn khối Tây phương kể cả Hoa Kỳ, mặc dầu chính Hoa Kỳ đã thúc bách Hòa Lan sớm trả độc lập cho Nam Dương.

Đường lối trên phù hợp với chủ trương chiến lược của Cộng sản nên mặc dầu giữa Nam Dương và khối Cộng sản không có một liên minh nào, nhưng hai bên vẫn hỗ trợ để thực hiện những mục tiêu chung.

Kịp tới khi tranh chấp giữa Bắc Kinh và Mạc Tư Khoa bước vào giai đoạn quyết liệt, thì Cộng sản Trung Hoa lại khai thác lập trường của Nam Dương một cách có lợi cho mình bằng cách phân hóa khối cộng sản quốc tế, đẩy Nga Sô sang phe người da trắng nghĩa là có ít nhiều nề nang thỏa hiệp với bọn tư bản Anh Mỹ.

Thành ra, từ một chính sách đối ngoại không liên kết thời hội nghị Bandung năm 1955, trong vòng 10 năm Sukarno

đã lái dẫn chính sách đó theo một đường khác hẳn và tới ngày hội nghị Alger năm 1965 các hoạt động đối ngoại của Nam Dương đã theo các khuynh hướng sau đây :

- hờ hững với Nga ;
- xích lại gần Trung Cộng ;
- kết tinh sự chống đối Anh Mỹ trong vụ Mã Lai Á.

Nếu kể tới việc giúp đỡ Nam Dương thì Trung Cộng nói miệng nhiều hơn là giúp thực sự. Trong khi đó chính nhờ áp lực của Nga Xô mà Nam Dương đã tranh đấu thắng lợi với Hòa Lan.

Chính Nga xô đã dọa can thiệp trực tiếp nếu Hòa Lan không chịu rút lui và chính Nga xô đã giúp đỡ khí giới cho quân đội Nam Dương. Từ đó tới nay, sự viện trợ quân sự của Nga xô cho Nam Dương đã lên tới trên 1 tỷ mỹ kim và sự viện trợ kinh tế vào khoảng gần 300 triệu mỹ kim. Với tất cả những cố gắng đó, người ta nghĩ rằng Nga xô phải chiếm một ưu thế tại Nam Dương mới đúng. Nhưng Hội nghị Bandung đã thay đổi cả giọng lịch sử. Những dân tộc nhược tiểu bỗng bừng tỉnh dậy và nhận thức được rằng lịch sử của hậu bán thế kỷ thứ 20 sẽ không phải chỉ còn là sáng tác độc quyền của người da trắng và một phần lớn sẽ do những nhà chính trị màu da thẫm hơn viết nên. Trong bức tranh mà Hội nghị Á Phi trình bày với thế giới tại Bandung năm 1955 gần như chỉ có hai màu chính vàng và đen. Và tự nhiên màu da trắng của đại biểu Liên xô đã trở nên không đúng chỗ, làm hư cả sự nhịp nhàng màu sắc trong toàn bộ.

Đó là nguyên nhân đã khiến cho uy thế của Liên Xô bị sút mẻ tại Nam Dương.

Kẻ hưởng lợi lẽ tất nhiên là Trung Cộng và Hội nghị Alger năm 1965 lại giúp cho Bắc Kinh thêm một cơ hội bám vào mấy phím đàn chủng tộc, và cố gắng kéo hẳn Nam Dương về phe mình. Vì nhìn từ Bắc Kinh, Nam Dương thật là một quân cờ quan trọng trong thế cờ Đông Nam Á. Cả 3 nước Phi Luật Tân, Việt Nam miền Nam, và Thái Lan mới có 75 triệu người. Có được Nam Dương tức là có thêm một khối 100 triệu người bao vây lấy 3 nước trên và loại được ảnh hưởng của Hoa Kỳ ra khỏi Đông Nam Á. Nếu loại nốt được ảnh hưởng của người Anh ở Mã Lai, thì hai nước Cambodge với Miến Điện còn lại sẽ tự nhiên rụng như hai trái chín.

Do đó, mà từ 3 năm nay, Trung Cộng hoạt động ngoại giao rất mạnh tại Nam Dương. Luru-Thế-Kỳ viếng Djakarta tháng Tư năm 1963, Trần-Nghị tháng Một năm 1964 và Chu-ân-Lai tháng Tư năm 1965. Rất nhiều phái đoàn quân sự kinh tế, văn nghệ, đã luân phiên nhau tới thăm Nam Dương và thắt chặt thêm mối liên lạc giữa hai nước. Và nhất là trong đại hội điển kinh của các «lực lượng đang lên» GANEFO, Trung Cộng đã gửi đến một phái đoàn lực sĩ rất hùng hậu. Hội nghị Alger lại giúp cho 2 nước tiến gần nhau bước nữa. Trung Cộng có thể mà cả với Nam Dương nếu ủng hộ lập trường của Bắc Kinh không cho Liên Xô dự hội thì Bắc Kinh sẽ ủng hộ lập trường của Nam Dương mà đẩy Mã Lai Á ra ngoài.

Không thể nào Nam Dương thờ ơ với cuộc mà-cả đó được, vì khẩu hiệu Ganjang Malaysia (Đề bẹp Mã Lai Á) hiện đang là mục tiêu chiến lược của Nam Dương.

Sau khi loại được Hòa Lan ra khỏi Nam Dương, nếu nay Sukarno lại loại nốt người Anh ra khỏi Mã Lai Á kiểm soát được eo biển Malacca, buộc các tàu của Tây phương muốn đi từ Hong Kong tới Ngưỡng Quang phải đi vòng xuống phía Úc Đại Lợi, đường xa thêm trên 11.000 cây số nữa, thì quả thực Sukarno đã giáng cho « các nước già nua một đòn nặng nề và sẽ nổi bật lên như là một lãnh đạo kháng thế chối cãi được của các « lực lượng đang lên »

Một mặt khác ngay về phương diện nội trị Sukarno cũng cần có « một vụ Mã Lai Á » để làm lạc hướng nhân dân trong nước về những thất bại kinh tế liên tiếp và để tránh cuộc phân tranh ngay một công khai giữa quân đội và đảng Cộng-Sản Nam Dương P. K. I.

Nào cho xuống đồ bộ, nào thả quân nhảy dù, nào rút ra khỏi Liên-Hiệp-Quốc vì Mã Lai Á được bầu vào Hội Đồng

Bảo An, nào vận động đóng cửa Hội nghị Á phi 1965 không cho Mã Lai Á tham dự, người ta chưa biết trong tương lai Sukarno còn có những sáng kiến gì trong cuộc theo đuổi giấc mộng lãnh đạo khối NEFO, và trong việc tránh né những thúc bách của các vấn đề kinh tế.

Vì thời gian còn lại trước mặt Sukarno không có nhiều. Cách đây ít bữa tổng-thống Nam Dương vừa làm lễ sinh nhật năm 64. Một bên thân của ông đã bị giải phẫu, một bên thân khác theo lời ông nói là « một nhà máy sản xuất sạn và sỏi » Đảng Cộng sản Nam Dương PKI chắc chắn đã có những kế hoạch sẽ được phát động đúng lúc ngay sau khi Sukarno mất, các « đồng chí Trung Hoa vĩ đại » chắc chắn cũng không bỏ cơ hội nắm được một vòng đại chiến lược của Đông Nam Á.

Ông Sukarno, con người Quốc gia, con người tin tưởng ở Thượng đế, không hiểu có thấy rằng ngày đó không phải chỉ có một mình Nam Dương, mà cả Đông Nam Á mà cả thế giới sẽ sống những năm Tavip, những năm Vivere pericoloso !

VŨ BẢO

VIỆT-NAM ĐẠI HỌC TÙNG THƠ

—o—

Từ nay, các bạn sanh viên không còn lo ngại mỗi khi tìm đọc tài liệu ngoại quốc. Việt-Nam Đại học tùng thơ sẽ xuất bản những tài liệu ấy dịch ra tiếng Việt. Tập đầu sẽ phát hành vào ngày 15-7-65.

Sách có bán tại nhà sách Khai-Trí 62 Lê-Lợi, Sài-Gòn.

oOo

Thơ từ liên lạc, xin đề :

Ông Phạm-Long-Điền

Tòa soạn báo Hòa Đồng

383 Phan-Thanh-Giản, Sài-Gòn

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

S. A. au capital de : 120.000.000 F. F.

Siège social : 16, Bd des Italiens-Paris 6è

SAIGON

36, Rue Tôn-Thất-Đạm

Téléphone : 21.902 — 3 Lignes

135, Đại-lộ Nguyễn-Huệ

(Immeuble TAX)

Téléphone : 22.797 — B.P. N° E-5

PHNOM-PENH

Moha ithei Preah Bat Norodom

(ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 48

B. P. 122

SUCCURSALE DE HONGKONG

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P. O. Box N° 763

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F.A.F.F., Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B. N. C. I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba-Bureau de Représentation (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kanne, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

ĐẠI CƯƠNG TRIẾT-HỌC TRUNG-HOA

GIẢN - CHI VÀ NGUYỄN - HIỂN - LÊ

PHÁP TRỊ

THUẬT

Thuật cũng quan trọng như pháp' trong việc trị nước.

Dưới chế độ phong kiến, mỗi quốc gia còn hẹp, dân còn ít, vua có thể tiếp xúc với dân được, có thể thân với dân, trực tiếp trị dân được. Khi các nước nhỏ đã bị các nước lớn thôn tính, dân quá nhiều, mà các thế khanh, công tộc đã bị tiêu diệt lần, vua không thể coi sóc hết mọi việc, cũng không thể tự tuyển lấy mọi cấp quan lại để giúp mình, thì tất nhiên vua hóa ra xa cách nhân dân, chỉ có thì giờ tiếp xúc với cận thần và với các viên chức quan trọng ở từng địa phương thôi, mà nhiệm vụ của vua từ trị dân chuyển qua trị quan. Đó là ý nghĩa câu: « *Minh chủ trị lại bất trị dân* » của Hàn Phi. Mà pháp chỉ là để trị dân, muốn trị quan lại phải dùng pháp không đủ, phải

có thuật nữa. Thuật để khiến cho bề tôi tuy có trí năng cũng không dám làm trái pháp mà tự ý chuyên quyền, khiến cho bề tôi luôn luôn sợ vua mà không dám che giấu vua, không dám nuôi ý phản loạn.

Hàn Phi đưa một thí dụ dùng thuật cho ta thấy rõ nó khác pháp ra sao : « Xưa Hàn Chiêu Hầu say rượu rồi ngủ. Chức quan điện quan (coi về mào) thấy vậy, sợ vua lạnh lấy chiếc áo phủ lên cho vua. Khi vua tỉnh dậy mừng hỏi tả hữu ai đã đắp áo cho mình. Đáp là viên điện quan. Vua phạt tội viên điện y (coi về áo) và giết viên điện quan. Phạt tội điện y là vì không làm tròn nhiệm vụ (coi sóc về áo cho vua mặc mà sao không lấy áo đắp cho vua), mà giết viên điện quan vì đã phạm cái tội vượt chức (chức chỉ là coi về mào chứ không về áo). Hàn Chiêu Hầu có phải là không sợ lạnh đâu, nhưng nghĩ rằng để cho bề

Tôi vượt chức thì hại hơn là lạnh ». Vậy thì thuật có công dụng làm cho bá quan sợ mình, không dám có một sáng kiến gì cả để khỏi có cái họa tự chuyên mà dần dần lấn quyền của vua.

Thuật khác pháp ở ba điểm :

— pháp đề trị dân, thuật đề nắm vững quan lại,

— pháp thì vua và quan cùng giữ, thuật thì chuyên đề vua dùng

— pháp thì công bố cho quốc dân rõ, thuật là cơ trí ngầm của vua, không nên cho quan và dân biết.

Như trên chúng tôi đã nói, người đầu tiên bàn đến thuật là Thân Bất Hại. Ở thời Xuân Thu, cái họa cận thần giết vua để chuyên quyền xảy ra rất thường. Thân cho rằng chỉ do vua không có thuật để chế ngự bề tôi, nên phát minh ra nhiều thuật để giúp bậc quân chủ. Hàn Phi bổ chính thuyết của Thân, đưa thêm vài ý mới có tính cách cực đoan.

Hàn bảo giữa vua và tôi tuyệt nhiên không có chút nhân ái tín nghĩa gì cả. Bề tôi nào cũng thêm thường, ngấp nghé cái địa vị của vua, mà vua tôi cũng lo lắng mất địa vị của mình, tìm mọi cách duy trì nó, bảo vệ nó, cho nên « Trên dưới một ngày chiến đấu nhau cả trăm lần » Thượng hạ nhất nhật bách chiến (Dương quyền) mà « ông vua nào biết rằng cái lợi của vua và tôi khác nhau thì làm vương, ông vua nào cho rằng cái lợi của vua và tôi chung nhau thì tất bị cướp ngôi, ông vua nào cho bề tôi cộng sự với mình thì tất bị giết ». *Tri thần chủ chi dị lợi giả vương, dĩ vi đồng giả kiếp, dữ cộng sự giả sát.* (Bát kinh)

Ông bàn rất tinh tế về phép dùng thuật, kể lại hết e rườm. Đại ý là ông khuyên vua phải xét cái lòng gian của bề tôi, thấy bề tôi nào muốn gây cái uy thế riêng thì phải triệt liền : « Bậc nhân chủ mà thân nguy nước mất là tại đại thần nhiều quyền quá, kẻ tả hữu nhiều uy quá », vậy thấy cây mà cành lá xum xuê thì phải mé nhánh ngay từ buổi đầu, nếu để cho gốc cành đã lớn thì không còn hiệu quả nữa mà sẽ thất bại.

Phải đề phòng năm điều này : bề tôi phản bội vua, bề tôi chế ngự hết tài lợi, bề tôi tự ý ra lệnh, bề tôi giao kết với nhau, bề tôi gây bọn chân tay.

Ông nhắc đi nhắc đi nhắc lại rằng làm vua đừng nên yêu riêng ai cả, cho bề tôi khỏi nhờn, phải xa bọn nịnh thần, « đừng tin một ai cả, mà mất nước » *Vật chuyên tín nhất nhân nhi thất kì đô quốc yên* (Dương quyền)

Vì hễ tin người thì thế nào cũng bị lệ thuộc người, vua và tôi chẳng có tình ruột thịt gì với nhau cả, bên nào cũng dò xét chỗ hở của nhau đấy thôi.

Không chuyên tin ai thì tất nhiên phải tham khảo ý kiến của nhiều người ; đã giao cho ai làm một việc gì rồi lại sai người khác kiểm soát lại ; nếu cần thì dùng cả cái thuật bắt nọn bề tôi nữa, hoặc nói ngược lại để dò xét tâm lý bề tôi.

Dò xét tâm lý bề tôi, nhưng phải làm sao cho bề tôi không dò xét lại tâm lý của mình ; muốn vậy phải thật kín đáo, làm cho bề tôi luôn luôn nghi hoặc mình, không biết mình nghĩ gì, muốn gì. « Cho nên bảo : làm vua phải bỏ lòng thích, lòng ghét đi thì bề tôi không biết được lòng vua ; bề tôi không biết được

lòng vua thì vua không bị che lấp. » Cố viết : *khử hiếu, khử ố, quân thần kiến tể, quân thần kiến tể tắc đại quân bất tể hi*. (Nhị bính)

Hàn Phi cho rằng một « minh quân » (!) mà biết dùng pháp và thuật như vậy thì có thể « vô vi nhi trị ». Quan niệm đó tuy trái hẳn với quan niệm của nhà Nho, nhưng cũng là một quan niệm ảo tưởng nữa ; vì cả ngàn năm không dễ gì có một ông vua « sáng suốt » như Hàn Phi muốn ; cũng như cả ngàn năm không có được một ông vua hiền nhân như Khổng Tử muốn. Cái ảo tưởng của Nho gia là lý tưởng chính giáo, còn ảo tưởng của pháp gia là lý tưởng chuyên chế. Hàn đáng coi là Michiavel của Trung Quốc.

THẾ

Quan niệm chuyên chế đó dựng trên thuyết của Quản Trọng và Thận Đáo... về cái « thế » của ông vua.

Quản Trọng bảo « Vua sở dĩ là vua (nghĩa là sở dĩ đáng tôn) là do cái thế. » *Quân chi sở dĩ vì quân dã giả, thế dã* nghĩa là lập ra vua để trị nước, thì cái thế của vua phải đáng tôn, còn tài đức không đáng trọng. Sẽ có những bề tôi tài đức để giúp vua.

Thận Đáo đưa một thí dụ : con rồng cưỡi mây mà bay là nhờ có mây, không có mây thì rồng không thăng. Vua cũng vậy, nhờ cái thế cái địa vị mà đáng tôn chứ chẳng cần tài đức gì cả. Hiền như vua Nghiêu mà làm kẻ thường dân thì cũng chẳng trị được ai ; còn ác như Kiệt, nhờ làm vua mà gây loạn được trong thiên hạ.

Vậy cứ tôn một người nào đó lên làm vua rồi dùng pháp luật để trị, bắt mọi người phải trung với vua, là nước sẽ trị.

Hàn Phi cũng trong cái thế của vua, nhưng cho thuyết của Thận Đáo có nhược điểm, có thể bác được : Kiệt được cái thế nhưng không có tài đức nên mới mất nước. Theo Hàn thì làm vua cũng cần có tư cách nữa, nhưng tư cách trung bình thôi là đủ rồi, nếu tài đức kém quá thì loạn.

Nếu gặp một ông vua thiếu tài đức thì làm sao ? Hàn Phi đáp : « Thì cũng cứ phải tôn trọng. »

« Nghiêu, Thuần, Thang, Vũ, cơ hồ đã làm trái cái nghĩa vua tôi, làm loạn sự dạy dỗ cho hậu thế. Nghiêu làm vua mà lại thờ bề tôi mình làm vua (vì nhường ngôi cho bề tôi là Thuấn) ; Thuấn là bề tôi mà coi vua của mình à bề tôi của mình ; Thang, Vũ là bề tôi mà giết vua, chém thầy vua, mà thiên hạ khen, vì vậy mà thiên hạ đến nay vẫn còn loạn » *Nghiêu, Thuấn, Thang, Vũ hoặc phản quân thần chi nghĩa, loạn hậu thế chi giáo giả dã. Nghiêu vi nhân quân nhi quân kỳ thần ; Thuấn vi nhân thần nhi thần kỳ quân ; Thang Vũ vi nhân thần nhi thí kỳ chúa, hình kỳ thi, nhi thiên hạ dự chi, thử thiên hạ sở dĩ chí kim bất trị giả dã*. (Trung hiếu).

Và như trong chương III bàn về chữ trung, chúng tôi nói bề tôi không những không được cướp ngôi vua, mà gián tiếp phê bình vua cũng không được, cứ tận lực giữ phép, chuyên tâm thờ chúa, thì mới phải đạo.

Nho tôn quân, là tôn cái đức của vua, Pháp tôn quân là tôn cái địa vị, cái thế của vua. Hàn Phi gạt bỏ đạo đức ra ngoài chính trị không những vậy còn công kích đạo đức. Ông cho rằng khi có sự xung đột giữa nhà và nước thì bỏ nhà mà theo nước, chứ không như Nho gia bỏ nước mà theo nhà (coi lại truyện Cồ Tâu giết người ở chương II phần này)

Ông kể lại chuyện một người nước Sở ngay thẳng đến nỗi cha ăn cắp dê mà đi thưa quan. Viên lệnh doãn sai đem giết người con đó vì bất hiếu. Rồi ông bảo rằng « xét vậy thì bề tôi ngay thẳng với vua tất là đứa con phải tàn bạo với cha mẹ. »

Ông lại kể một chuyện nữa : Một người nước Lỗ theo vua đẹp giặc, ba n ra trận ba lần bỏ chạy. Khổng Tử hỏi tại sao. Người đó đáp : « Tôi còn cha già, nếu chết thì không ai nuôi cha. » Khổng Tử khen là hiếu, đề cử lên chức cao.

Truyện đó không biết có thực không, Hàn Phi dẫn ra cũng để chứng tỏ rằng hiếu trái ngược với trung, chứ không phải là đầu mối của trung như nhà Nho nghĩ. Và ông kết luận rằng viên lệnh doãn giết đứa con tố cáo cha mà quân gian ở Sở lộng hành, Khổng Tử khen tên lính bỏ chạy mà quân lính không hăng chiến đấu nữa.

Tóm lại, nhất thiết những đức nào không có lợi cho bậc quân vương thì phải trừ hết. Quốc gia thành đối tượng độc nhất của con người. Không còn cá nhân, không còn gia đình. Đó là quy

kết tự nhiên của chính sách Pháp trị đến cực độ.

..

Tần một phần vì triệt đề dùng chính sách pháp trị nên mất lòng dân mà mất ngôi. Từ Hán trở đi, các triều nói là châm chước Nho và Pháp, nhưng vẫn là thiên Pháp, mặc dầu từ vua chúa đến văn nhân đều đề cao vương đạo

Một số chính trị gia như Lý Cấu thấy chính sách vương không ra vương, bá không ra bá đó có hại cho nước, muốn noi gương Quản Trọng thời Xuân Thu, sửa đổi đổi lại chính trị, đề cao bá đạo và đề cao hiến pháp.

Ông bảo « Bọn nhà Nho luận về chính trị, chỉ hận là không theo được vương đạo. Họ không biết rằng bá đạo làm cho nước mạnh, cũng khó chứ dễ gì theo được. Quản Trọng làm tướng Tề Hoàn Công là theo bá đạo đấy, ngoài thì chống được với các rợ, trong thì tôn trọng kinh sư (trở nhà Chu) so với ngày nay ra sao ? Thương Ưởng làm tướng Tần Hiếu Công, cũng làm cho nước mạnh, làm sáng được pháp, thuật, nông và chiến, nhờ vậy nước giàu, binh mạnh, so với ngày nay ra sao ? »

Đương cái lúc nhà Tống phải trốn xuống phương Nam, nương phượng Bắc cho rợ Kim, thấy các nhà lý học chỉ bàn phiếm về tính, lý, không tìm cách cứu quốc để khôi phục lại giang san, ông uất hận, mặt sát chính sách chủ bại đó của triều đình, định nghĩa lại vương và bá cho đúng, để người đời đừng lầm mà chê bá đạo nữa. Đại ý ông cho rằng phân biệt vương và bá



là đứng về địa vị của quân chủ, chứ không phải về thuật chính trị. Vương là tước hiệu của thiên tử đời nhà Chu, bá là tước hiệu của chư hầu. Địa vị phân biệt thì chức vụ cũng phân biệt : Vương có nhiệm vụ giữ cho thiên hạ được yên ổn, bá có nhiệm vụ tôn trọng kinh sư (tức tôn nhà Chu, tôn vương). Theo cái nghĩa đó thì Văn Vương chỉ là bá thôi mà Hán, Đường thống nhất cả Trung Hoa mới đáng là Vương. Đó nghĩa của vương, bá như vậy.

Người đời lầm rằng hễ vương thì thuần dùng nhân nghĩa để trị dân, bá thì dùng thuật để làm lợi dân, nghĩ đến lợi hơn là nghĩ đến nhân nghĩa ; nhưng có thứ nhân nghĩa nào mà không lợi cho dân bao giờ, mà có ông vua nào chỉ dùng nhân nghĩa để trị dân bao giờ. Vì nghĩ sai như vậy nên các học giả chỉ bàn suông về nhân nghĩa mà bỏ qua cái cốt yếu là làm cho dân giàu, nước mạnh, thành thử « lời của Khổng Tử đầy thiên hạ, mà đạo của Khổng Tử thì chẳng ai thi hành », cái học đó vô dụng.

Lý không nói rõ ra, nhưng thực là muốn chê thuyết vương bá của Mạnh, Tuân mà chú trọng vào thực tế.

o O o

Vương An Thạch không nghĩ như Lý, nhưng lại mạnh bạo áp dụng bá đạo để biến pháp. Vương phân biệt vương và bá về phương diện tâm lý của vua, bảo rằng : « Cái đạo của bậc vương giả là ở cái lòng không cầu được thiên hạ, sở dĩ thi hành nhân, nghĩa, lễ, tín là vì thấy những đức đó đáng thi hành mà thôi ; còn cái đạo của bậc bá là làm

những cái đó vì lợi. » nhưng ông lại nhận rằng dùng vương hay bá cũng phải thi hành nhân, nghĩa, lễ, tín.

Xét đến tân pháp của ông thì phẳng phất như chính sách của Quản Trọng, làm cho dân giàu, nước mạnh, chú trọng vào kinh tế, thực dụng hơn là vào sự giáo hóa, đúng là chính sách mà Mạnh, Tuân gọi là bá đạo. (1)

(1) Kế hoạch của Vương gồm mấy điểm chính dưới đây :

Phép thanh miêu.— Triều đình cho dân vay tiền khi lúa còn xanh, đến khi lúa chín thì thu lại với hai phần lời (địa chủ cho vay tới 100 phần lời), mục đích là giúp nông dân tránh nạn vay nặng lãi.

Phép miễn dịch.— Người nào không làm sưu dịch được thì nộp tiền, triều đình lấy tiền ấy mướn người thất nghiệp, mục đích thêm công ăn việc làm cho dân.

Phép thị dịch.— Triều đình mua lại của các thương gia những hàng hóa ế ảm để bán ; thương gia nào cần tiền thì cho vay với một số lời nhẹ mục đích là giúp tiểu thương và tiểu công nghệ đứng vững được.

Phép quân dư.— Chỗ nào có nhiều phẩm vật, triều đình chở tới chỗ thiếu để trừ cái nạn con buôn đầu cơ tăng giá hàng.

Phép phương điền, quân thuế.— Đo lại ruộng đất cho đúng để đánh thuế cho đều.

Phép bảo giáp.— Dùng dân thay lính để tập cho họ phòng vệ địa phương, đến khi hữu sự có thể đi lính được.

Phép bảo mã.— Giao ngựa cho dân nuôi, và miễn thuế cho người nào nuôi được, như vậy để khuyến khích sự nuôi ngựa mà lúc chiến tranh có đủ ngựa dùng.

Phép nông điền thủy lợi.— Mục đích là tăng năng suất của ruộng.

Ông lại chỉnh lí tài chánh, rút bớt nhiều phí tổn mà tăng lương bổng cho quan lại, tổ chức lại việc học, dạy thêm những môn như luật học, y học...

Đồng thời với Lý Cầu và Vương An Thạch, Tư Mã Quang cũng không chê bá đạo, bảo bá đạo là chức mà thiên tử phong cho vua chư hầu, mới đầu là chữ bá bộ *nhân đứng* như trong : *công, hầu, bá*, sau mới đổi ra là chữ bá bộ vũ như trong *xưng hùng xưng bá* vậy thời cổ không phân biệt vương đạo hay bá đạo.

Ông ủng hộ chính thể quân chủ chuyên chế, tôn quân như Pháp gia, nhưng ông khác Pháp gia ở chỗ chú trọng về nhân nghĩa trong việc trị dân, i như Khổng, Mạnh. Ông là nhà Nho chịu ảnh hưởng nặng nhất của Pháp gia sau đời Tần, nhưng chưa đến nỗi độc tài như Trương Cư Chính ở đời Minh.

..

Đời Minh, Trung quốc rất suy nhà vua tuy chuyên chế mà sĩ phu không phục, họp nhau bàn tán, học thuyết phân vân. *Trương Cư Chính* cho rằng như vậy nát việc nước, nên muốn dùng chính sách độc tài để bịt miệng thiên hạ. Ông tôn quân triệt để, không cho dân họp nhau bàn về chính trị, khen chê quan lại, không tuân lệnh thì có chức tước cũng bị truất về làm thường dân.

Ông cho rằng chính sách khoan tựa như có lòng nhân mà thực là có hại, chính

sách nghiêm túc tựa như hà khắc mà có lợi. Ông bênh vực nhà Tần, khen Tần đã có công sáng chế lập pháp, nếu Tần Thủy Hoàng có được người con hiền năng mà giữ ngôi được vài chục năm nữa thì Trung Quốc đã thịnh lắm từ hồi đó rồi, và bọn Hạng Võ, Lưu Bang dù có đông gấp trăm cũng không lật được Tần. Ông không xét rằng Tần mất nước một phần là vì chuyên chế quá mức, chứ nếu biết dùng cả ân lẫn uy thì lục quốc đâu đến nỗi phải nổi loạn.

..

Qua đời Thanh, nhất là sau cuộc nha phiến chiến tranh, đa số các triết gia Trung Hoa tán thưởng văn minh Âu Tây, muốn đập đổ chính thể chuyên chế mà lại đề cao pháp trị, tôn trọng qui tắc phân quyền, tách rời quyền lập pháp, quyền tư pháp và quyền hành chánh để bênh vực nhân dân mà áp chế quân chủ. Nhưng chính sách pháp trị của họ khác hẳn chính sách của Thương Ưởng, Hàn Phi, Lý Tư, và giống chính sách pháp trị của những chính thể dân chủ Âu Châu nên chúng tôi không cần bàn thêm.

GIÀN CHI và NGUYỄN HIẾN LÊ

hãy tìm đọc sách do nhà Lá Bối mới xuất bản :

• **ĐẠO PHẬT HIỆN ĐẠI HÓA**

của Nhất-Hạnh — 256 trang giá 50đ.

• **Ý THỨC MỚI TRONG VĂN NGHỆ**

của Phạm-Công-Thiện — 656 trang giá 85đ.

• **HÀNH HƯƠNG**

thơ của Trữ-Vũ — 128 trang giá 45đ.

Vài yếu tố mới trong nghệ văn

TRẦN - THIÊN

NG HỀ văn, tóm tắt lại, có lẽ chỉ có hai công việc : Viết ra tác phẩm và phổ biến nó.

Công việc thứ nhất, trải qua các thời đại, không có thay đổi gì : Lý Bạch hay Paul Verlaine, Kim Thánh Thán hay André Maurois, làm thơ viết văn, đại khái cũng trong những điều kiện như nhau. Có một quản bút và có tài ; đủ rồi. Ngoài ra, kẻ vì nghèo túng mà viết được nhiều, người vì giàu có nhàn hạ mà viết được hay, kẻ viết đêm, người viết ngày, kẻ viết đứng người viết ngồi, kẻ viết sớm người viết khuya, kẻ cần thận người cầu thả, kẻ tùy hứng lung tung người mực thước đều đặn v.v..., cái đó thời nào cũng vậy. Người sáng tác văn nghệ xưa và nay không có gì để ganh tị nhau.

Trái lại, từ hồi tác phẩm chỉ có thể

chép tay để chuyển nhau đọc cho đến bây giờ, công việc phổ biến đổi khác quá xa. Đây mới thật là cái khía cạnh « nghề nghiệp » của văn chương. Và khía cạnh ấy ảnh hưởng không ít đến hoàn cảnh của người làm văn nghệ. Viết một cuốn sách cho trăm người tri kỷ chuyển nhau xem và viết một cuốn sách cho hàng triệu độc giả trên thế giới, hai sự việc đặt tác giả vào hai tình trạng khác nhau. Trách nhiệm cảm thấy khác, tâm lý tự nhiên đòi khác, quan niệm sáng tác không chừng cũng có khác đi.

Người ta thường nói tới cái tự ái của nghệ sĩ : Nghệ sĩ nào cũng cho văn mình là hay, cũng coi mình là quan trọng, cũng muốn nhiều người đọc, nhiều người biết, cũng cho thiên chức của mình cao cả, lớn lao, dù cho do đó mà nhiệm vụ có thêm nặng nề, họ cũng

không quản ngại. Vậy, về phương diện được phổ biến, người văn nghệ mỗi ngày ắt phải mỗi hải lòng thêm.

Từ khi ra phổ biến văn chương thành ra một nghề nghiệp, một ngành kinh doanh, chúng ta ai cũng biết đến các hình thức hoạt động này : ấn loát, phát hành, quảng cáo, làm nổi bật món hàng bằng cách vận động tranh đoạt giải thưởng, vận động những bài phê bình có lợi, tìm thị trường ngoài nước v.v...

Nhưng sáng kiến kinh doanh không ngừng, lâu lâu lại thấy xuất hiện một hình thức mới. Ở đây, chúng tôi định nói về hai hiện tượng khá mới. Một là người đại lý văn học, và một nữa là cuốn sách bỏ túi.

Sách bỏ túi.— Có người sẽ bảo : « Ồi ! Mới mẻ gì đâu ! Tưởng gì chứ sách bỏ túi, ai không biết ? Đi đâu mà chẳng gặp ! » — Phải, ngày nay ai cũng biết nó, đi đâu cũng gặp nó, bởi vậy nó là một hiện tượng không thể không chú ý. Vậy mà sau khi đệ nhị thế chiến chấm dứt, ở Pháp vẫn chưa có nó; thậm chí trong thời kỳ kháng chiến của ta vừa rồi đây, bên Pháp vẫn chưa có nó. Nó mới xuất hiện vào năm 1953 : nghĩa là mới mười hai năm nay ở Pháp. Còn ở xứ ta thì năm ngoái có thoáng thấy trên thị trường vài tác phẩm cũng bìa láng, cũng khổ nhỏ, cũng bưng sách đỏ xanh, cũng có giá hạ v.v... thoáng thấy một thí nghiệm thăm dò. Nhưng chỉ thăm dò rồi tịt luôn. Như vậy cho tới hiện nay, chúng ta vẫn chưa tiến đến hình thức phổ biến đó.

Sách bỏ túi, thì nó vẫn là một cuốn

sách, thoát trông qua, không có sự cải cách nào cả : nội dung của tác phẩm vẫn là nội dung ấy. Nhưng sách loè loẹt hơn, giấy in tồi hơn, giá bán hạ hơn. Và đây là điểm quyết định : nó mở một kỷ nguyên mới trong việc quảng bá tư tưởng, nó gây ra những biến cố lạ lùng. Cuốn *Le désert des Tartares* của Dino Buzatti bán trong 10 năm không tới 5 nghìn cuốn ; in vào loại bỏ túi trong 6 tháng liền bán được ngót 70 nghìn cuốn. Ai cũng nghe danh tiếng André Malraux, nhưng cuốn *Les conquérants* bán khắp thế giới trong 27 năm, gần trọn một đời viết văn của tác giả, chỉ tới 29 nghìn cuốn ; thế mà in vào loại bỏ túi trong nửa năm bán được 338 nghìn cuốn. Số độc giả tăng lên gấp 10 lần nhiều hơn, trong một khoảng thời gian 7, 8 chục lần ngắn hơn : không phải là một điều kỳ diệu sao ?

Từ ngày xuất hiện tới nay, riêng loại bỏ túi của Pháp đã làm cho văn chương của E. Zola được thêm 3 triệu 700 nghìn người thưởng thức, triết lý của J.P. Sartre được thêm 2 triệu 800 nghìn người tìm hiểu. Bước « nhảy vọt » đó là một cái gì thực quan trọng. Nó phải có tác dụng sâu xa. Bởi vậy đã có nhiều bài báo, nhiều thiên điều tra, nhiều công trình biên khảo nghiên cứu đặc biệt về hiện tượng này. Vừa rồi trong 2 số tháng 4 và tháng 5-1965, tạp chí *Les temps modernes* do J.P. Sartre chủ trương đã dành riêng cho các ý kiến phát biểu về vấn đề sách bỏ túi. Nhiều tác giả trong *Les temps modernes* đã dùng đến một danh từ mới : culture de poche. Một nền « văn hóa bỏ túi » ! Ngay đến danh nghĩa cuốn sách

cũng đang đặt thành vấn đề: có một cuốn sách chân chính, cuốn sách như xưa nay vẫn đọc và cất giữ; cuốn sách truyền thống, cuốn sách đúng thứ thiệt là sách (l), và có một thứ nữa là... sách bỏ túi, tức là một món hàng để tiêu thụ. Một bên được gọi là livre de bibliothèque, livre traditionnel; còn một bên gọi là livre de consommation. Thứ hàng tiêu thụ này người ta bày bán khắp nơi, không phải chỉ có ở hàng sách, mà là còn ở những quầy hàng bán kem, bán xà phòng, bán khăn mặt v.v... Đường như đúng theo bản chất, thứ hàng tiêu thụ đó để đọc xong vứt đi ngay, xem như một tờ nhật trình, chứ không phải là để cất vào tủ. (Nhưng bây giờ thì ai cũng biết có những người chuyên thành lập tủ sách nhờ loại bỏ túi).

Một hiện tượng « văn hóa bỏ túi » như vậy là tốt hay xấu? Dĩ nhiên bao giờ cũng có những ý kiến trái nhau. Kẻ công kích cho rằng loại bỏ túi bán quá rẻ làm hại đến quyền lợi tác giả, mà sự phổ biến bừa bãi của nó lại không lợi ích gì, bởi vì kẻ mua sách rẻ chưa chắc đã đọc được sách. Có tác phẩm của W. Faulkner trên tay chưa chắc đã là gần gũi với tư tưởng nghệ thuật của tác giả ấy, trái lại hễ là đáng mặt tao nhân mặc khách thì không nề hà gì mà chẳng bỏ tiền mua cuốn sách thích ý dù cho giá có cao chút ít. Nhưng lập luận của phe phản đối, nói chung, khó thường thức.

Phe bênh vực sách bỏ túi nêu lên mấy con số hùng hồn: Năm 1850 ở Pháp có 4.147 người đậu bằng tú tài; năm 1950 có chừng 250 nghìn học sinh

sinh thi đậu bằng ấy. Năm 1865, trong 1.000 thanh niên có 5 anh tú tài, năm 1965 thì trong 100 thanh niên thôi đã có 15 anh tú tài rồi. Oppenheimer bảo rằng trong tổng số các bác học tự cổ chí kim của nhân loại 4/5 hiện thời hãy còn sống. Như vậy, số lượng nhân tài của thời đại này tuyệt cao, tỷ số quần chúng có học thức thời này thật lớn: sách vở phải tìm cách phổ biến rộng thêm là phải chứ. Sách bỏ túi ở Pháp trong năm 1964 bán được tất cả các loại là 40 triệu cuốn: như thế là phải, là tốt. Còn cái chuyện mua sách rồi cất đi không đọc thì xưa nay cũng có, đối với loại sách nào cũng vẫn có, riêng gì loại bỏ túi?

Người đại lý văn học.

Ở Pháp gọi họ là agent littéraire. Ở Anh Mỹ, người ta còn gọi họ là author's representative.

Đó là những con người hoạt động trong bóng tối, những người không tên không tuổi, mà địa vị thật quan trọng trong giới văn học. Ở Anh Mỹ tác giả đưa bản thảo tới, họ đọc, nếu đồng ý « lăng-xê » cuốn đó thì họ còn thảo luận, góp ý với tác giả, đòi sửa chỗ nọ, chữa chỗ kia, thêm cái này bớt cái khác. Xong đâu đó, họ vạch một kế hoạch chuẩn bị. Tới ngày đã định, họ chạy đi các nhà xuất bản, chỗ này không xong họ chạy chỗ khác. Họ mở chiến dịch giới thiệu, quảng cáo, họ vận động giới phê bình, họ gây dư luận rùm beng v.v.. Tác phẩm bán chạy, họ chia 100/0 với tác giả.

Tại sao tác giả lại chịu mất 10 0/0 cho họ, tại sao lại không tự mình chịu khó tìm tới các nhà xuất bản mà giao thiệp

như vẫn làm xưa nay ? Một đại lý văn học, ông Michel Hoffmann, đầu tiên sĩ luật, trả lời về thắc mắc đó. Michel Hoffmann đại diện cho André Maurois ở Đức. André Maurois chuyên viết danh nhân truyện ký, một nhà văn khác là Henry Troyat cũng viết loại đó (mới vừa rồi Maurois in cuốn *Balzac*, Troyat in cuốn *Tolstoi*). Henry Troyat không nhờ ai đại diện quyền lợi mình tại Đức hết. Ở Đức có chín nhà xuất bản in sách của Troyat, mà theo Hoffmann thì nếu có ai khéo thu xếp cho một nhà xuất bản thôi, sách sẽ bán chạy thêm gấp mười lần. Tại sao vậy ? Tại vì khi ấy một nhà xuất bản sẽ không ngại tốn phí để quảng cáo rộng rãi, đang này chín nhà cùng in, « nhiều thầy thổi ma » : Troyat thiệt thòi. Một nhà văn đâu có biết đến hết các khía cạnh thương mại của văn để xuất bản, đâu có lo liệu chu tất được, phải nhờ đến một người đại diện cho rành buôn bán, rành luật pháp. Lại một thí dụ khác : Odette Arnaud, đại diện cho Giovanni Guareschi tại Pháp, mang cuốn *Don Camillo* đi bán bị sáu nhà xuất bản từ chối, và khi nhà xuất bản thứ bảy chịu in thì sách liền bán được một triệu hai cuốn ! Không có Odette Arnaud, tác giả đâu có từ Ý sang Pháp bán tác phẩm kiên nhẫn như vậy được.

Ở Âu Mỹ có những đại lý lo tung các tác giả nước mình ra nước ngoài, nói cách khác là lo « xuất cảng » văn sĩ. Chính bà chủ tịch nghiệp đoàn các đại lý văn học, bà Jenny Bradley, trong hai mươi năm vừa qua đã đưa J.P. Sartre, Simone de Beauvoir, Albert Camus, Joseph Kessel và Roger Vailland qua Mỹ.

Bà Hélène Strassova chuyên đưa Malraux qua Đức v.v...

Ngược lại, cũng có việc « nhập cảng » văn sĩ. Ông Michel Hoffmann đại diện cho John Steinbeck, cho Daphné du Maurier, cho Mary Mac Carthy v.v... tại Pháp, bà Marie Schébéko đại diện cho Graham Greene, cho Arthur Miller, cho Tennessee Williams tại đây.

Tóm lại trong cái xã hội buôn bán rầm rập ngày nay, người đại diện thương mại, chỉ có người ấy chứ không thể là chính tác giả, có đủ to tiếng dài hơi hò hét giới thiệu một tác phẩm trên thị trường, đủ hiểu biết, kinh nghiệm, khôn ngoan chen lấn lặn lội trong thương trường, dùng mọi mảnh khoé để khiến khách hàng chú ý tới món hàng, đủ thì giờ tìm tòi khắp năm châu để kiếm thêm độc giả cho một cuốn sách... Đó là một công việc chuyên môn vất vả, khó khăn, một nghề, mà những văn nhân khờ khạo mơ mộng không đảm đương được.

Cái nghề đó, hiện thời ở Âu Mỹ đã thành ra quan trọng. Một nhà văn có sách dịch ra đủ thứ tiếng trên thế giới là François Ponthier, đã bảo rằng ông ta không thể là ông ta nếu không gặp được bà Alice Le Bayon, (người đại diện của ông). Ký giả Thérèse de Saint Phalle trên tạp chí *Le Figaro littéraire* (số 10-3-65) đã giận chính phủ Pháp sao không tưởng thưởng bội tinh, huy chương, cho bà Jenny Bradley, người đã có công làm cho thế giới biết đến bao nhiêu là văn tài của Pháp quốc.

Tại sao không làm được ?

Sách bỏ túi và người đại lý văn học là hai yếu tố mới trong công việc phổ biến sách vở. Hai yếu tố kinh khủng đến nỗi có người vội nói tới sự xuất hiện một nền văn hóa mới. Bởi vậy muốn canh tân, muốn « hiện đại hóa » hoạt động phổ biến sách ở xứ mình tưởng có thể nghĩ ngay tới hai yếu tố đó. Thực ra không phải ở đâu cũng dùng được những biện pháp như nhau.

Hãy nói tới trường hợp nước Pháp. Pháp có nền văn hóa lâu đời hơn Mỹ, tiếng Pháp cũng được phổ biến rộng, số người đọc chữ Pháp nhiều ; vậy mà sách bỏ túi Penguin books ra đời năm 1935, trước sách bỏ túi Pháp ngót 20 năm. Ở Đức, và thậm chí ở Hòa lan, sách bỏ túi cũng ra đời trước ở Pháp tới 10 năm. Trong năm 1963, người ta được biết rằng tại Mỹ cứ một người đọc 3 cuốn sách bỏ túi, ở Anh 1,6, ở Hòa lan 1,4, ở Đức 1,2, ở Pháp thì chưa đầy 1 cuốn : chỉ có 0,9 cuốn. Tại sao vậy ? Các lý do tìm thấy thường là lý do về tâm lý. Ý niệm về « văn hóa » ở Pháp có hàm ý cao siêu, tôn nghiêm ; « Văn hóa » là cái gì dành riêng cho một giới, cho một hạng người, hạng trí thức, có bằng cấp cao, được đào luyện kỹ lưỡng do những bậc thầy có uy tín. Văn hóa phẩm đâu có thể là cái thứ sách bán đầu đường xó chợ, bày cùng loạt với kem đánh răng, với kẹo cao su ? Alain đã nói : trong chữ *culture* (văn hóa) có chữ *culte* (tôn thờ). Sách của M. Proust, của Alain, của Malraux... quần chúng chỉ nên đứng xa mà ngưỡng vọng thì mới phải phép. Tính cách cao thâm của « văn hóa » là một huyền

thoại. Bây giờ ông bà cô cậu nào đang đi ngoài đường cũng có thể vớt ra 2 quan rưỡi lỗi về nhà một tác phẩm của Malraux tha hồ đọc và bàn tán ồm tỏi, như vậy có chết « văn hóa » không kia chứ ! Tác dụng đầu tiên của loại sách bỏ túi là giải trừ các huyền thoại về văn hóa. Có một cuốn sách in vào *Editions Sociales* bán giá rẻ mà không chạy mảy, khi in vào loại 10/18 bán giá có hơi cao hơn lại đầy đi ngót 100 nghìn cuốn : như vậy rõ ràng sự thành công của sách bỏ túi do ở một điểm tâm lý, nó khuyến khích quần chúng nhào vô các lâu đài không chút kiêng nê, e dè nữa.

Do đó mà ở Pháp các nhà « trí thức » không ưa sách bỏ túi, họ thù nó, ghét nó, không muốn trông thấy mặt nó. Năm 1960, liên đoàn các nhà xuất bản ở Pháp đã thử mở một cuộc điều tra, kết quả xác nhận sự kiện ấy. Tìm hiểu về tâm lý giới đọc sách ở Bordeaux, Robert Escarpit và Nicole Robine cũng nhận thấy rằng tại những hiệu sách chuyên bán cho hạng khách hàng thượng lưu trí thức thì chủ hiệu giấu nhem loại bỏ túi vào kho chứ không dám phô bày ra ngoài tủ kính : bán nó thì có bán (nó chạy quá, làm sao từ chối nó cho đành), nhưng không muốn để sự hiện diện « xấu xa » của nó làm phật ý các nhà trí thức. « Sách ư ? Sách thì phải vừa rọc vừa xem từng tờ mới thú, sách thì phải đóng gáy cẩn thận, chứ sách đâu lại lưng thì dán keo, bìa vẽ sặc sỡ, sách đâu lại xén sẵn cả cuốn một loạt ! » Người trí thức trông đến cuốn sách bỏ túi là y như trông thấy cả cái thói bừa bãi, tầm phào của quần

chúng đông đảo thô tục, không còn chút gì là cái thận trọng kính cần, quý mến, chất chịu đáng lý phải dành cho một văn hóa phẩm.

Ở Pháp người ta quan niệm việc trau dồi kiến thức bao giờ cũng phải tiến hành tuần tự từ thấp đến cao, có tầng có thứ, có thầy giảng dạy dlu dắt, theo đúng chương trình hợp lý, trong trong những nhà trường đứng đắn. Ở Pháp, giới trí thức rất kỵ cái lối học phá ngang, học tắt, tự học, bạ đâu học đấy, vượt bỏ những điều căn bản.

Trái lại, ở Anh, Mỹ, người ta ít câu nệ nguyên tắc, ít tôn trọng đường lối cổ điển, người ta có tâm lý thực tiễn hơn. Bởi vậy ở Anh, Mỹ không có cái huyền thoại về văn hóa, không có sự khinh rẻ cái lối tự học ngoài nhà trường (chẳng những vậy, còn có sự khuyến khích nữa là khác). Tại sao các thư viện ở Paris mỗi năm số sách cho đọc giả mượn về nhà chỉ có 3 triệu cuốn, mà ở Luân đôn con số ấy lên đến 33 triệu : 11 lần nhiều hơn. Sau khi so sánh dân số ở hai đô thị và trình độ văn hóa ở hai nơi, ta thấy rõ sự khác biệt về tâm lý của hai dân tộc. Có lẽ đó là lý do khiến sách bỏ túi thành công ở xứ sở người Anglosaxon trước và mạnh hơn ở Pháp. Theo Bernard Pingaud thì đại khái là như vậy.

Còn vai trò của người đại lý văn học cũng ở trong trường hợp như thế: tại Anh, Mỹ hạng người này xuất hiện sớm hơn tại Pháp, được các tác giả quý chuộng hơn, có địa vị vững chải hơn ở Pháp nhiều. Tại Pháp, một số đại lý văn học

Sau khi đăng bài

TIỂU SỬ

NGUYỄN-PHAN-CHÂU

trên *Bách-Khoa* và trên *Hòa-Đồng*, chúng tôi có được nhiều bạn tìm gặp hoặc viết thư cho biết các điểm sai lầm hay thiếu sót.

Chúng tôi đều ghi nhận và mong sẽ còn nhiều bạn khác cho biết thêm về *Diệp*, về *Châu*, để khi quyển "*Dân tộc Việt qua một số người không còn nữa*" của chúng tôi ra đời sẽ nhờ các bạn mà có một tiểu sử đầy đủ và chính xác về người trai xứ Bình-Định xấu số này,

Xin các bạn (đã thân ái chỉ mách cũng như các bạn sẽ tiếp tay) nhận nơi đây lời cảm tạ chân thành của chúng tôi.

NGUYỄN-NGU-Í

lơ thơ, hoạt động gặp nhiều trở ngại nghề nghiệp, mà cũng chẳng được mấy lăm tác giả nhờ cậy đến. Tại sao ? Một người trong nghề, bà Marie Sché-béko nói rằng : người Pháp, thâm nhiễm cá nhân chủ nghĩa tới xương tủy nên muốn tự mình biện lý lấy công việc của mình, không chịu phó thác cho người đại diện ?

Thực vậy không ? Không đúng. Người Việt Nam, người Trung hoa chỉ mới dính một chút cá nhân chủ nghĩa ngoài da, sao cũng không hề nhờ đến người đại lý văn học bao giờ cả ?

Có lẽ đây cũng lại là do tâm lý thực tế của người Anglosaxon. Vì thực tế, họ

không câu nệ, họ xem học ở đâu cũng là học, sách nào coi được hiểu được là coi, ai cũng có quyền coi, không có địa hạt nào là cấm kỵ, là đáng kiêng nể cả. Vì thực tế, họ sớm công nhận rằng cái việc phổ biến sách vở ngày nay là một vấn đề buôn bán trắng trợn và phải giao cho những tay chuyên môn. Trong khi ở nhiều xứ khác, người cầm bút còn cái tâm lý cao thượng, «bỉ nhân moi tìm văt óc được bấy nhiêu lời thô lậu đánh bạo mang ra trình bày, mong may được đón tiếp những lời chỉ giáo của hải nội chư quân tử» hoặc «bỉ nhân lao tâm khổ tứ bao năm trường nay đem công bố ra là chỉ mong góp một viên gạch nhỏ vào việc xây dựng lâu đài văn hoá vĩ đại v.v..» Người có óc thực tế, trong hoàn cảnh hiện nay, thấy rằng dù trong thâm tâm «bỉ nhân» có dụng ý sáng tác như thế nào mặc lòng, khi in ra «bỉ nhân» vẫn mang sách bán cho chạy. Việc đóng góp viên gạch, việc

chờ đón cao kiến hải nội chư quân tử là vấn đề của người sáng tác; còn vấn đề của người xuất bản là tiêu thụ cho nhanh và cho nhiều. Có lẽ bởi vì vẫn mang cái quan niệm là mình «hoạt động cho văn hóa» chứ không phải mình chế tạo ra món hàng để đi bán, cho nên người văn nghệ «cao quý» ở ta hay ở Pháp không nghĩ đến cái nghề chuyên về bán món hàng tinh thần ấy. Thậm chí ở ta có tác giả viết xong sách cứ để đấy, chờ hết năm này đến năm kia, cho đến khi có người tri âm đến xem, đặc ý, mang đi xuất bản giúp cho hoặc giới thiệu giúp cho.

Trong trường hợp này, ta lại thấy tâm lý thực tiễn của người Anh, người Mỹ, xử sự trong địa hạt văn hóa, tuy có hơi thô một chút đấy, nhưng mà thẳng thắn và hợp thời.

5 - 1963

TRĂNG-THIÊN

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY HỎA HOẠN

TẠI NẠN GÂY BỞI CHẤT NỔ
VỐN : 1.500 TRIỆU PHẬT-LĂNG
Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions
Capital : 1.500.000.000 Frs.

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY TAI NẠN

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO
VỐN : 3.000 TRIỆU PHẬT LĂNG
Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers
Capital : 3 Milliard de Frs.

CÔNG - TY BẢO - HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH
Vốn : 8.750.000.000 Phật Lăng

Assurance Franco Asiatique
Assurance Toutes Branches
Capital : 288.750.000.000 F.

NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG
LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-Thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

GIẤY NÓI : 21.253 — 23.913

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ, 44

SAIGON



HEAD OFFICE

Plapplachai, Bangkok

OVERSEAS BRANCHES :

London : *Barrington House 56-67 Greensham Street, London, E. C, 2*

Tokyo : *No 1, 2 Chome Muromachi, Nihon-bashi, Chuo-ku, Tokyo.*

Hongkong : *60, Bonham Strand West.*

Central district : *Shell House, Queen's Road.*

Kowloon : *580 A. Nathan Road Kowloon.*

Singapore : *64 South Bridge Road*

Kuala Lumpur : *14 Ampang Street.*

Tìm hướng mới cho quốc-sử

• BÙI-HỮU-SÙNG

(Xin xem từ B.K.T.Đ. số 201)

Trong mấy số báo trước, tôi đã nêu ra vài thắc mắc để chứng minh rằng giữa văn hóa Lạc Việt và văn hóa Việt Nam còn nhiều tương quan mật thiết. Như vậy chúng ta chưa có thể kết luận vội rằng giống người Việt Nam khác người Lạc Việt. Tôi rất mong chờ những lời giải thích của sử gia Nguyễn-Phương hay của một sử gia khác có thiện chí mang lại giúp nhóm độc giả ham học-sử thêm vài tia sáng soi rọi vào thời tiền-cổ u-minh. Trong khi chờ đợi tôi xin bước sang phần thảo luận về chủ-trương của giáo-sư Nguyễn-Phương trong đoạn kết của bài khảo sử rồi, căn cứ vào ưu, khuyết điểm của thiên ấy, chúng ta thử cùng nhau đi tìm, cho quốc-sử, một hướng mới.

Phân tích đoạn kết.

Ai cũng biết, trong bài khảo-luận, phần kết luận là phần cốt yếu. Ý chính của bài đã nêu ra ở đầu, lần lượt được chứng minh qua bài, để đến đoạn chót

đúc kết lại tựa như bàn tay trước xòe ra nay nắm chặt lại. Đọc lại đoạn kết của bài báo lịch sử Lạc Việt, ta thấy lý luận mạch lạc, chặt chẽ và đã đưa tới một kết luận danh thép, hùng hồn, dứt khoát.

« Nhưng như đã thấy được trong khi khảo sát nền văn minh Lạc Việt, dân Việt Nam không giống dân Lạc Việt về nhiều phương diện : Không giống về phong tục, không giống về tôn Giáo, không giống về nhân chủng,

« Về phong tục, dân Lạc Việt thuộc về cùng một loạt với dân thuộc giống Anh-đô-nê, nhưng người Việt-Nam lại thuộc về cùng một loạt với dân Trung-Hoa. Những dấu vết của phong tục Lạc Việt được ghi lại trên trống đồng không hề gặp thấy trong Xã Hội Việt Nam. Người ta có thể cắt nghĩa rằng đó là vì trong chung đưng lâu dài với người Trung Hoa, dân Lạc Việt đã thay đổi phong tục. Nhưng người ta

cũng rất có thể nói rằng, đó là vì dân Việt Nam do dân Trung Hoa di cư sang, chứ không phải do người Lạc Việt mà ra nên mới có phong tục như người Trung Hoa; người ta càng có thể nói như thế khi người ta thấy rằng dân Mường dân Mọi vẫn còn duy trì nhiều phong tục Lạc Việt.

« Về tôn giáo có lẽ không ai chối cãi được rằng dân tộc Lạc Việt thờ vật tổ là chim. Chim này có lẽ không phải là chim Lạc, nhưng chắc chắn chim đóng vai tối yếu trong đời sống tôn giáo của họ. Không thể nào giải thích được rằng những hình chim, cùng những đồ hóa trang bằng lông chim vẽ trên các trống đồng chỉ có ý nghĩa trang trí. Nếu chim quan trọng như thế đối với dân Lạc Việt, tại sao nó không có một tí quan trọng nào, hay không để lại một dấu vết nào nơi dân Việt Nam?

« Cuối cùng, về phương diện nhân chủng, người Lạc Việt chắc chắn thuộc loại Mông-gôn-lich. Trong trường kỳ lịch sử, nhiều cuộc chung đụng với các giống người khác đã làm phong phú thêm cho giống nòi Việt Nam, ví dụ người Việt Nam, trong thời hình thành đã pha lẫn với người Chăm, người Chân-lạp, nhưng thế không phải là để nói rằng người Việt Nam cũng là người Lạc Việt, cũng là người người Chăm, hay người Chân Lạp! Người Việt-Nam bao giờ cũng chỉ là người Việt-Nam qua các cuộc chung đụng vừa kể. *Nghĩa là tách tự giòng giống Trung Quốc, họ vẫn giữ thói tục Trung Quốc, ngôn ngữ Trung Quốc, tôn giáo Trung Quốc, cho đến khi cá tính của*

họ này nở dần dần theo đà một quốc gia độc lập và một số những điểm dị biệt đối với Trung Quốc phát sinh». (Bách Khoa số 200 trang 51 và 52)

Phân tích ra, ta thấy đoạn kết trên có hai ý chính, tạm chia ra ở đây thành hai phần:

PHẦN I

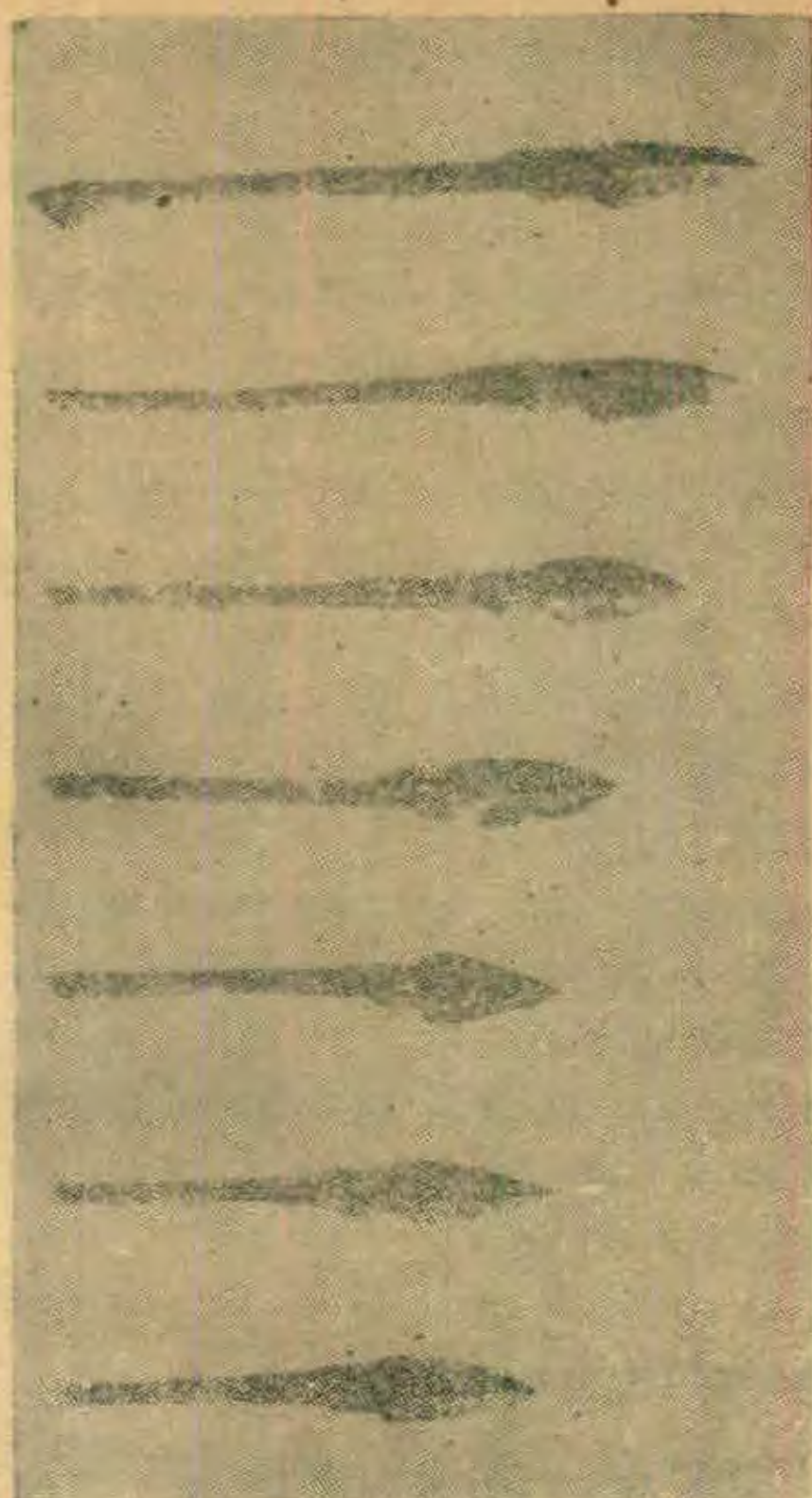
Dân Lạc Việt khác dân Việt Nam về phương diện phong tục, tôn giáo và nhân chủng.

PHẦN II

Người Việt Nam gốc ở Trung Hoa, di cư sang đây, tuy có pha lẫn với người Lạc Việt, người Chăm, người Chân Lạp nhưng vẫn là người Việt Nam qua các cuộc chung đụng, *nghĩa là tách tự giòng giống Trung Quốc, họ vẫn giữ thói tục Trung Quốc, ngôn ngữ Trung Quốc, tôn giáo Trung Quốc, cho đến khi cá tính của họ này nở dần dần thành một quốc gia độc lập.*

Bàn qua về phần I.— Trong khi nêu ra những điều thắc mắc ở mấy số báo trước, không phải là đề bút chiến hay bắt bẻ sử gia của chúng ta. Tôi chỉ muốn nói lên rằng đã đứng trên hai lập trường khác nhau, hai cách giải thích khác nhau nên hai bên nhận xét thấy những chi tiết khác nhau.

a) Về sử liệu.— Sử gia Nguyễn Phương đi sát với « *sử liệu thành văn* » của Tàu và chỉ lắng nghe sử liệu ấy đọc cho viết một cách khách quan. Còn tôi, tôi e rằng chữ Hán, một thứ văn ngoại quốc không diễn đủ thực trạng Việt Nam. Hơn nữa theo tôi, xét về phong tục, thiết tưởng ngoài sách vở chữ Hán cũng cần phải bổ



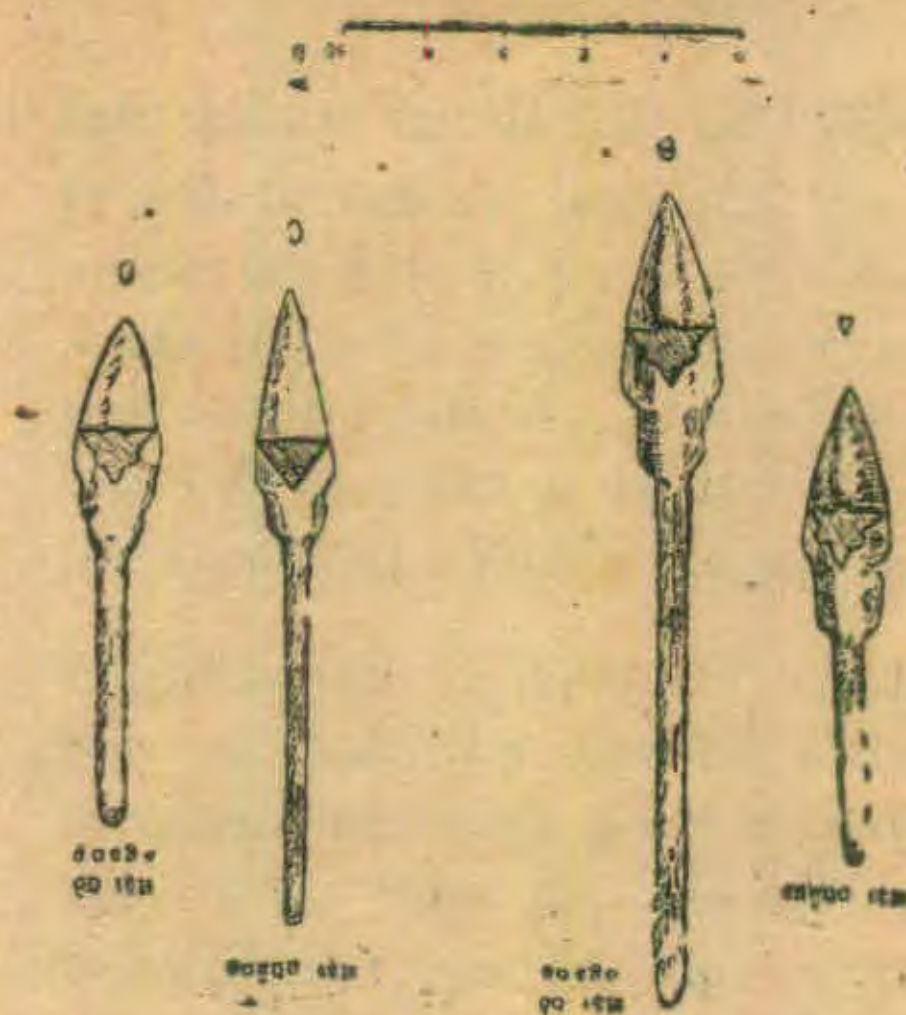
Chú thích

Hình 1. (trái) 7 loại tên đồng đảo
thấy ở Cồ-Loa.

Hình 2. (phải) So sánh tên đồng đảo được ở Cồ-Loa với tên đồng đảo được ở làng Chính-Giáp, huyện Đông-Sơn, Thanh-Hóa.

Hình 3. Bản đồ thành Cồ-Loa, và nơi đào thấy những mũi tên đồng.

Độc giả biết tin bên nào? Theo hình 1, 2, 3 sự khai quật chứng minh thành Cồ-Loa có thực sự. Trái lại, trong Bách Khoa số 189, trang 26, theo giáo sư Nguyễn-Phương, thành ấy « chỉ là một địa danh sông và rồi người ta bịa ra chuyện này chuyện khác để cắt nghĩa ». (ghi chú của tác giả)



CHỦ-THỊCH

-  Di tích thành đài
-  Đường đă
-  Đền chùa
-  Xóm làng
-  Đồi cao

1. Chỗ truyền lại đạo thầy là đây
4. " " " " gô
5. " " " " gạch lát
6. " " " " ống đồng
2. Một cửa vào thành
3. Xa dài, nơi tập dượt

khuyết bằng quan sát tại chỗ hay bằng dã sử, thần thoại. Ví dụ: nỏ đồng và thành Cổ Loa mà lý luận của giáo sư Nguyễn Phương cho là một địa danh, là một tên bịa đặt như tên núi Vọng Phu thì trái lại, sự khai quật đã chứng minh thành ấy có thực). (Xin xem hình)

b) Về giải-thích sử liệu — Sử gia Nguyễn Phương giải thích sử liệu theo lý trí khách quan trừu tượng, tôi cho rằng nên giải thích với phương pháp cụ thể (Ví dụ: trống đồng và việc khai mỏ đồng). Hai cách giải thích đều phỏng theo phương pháp của Tây phương, nhưng cách thứ hai hợp với tình trạng sử ở Việt Nam hơn. Cách giải thích phân tích của giáo sư có thể đưa đến ngộ bí ấy là cứ đi tìm cho được cái cốt yếu căn bản đầu tiên (premier élément constitutif) Ví dụ, như xét dân tộc, cứ phải tìm thuần chủng dân tộc; cũng như khoa học sinh lý xét cơ thể cứ phải tìm tế bào. Còn theo tôi thì nhìn về toàn thể (global), tôi cho Văn minh sử Việt Nam là một tổng hợp, một cấu tạo trong đó các phần tử liên lạc mật thiết với nhau, không thể xét cái này mà không đếm xỉa tới toàn thể những cái kia.

Nhân đây, cũng xin có vài lời về cách phê bình bài khảo sử. Phê bình một bài khảo sử không phải làm cái việc sơ đẳng: khen và chê. Cũng không như đọc thơ, đọc tiểu thuyết, độc-giả chỉ việc thả hồn mình vào trong thế giới âm thanh hay vũ trụ tiểu thuyết. Phê bình một bài khảo sử là xét giá trị thực hư chân ngụy của từng sự kiện

một, xem khía cạnh nào đúng, khía cạnh nào sai. Sau đấy lại xét xem sai hay đúng là tại sử gia đã có nhốn quan (optique) nào, áp dụng phương pháp nào, giải thích theo chiều hướng nào. Phê bình sử cũng không là gây một bút chiến vì, muốn lấy bút đả nhau, thì ít ra đã có một bên cho mình nắm được sự thật và có tham vọng mang sự thật ấy ra «ốp» đối phương. Về cổ sử, chưa ai dám tự phụ là mình đã nắm được sự thực mà dám tung một «chưởng» đả hạ đối phương. Tóm lại phê bình là giải thích, là xây dựng và nếu viết cho báo chí phổ thông là thiết lập một cuộc đối thoại giữa sử gia, người phê bình và độc giả. Đối thoại sẽ rất phong phú, bổ ích cho quốc học nếu cả ba phe đều có thiện chí đi tìm chân-lý.

Vài thắc mắc về phần II của đoạn kết. — Ý chính thứ II, chấm dứt đoạn kết của thiên khảo sử có lẽ sau này sẽ là đề tài của một thuyết lớn mà giáo sư đang giảng dạy ở Đại Học và giáo sư còn phải sửa chữa bổ xung nhiều và sẽ in thành sách.

Trong tương lai, chúng ta sẽ hành diện có một danh tác về lịch sử như cuốn *La cité antique* của Fustel de Coulanges. Và tới ngày đó cũng phải có một sử gia uyên thâm có «óc lịch sử» vào bậc «Nguyễn Phương» mới dám đọ tài, phê bình, thảo luận, «kỳ phùng địch thủ». Tôi không có kỳ vọng ấy.

Ở đây bài báo nhỏ này — như tit của nó đã báo trước — chỉ góp vài ý

kiến về phần I thôi. Phê bình ý chính phần II lại sẽ vừa sớm quá và vừa ỉa ỉa. Tuy nhiên, tôi cũng mạo muội nêu ra vài thắc mắc nhỏ.

a) *Về phương diện nhân chủng.*— Về phương diện nhân chủng, có gì báo hiệu chúng ta là người Việt Nam gốc Trung Hoa không?

Ở đây may mắn giáo sư Nguyễn Phương đã trả lời giúp chúng ta rồi. Trong Đại Học số 32 trang 152, giáo sư đã nhận một cách khiêm tốn rằng thuyết của giáo sư chưa được dứt khoát. Vì « *Có nhiều bác sĩ cho rằng yếu tố Rhésus trong máu người Việt Nam không có một số lượng như trong máu người Tàu* » Ở đây chúng ta cũng nên thêm rằng : phải chờ một nhà nhân chủng học trong tương lai đo một số lớn sọ người Tàu và người Việt, thuyết về cổ sử Việt Nam mới hy vọng có nền tảng khoa học vững chắc. Tới nay bác sĩ Đỗ Xuân Hợp mới đo và so sánh về xương đùi (le fémur) khi nào cuộc đo sọ thành tựu mỹ mãn, khoa sử học sẽ thêm một hướng mới còn từ trước đến nay thuyết nào cũng chỉ xây dựng quanh quẩn trên vài tập tài liệu chữ Tàu do mấy nhà khảo cổ Chavannes, Maspero, Aurousseau kiểm ra : Thật là bí tắc !

b) *Về phương diện phong tục.*—

Về phương diện phong tục, ta thấy người mình không hoàn toàn bắt chước người Tàu.

Xem như cái tục « bó chân » của các cô thiếu nữ Trung Hoa, từ lúc tám tuổi, ngón và bàn chân bị bó gập lại. Khi về già, họ đi lại khó khăn như người què. Theo P. Gourou (*La terre et les hommes en Extrême Orient* page 155) tục ấy do một số thi sĩ Trung Hoa đa tình muốn làm cho người yêu của mình đi lại nhí nhảnh như bông sen vàng, trông vừa đẹp mắt vừa gợi tình dục. Còn theo Etiemble (*Connaissons-nous la Chine ?* Gallimard, 1964, page 125) tục bó chân xuất hiện vào thế kỷ thứ X, và rất mau phổ thông trong nước Tàu. Lúc đầu do thi sĩ Li yu (?) thuê làm cái hoa sen, đặt người đẹp lên trên nháy múa, đôi chân bó chặt lại, trông như hai cái ngà (deux cornes) của mặt trăng nhô lên. Ông Etiemble còn dẫn thêm một cuốn sách cổ để giải thích rằng : « chân và đùi bị băng bó, không thể nhận được thức ăn nữa ; vậy nhờ đấy những bộ phận sinh dục (les parties génitales) ở phía trên được phát triển làm tăng thêm khoái lạc ». Tục này, người Trung Hoa có mang sang nước ta, không những ở thành thị, cả tới các phủ huyện.

BẠN ĐỌC NHỚ GIỮ TRONG SỐ NÀY

MỤC LỤC BỘ MÔN

TỪ BÁCH KHOA SỐ 193 - 204

Ở ngoài Bắc, chúng ta thường gặp nhiều người đàn bà Tàu bó chân, đi lại một cách vất vả trong các chợ. Dân ta cho đây là một tục dã man, không hề bắt chước, và cũng không nhận đây là truyền thống của «Tổ Tiên» gốc từ Trung Hoa sang.

Nếu dân ta có bắt chước một tục nào của Tàu, việc bắt chước ấy tất có lý do của nó. Sử gia hãy đặt tục ấy vào hoàn cảnh lịch sử, sẽ hiểu ngay ý nghĩa. Ví dụ : vụ đặt ra chức quan «Hỉ giám» trong Thâm Cung dưới thời Trần, phỏng theo triều đình Trung Hoa.(1)

Lễ nghi này gốc ở nhà Chu bên Trung Hoa nhưng sau bị Vua Tống bỏ đi. Còn ở nước ta Vua Trần Thái Tông áp dụng giòng giã chín năm không thấy «này chồi đâm bông» : một mối lo lớn cho Hoàng tộc. Duy chỉ lợi cho Trần Khắc Chung được giữ chức Hỉ giám quan và có dịp đi sâu vào nếp sống phòng the trong cung để dạy thêm cho Huyền Trân Công Chúa.

c) Về phương diện ngôn ngữ.— Về phương diện ngôn ngữ, tôi cũng xin có một điều thắc mắc. Giáo sư cho rằng người Trung Hoa di cư sang đây vẫn giữ *ngôn ngữ Trung Quốc*. Vậy xin hỏi ngôn ngữ ấy đã biến thành tiếng Việt Nam bằng cách nào ? qua giai đoạn nào ? Vì xưa kia dân ta đã có tiếng nói rồi, bằng chứng là những tiếng rất cổ như Bồ Cái, cồ, Trung Chắc, Trung Nhì, mống, v. v... Ngữ Pháp, cách đặt câu, (grammaire structurale) của ta cũng khác của tàu khác đến nỗi bắt buộc bọn Sĩ Nhiếp phải giảng dạy Hán-Văn

bằng tiếng Việt, họ không thể đồng hóa được tiếng ta. Ngôn ngữ Việt cũng giữ vững địa vị từ thời Hán thuộc đến 1915 các thanh thiếu nhi đến học ở nhà thầy

(1) Vua nhà Trần, Trần Thái Tông, đã đặt chức quan gọi là «Hỉ giám quan» chức này có trọng trách hướng dẫn mình rồng đảo cung nào và tránh cung nào khi nhà Vua cần sanh kịp những con quý tử. Chức quan này giao cho một thị thần giỏi về y, lý số, biết nghiên cứu các tử vi, định ngày giờ nào, tuổi Vua hợp với Hoàng Hậu hay hợp với Cung Phi nào. Quan «Hỉ Giám» phải tế nhị lắm, không được «rì tai», phải biết xử dụng các ám hiệu. Nếu phải ngày «tiện» hay «bất tiện» ông chỉ việc dùng á lệnh là trực giác của Vua và các Cung Phi nhận ra ngay. Ví dụ, theo «Quốc Triều Thông Lệ», hôm nào long thể bất an, không thể ly cung, thì trước cung Vua, nội giám phải treo chiếc lồng chim hoàng yến, thế là hôm ấy, Hỉ giám quan mừng không phải tính toán giờ đại cát, hỉ thần mà Hoàng Hậu và các Cung Phi cũng biết trước đêm nay vua không «quan tâm» và là một đêm lạnh ngắt như đồng. Còn nếu trước cung Hoàng Hậu hay trước cung một Cung Phi có treo ngọn đèn lục (báo là đau bụng) treo giấy kim tông ngũ chỉ lụa đỏ (tức là hành Cung), thì quan Hỉ giám trừ các cung nói trên, chỉ phải đặt con tính cho các cung còn lại, các cung nào đều treo một cụm hoa, mùa nào hoa đó, cung nào «hành cát» nhất về đêm ấy, sẽ treo đèn lồng có tua ngũ. Như vậy, tùy nhà Vua đi thẳng xuống Cung tốt nhất hay cao hứng đi quẹo. Trước giờ xuất Cung, có yến tiệc, ca nhạc vui nhộn, kỹ nữ nhảy múa và khi tới giờ, Hỉ giám tới đón Vua và ông ta bưng ly trăm giờ cao ngang trán đi trước theo sau Vua là các nữ nhạc công. Tới cái Cung đã được Vua chỉ định, Hỉ giám quan sau khi dâng một ly rượu kích thích, đánh lên ba tiếng kiềng vàng báo giờ «hoan khúc», mọi người rút lui cho có trật tự vào các phòng tối om. «Cái đêm hôm ấy đêm gì ?»

đồ, đều học theo phương pháp dịch Hán Việt. Ví dụ : Tiếng « duy » dịch là « bui » kỳ là thừa, chi là chung. Mấy câu vỡ lòng trong Tam tự kinh, khi học phải nói kèm ngay câu dịch : người *chung* xưa, tính vốn lành. Một văn tài như Nguyễn Trãi cũng chưa thoát được ảnh hưởng của lối học ấy. Trong Quốc Âm thi tập (thế kỷ 15) của ông nhan nhản những *bui*, *thừa*, *chung*. Xin đan cử :

Bui một tắc lòng ưu ái cũ (bài số 25)

Bui có một niềm trung hiếu cũ (bài 158)

Vậy xin hỏi : tiếng Việt, vốn đã có từ xưa, sau đây được phong phú thêm, hay nó gốc từ người Trung Hoa di cư sang rồi đây sáng tạo ra nó ? Nói khác đi, tiếng Việt có phải là con đẻ của tiếng Trung Hoa chăng ? (Ở Hà Nội gần đây, hình như ông Trường Chinh chủ trương cho tiếng Việt là phát sinh từ tiếng Quảng Đông). Các nhà ngôn ngữ học Tây Phương cũng đã đưa ra vài ý kiến khác nhau. Ông thì cho là tiếng Việt-Nam thuộc về ngành ngôn ngữ Austro-Asiatique, người thì cho thuộc về loại Mon-khmer nhưng đây chỉ là giả thuyết cả, chưa ai khẳng định thuyết của mình là một chân lý lịch sử. Tiếng Việt có cách cấu tạo riêng, giọng nói riêng đã từng độc lập, chống lại một cách oanh liệt trước sự xâm lăng của tiếng Tàu, tiếng Pháp. Sự thành công oanh liệt ấy phần lớn là nhờ ở đám quần chúng đông đảo, có nếp sống riêng, có thần thoại riêng, có tín ngưỡng riêng. Nếu ai tìm được sự phát sinh tiếng Việt, người ấy sẽ tìm thấy đầu mối của nguồn gốc dân Việt. Và để đạt được mục tiêu vừa nói, sử gia phải biết thông cảm

(Comprendre et sympathiser) với dân chúng, đừng có bĩ báng tín ngưỡng hay khinh miệt phong tục của họ. Ví dụ : không nên cho chuyện « Âu-cơ với Lạc - Long Quân » là đời phong bại tục vì thần thoại nước nào chả có chuyện tương tự : trong thần thoại Hi-lạp anh em như thân La nuit và Erèbe chả lấy lẫn nhau là gì ? Oedipe chả giết cha lấy mẹ đấy ư ? Và ngày nay có ai chê vở kịch Caligula của Camus là loạn luân đâu ? Nếu ở một làng Việt Nam mà có rước « Nỗn Nường » không phải là làng ấy « hiểu dân » mà đề cầu « Âm dương hòa hợp », mùa màng tốt, và nhất là đề sinh đẻ dễ dàng với mục đích duy trì lấy giống nòi. (1)

Còn việc bịa ra thần thoại « Con rồng cháu tiên » là vì thời Trần, khí thế đang lên mạnh, dân ta thẳng quân Nguyên, xây dựng nước trên tinh thần dân tộc, nên cần phải đề cao nguồn gốc. Ta nên thông cảm với thời ấy, xin đừng chế giễu hai chữ Hùng Vương là « Vinh dự của một sai lạc ».

Giờ đây, trong phương pháp giải thích của lịch sử, lý trí khách quan đã nhường bước đôi cho lý trí đượm tình cảm. Lý trí khách quan kiểu Descartes bị cái bệnh cứ

(1) Cờ tích thuật rằng ông Đùng và bà Đà là hai anh em ruột chẳng may vì thiên tai làng chết hết, còn lại hai người kết hôn, sinh con đẻ cháu. Về sau nhà vua (tất nhiên là nhà nho) không cho làng thờ hai vị thần ấy nhưng làng cứ thờ. Nếu chuyện này đúng, ta thương hại cho dân vùng ấy hơn là bĩ báng họ. Mỗi khi ta nhớ tới vì mất mùa, vì dịch hạch, nhiều làng bị chết hết, ta mới cảm động trước sự thờ cúng nói trên,

cố gắng đi tìm cho kỳ được "phần tử cốt yếu cuối cùng". Như xét về cơ thể thì tìm cho tới tế bào; tìm vật chất tìm cho tới hạt nhân trong lòng nguyên tử. Giải một phương trình bậc hai, bậc ba, phải tìm ra nghiệm số của X. Khảo về một dân tộc lại cứ cố khám phá cho ra giòng thuần chủng. Óc của lý trí kiểu Descartes cứ tưởng nhầm là chỉ có cái ý minh-bạch (*idée claire*). Lý trí phân tích ấy đã đồ sộ và nhường cho lý trí (*Dialectique*) và lý luận mới (*la logique bienn chứng moderne*). Freud, Jung cho rằng bên cạnh cái minh bạch của Descartes còn bao nhiêu u-uẩn của tiềm thức. Các nhà xã hội học lại cho mỗi yếu tố xã hội chịu ảnh hưởng đi lại của biết bao nhiêu yếu tố khác. Mỗi khi khảo sát một sự kiện không thể tách nó rời ra được mà còn phải đặt nó vào môi trường của nó. Do đó từ sau thế chiến, nảy ra một tư trào mới « *le structuralisme* ». Học toán mới người ta phải học « *ensemble* » (tập hợp). Bạn hãy giở cuốn Lý Hóa ra coi, đầu trang đã thấy cấu tạo của nguyên tử (vì phải đặt nguyên tử vào môi trường của nó, ta mới hiểu được cơ cấu của nó). Dạy hát, thôi không dạy do, rê, mi mà bắt đầu cho học ngay câu hát hay cả bài. Phê bình văn học thôi không tìm bộ râu Từ Hải, màu da Thúy Kiều mà đặt văn tả tình tả cảnh vào trong cả cái vũ trụ (*Univers poétique*) của Đoàn Trường Tân Thanh. Nhà văn Camus đã yêu cầu độc giả của ông đừng xét riêng từng tác-phẩm của ông mà xin đọc toàn bộ vì cuốn này chiếu sáng cho cuốn kia. Năm nhà đọc *le Misanthrope*

của Molière sao hiểu được nhân vật Alceste? Phải nhìn vai trò ấy hoạt động trên sân khấu mới thấy những liên lạc và phản ứng đi lại giữa Alceste cùng với các nhân vật khác.

Trở về Sử, càng thấy cách cảm nghĩ mới này cần hơn bao giờ hết. Nếu cứ lấy « Văn » (*texte*) và « Lý trí trừu tượng » xét ta chỉ thấy mấy tập thần thoại đời Trần là chuyện « trấn ma, răn thần ». Trái lại nếu đặt nó vào khung cảnh, tín ngưỡng, bầu không khí ái quốc sôi nổi, vào cái thế đang lên của một tiểu dân tộc, mới hiểu nổi cái ý nghĩa của chuyện con tiên cháu rồng.

Cho rằng thần thoại tiến tới tôn giáo sau tới khoa học là nghĩ theo lý trí một chiều của Descartes, của Comte. Ngược lại nếu coi thần thoại gồm cả tín ngưỡng khoa học và triết học của một đoàn thể trong một thời nhất định, là nói theo nhóm « *Structuralisme* ». Tư trào này hơi gần với óc tổng quát của Đông Phương, chỉ khác một đẳng tổng quát theo trực giác, một đẳng tổng hợp theo lý trí thông cảm.

Nếu có học giả nào đọc tới đây, sẽ mỉm cười tôi đã chạy theo « mốt » như gần đây người mình chạy theo « mốt » hiện sinh. Nhưng khốn nỗi, khảo chứng « sử liệu » một cách nghiêm mật đến như sử gia Nguyễn Phương là đã đưa khoa khảo chứng Việt Sử tới độ khá cao của nó; với cái sở đắc quý giá như vậy mà lại đi giải thích theo lối Cồ điền cũ rích, chẳng hoài lăm ru! Chắc độc giả cũng biết, ngoài lối giải thích sử theo kiểu Nguyễn Phương và lối giải thích

theo kiểu Mác-Xít, ngày nay, từ 1945, ta còn vại cách mới hơn, hợp lý hơn. Không lẽ sử gia, độc giả (về Sử) các nước đã tiến mà chúng mình cứ «bế quan tỏa cảng» hay sao? Phương pháp chép sử của ta ngày nay là phỏng theo khoa học Tây phương. Nay họ đã tiến, mình cũng phải cải tiến phương pháp của mình hay ít ra mình cũng phải cố theo cái đà chung của khoa học nhân văn. Trong một dịp khác, tôi sẽ xin giới thiệu: những nẻo đường mới của khoa lịch sử và những bộ sử đã thành công trong

khi áp dụng phương pháp mới. Nhưng dù theo cách giải thích (explicatif), thông cảm (compréhensif) cấu tạo (structural) hay nhân sinh (existentiel) cũng vẫn nên dùng tới thiện cảm: chỉ có thiện cảm sử gia mới sống lại với cái thời quá khứ để tìm ra ý-nghĩ của mỗi thời. Cái khôn khéo của sử gia là biết phối hợp óc phê bình và thiện cảm (Xin xem thêm «Rôle conjoint de la critique et de la sympathie» trang 1517, trong «L'histoire et ses méthodes» Bibliothèque de la Pléiade Paris 1961)

BÙI-HỮU-SÙNG

Đầu tháng 7 - 56 tìm đọc :

TẬP SAN

GIỮ THƠM QUÊ MẸ

LÁ RỐI XUẤT BẢN

Nhất Hạnh * Bùi Giáng * Phạm Công Thiện * Hồ Hữu Tường * Võ Hồng *
Tam Ích * Dương Nghiễm Mậu * Phạm Duy * Kim Minh * Sơn Nam * Bình Nguyên
Lộc * Nguyễn Đức Sơn * Thành Tôn * Chín Quế Thanh * Phùng Khánh v.v...

Thư từ bài vở xin gửi về : HOÀI KHANH

Hộp thư 955, Saigon

SỰ AN NINH CÁC BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD
Bảo Hiểm

27 - 29, Đại lộ Hàm - Nghi — SAIGON

Điện thoại : 23.739

ACCIDENT — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS
Tai Nạn Hỏa Hoạn Hàng Hải Linh Tinh

ĐẠI LÝ CỦA

MUTUELLE GÉNÉRAL FRANÇAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANÉE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : Paris — Tourane — Cholon — Dalat — Cantho — Vientiane
— Hongkong Tananarive — Tamatave Addijan Douala

ĐÔNG-HỒ

CHI LAN * ĐÀO LÝ

Chi lan thùy vũ

Đào lý xuân phong

Quinh-lâm thư-thất, mùa xuân năm Ất-tị.

Anh Nguyễn Ngu-Í,

Tết-nhứt rồi, ngày tháng thông thả, tâm thần thành-thời, tôi mới dỏ ra đọc bài phỏng-vấn của anh viết về tôi.

Trong bài, có đoạn nói rất đúng, có đoạn nói không đúng lắm. Nhưng, hôm anh đến phỏng vấn tôi, tôi có nói đùa với anh rằng : "Anh cứ đăng báo đi, dầu có nói sai, tôi cũng không cãi chánh !". Cho nên bây giờ tôi quyết giữ lời hứa đó.

* Bỏ tước bài "Viết và sống với Đông-Hồ" phỏng vấn của Nguyễn-Ngu-Í, đăng ở Bách-Khoa số 193, Tết năm Ất-Tị.

Cải-chánh thì tôi không cải chánh, bởi vì tôi giữ lời hứa, nhưng mà món «nợ» anh, tôi hứa trả, thì tôi phải trả cho xong. Lời hứa trên đã giữ, thì lời hứa dưới, tôi cũng phải giữ cho tròn.

Tôi thật có hứa sẽ trả lời 8 câu hỏi của anh, mà trong bài phỏng-vấn, anh có ý trách rằng tôi chưa trả lời được một câu nào hết. Bây giờ, 8 câu hỏi đó, một phần cũng đã quá thì, một phần chưa tiện trả lời vì đề cập đến chỗ riêng tư, còn một phần tuy chưa trực tiếp trả lời mà cũng đã gián tiếp trả lời trong những câu chuyện đàm thoại với anh mà anh đã ghi được ít nhiều. Duy có ba câu mà tôi sẽ trả lời phân minh cho anh được, thấy nó hãy còn thời-gian-tính là ba câu sau này :

1.— Trong cuộc sinh hoạt bình thường, xử nhân tiếp vật, Đông-hồ có điều gì vui thú nhất ?

2.— Trong mấy năm mở nhà nghĩa-học-Tri-đức học-xá ở Hà-tiên, Đông-hồ có được vui thỏa về công việc làm của mình hay không ? Có kỷ niệm nào còn nhớ ?

3.— Bỏ việc giảng học hồi 30 tuổi, năm nay 60 tuổi, trở lại công việc cũ hồi 30 năm về trước, Đông-hồ có còn thấy vui thú như thuở tuổi thanh-niên nữa hay không ? So sánh hai thời-kỳ này, có điều gì khác và có điều gì giống nhau ?

Tôi xin trả lời anh ba câu phỏng vấn đó :

1 | Thơ Tàu có câu :

*Tương tư nhất dạ mai hoa phát
Hốt kiến song tiền nghi thị quân.*

Lại có câu :

*Mạc sử xuân thu giai cảnh khứ,
Tối nan phong vũ cổ nhân lai.*

Anh mà biết được thú vị của hai câu thơ trên đó thì mới biết được tâm trạng của tôi, khi tôi được có một người bạn đến chơi nhà.

Lắm lúc tôi nghĩ rằng ở đời mà không có một người bạn nào để thỉnh thoảng gặp nhau, nói đôi ba câu chuyện nhàn đàm thì có lẽ buồn chết.

Mà nghĩ như, trong cõi hôn hôn túy

mộng, bọt bề, nắng chiều, chớp tan trong nháy mắt này, nếu không có tình bè bạn nữa thì con người ta không biết sống với cái gì cho có nghĩa.

Chắc anh muốn hỏi tôi còn tình gia đình đầm ấm đó, chưa đủ hay sao ?

Nếu có người trả lời rằng «chưa đủ» hóa ra người đó bội bạc gia đình hay sao. Tình gia đình đầm ấm, không dám bảo rằng chưa đủ, mà phải bảo rằng còn thiếu. Cho nên người đời phải tìm thêm vui thú ở tình bè bạn.

Ngày nhỏ tôi đã có câu thơ :

*Nghĩa chốn ái ân loan phượng lờ
Tình trong bạn tác trúc lan còn*

Tình trúc lan đó quả thực là thứ tình êm-đềm nhất của người đời và không

bao giờ phai nhạt. Mỗi lứa tuổi có một thứ tình bè bạn và một bạn bè. Ngày nhỏ tuổi có lứa bè bạn của tuổi thanh niên, có một thú chơi-bời khác. Ngày cao tuổi, có bè bạn của lứa tuổi lão-đại, lại có một thú giao du trò chuyện khác.

Thành ra người đời lúc nào cũng có bạn bè, và lúc nào cũng được sống với tình bằng hữu. Ai thử tìm hộ tôi xem, trong đời có thứ tình nào êm-đềm tốt đẹp và sẵn-sàng như tình nghĩa chi lan và có danh từ nào để gọi tình bằng hữu đẹp hơn hai tiếng *chi lan* nữa !

Có lắm lúc, ngồi nhà đợi một người bạn đến chơi, nếu có gặp nữa cũng là nói những chuyện đã nói đi nói lại rồi, mà cũng cứ ngong ngóng đợi, lòng cứ bần-khoăn khắc-khoải, cứ tơ-tưởng nhớ nhung. Những lúc như vậy thì buồn lắm. Rồi tự nhiên có ý thăm trách những ai ai đó đã quên mình, mà nào có ai đâu, đã hẹn hò chỉ với mình !

*Mây êm nước lặng tin nhân vắng
Hoa rụng chim kêu giấc điệp dài
Khi biệt dễ-dàng khi gặp khó
Chốn vui ai nhớ chốn sầu ai !*

Lại có những lúc, trong cuộc hội hữu, ngồi với nhau suốt một buổi sáng đến quá Ngọ, trầm trong lò hương đã lạnh, trà trong ấm cũng đã dột, mà những Nguyễn Hiến-Lê, Đỗ Bằng-Đoàn, những Giản-chi, Đông-xuyên, những Hư-chu Vi Huyền-Đắc, Bùi Khánh-Đản, cũng như những Thiếu-sơn, Trọng-toàn, Thọ-xuân, Trần-Si, những Lê Bạch-như, Lê Kim-Cui, cả những Ngu-Í và những ai ai nữa, đứng lên từ giã, lòng

tôi cứ thấy luyến tiếc, như sắp đánh rơi một cái gì mà sau giờ phút đó, khó tìm lại được nữa.

Đó là tôi chưa kể lại cho anh nghe những tình những cảnh biệt ly khi tôi còn ở Hà - tiên. Có những người bạn gió sương từ đâu đến, nằm với nhau hàng hai mươi ngày, đôi ba tháng trời. Ngày tiễn biệt đưa ra bờ sông, nhìn theo sóng nước mênh - mông, trời mây bát-ngát. Bây giờ thì bao nhiêu thơ cổ thơ kim không làm sao nói cho đúng và nói cho hết được nỗi niềm lưu luyến.

Gần đây hơn, hồi cuối năm rồi, tôi phải dọn dẹp Yiêm - Yiêm - thư - trang dời am về đất Gia - định. Kể như từ xóm Cầu - Ông - Lãnh dời về khu châu thành Bà-chiều cũng có xa xôi gì đó, mà lòng tôi cứ thấy buồn một nỗi buồn ly cách. Bữa dọn đến chỗ từ đường và chỗ thư-trai, tôi đứng lên, tự tay cuốn bức bài châm thờ và mấy câu đối, nhìn trước nhìn sau vắng - vẻ, tự nhiên nước mắt giàn-giụa.

Trong những cảm xúc nhiều nỗi đó, có một nỗi e sợ, khi về Gia-định, đường xa hơn một chút, mà các bạn hữu không thường đến chơi như từ trước.

THỜI MỚI vừa phát - hành : Người xa lạ

Cuốn truyện dài đầu tiên của Albert Camus được dịch ra tiếng Việt. Giá : 40đ.

Một mình

Truyện của Võ-Phiến. Giá : 80đ.
Bản đặc biệt có bán tại nhà sách
KHAI-TRÍ - SAIGON.

sợ rằng kể ra sẽ vơi mất đi ít nhiều cái gì thiêng - liêng cao quý. Cho nên, xin anh Ngu-Í miễn cho tôi. Tuy nói thế, chứ thực sự ra, đến bây giờ, tôi chỉ biết mang máng mà thôi, vì có ai chịu xưng xuất danh vị một việc làm đầu là cao quý mà dính - dáng đến chút hơi đồng. Vì vậy mà đến nay chuyện kín vẫn còn kín mật như hồi 26 năm trước.

Độc thơ *Tạ tình xuân nữ*, chắc anh đã biết, sau khi nhận được 30 đồng bạc đó, tâm trạng tôi như thế nào rồi.

Vui cũng vô hạn mà buồn cũng vô hạn. Nói vui nói buồn cũng đều không đúng cả. Phải nói là cảm động. Nói cảm động trơn cũng chưa đúng. Phải nói là vừa cảm động vừa phân vân.

Phân vân vì không biết nên nhận hay không nên nhận món quà Tết 30 đồng bạc đó. Một sự nhận, nhận một món chân thành tự nơi lòng tri kỷ bốn phương, thực có khó - khăn gì, huống nữa là của trong thanh khí cả, cũng không có gì mà phải đắn-đo e ngại. Nhưng lúc đó, tôi còn nhớ rõ, vào khoảng 25, 26 Tết. Tôi ngồi ở phiến đá dưới bụi trúc cạnh gốc cây mai trắng trước nhà, ven Đông-hồ.

Người trạm dịch đưa thư đến. Tôi bóc thư, thấy tấm bưu-phiếu không có tên người gửi, cũng không kê rõ xuất xứ và lý do. Nhưng mà tôi biết từ đâu gửi tới, nhờ nhận ra nét chữ ngoài phong.

Ngọn gió giao mùa dịu-dịu khua lá tre xào-xạt, mấy chùm mai trắng đã bắt đầu đưa hương.

Tôi cho tờ bưu-phiếu trở vào phong

bì. Câu thơ của Trần Đoàn tự-nhiên thoáng qua, vang vang trong ý nhớ :

*Xử sĩ bất tri Vu-giáp mộng
Không lao thần nữ hạ Dươn-dài*

Bảy giờ thì tôi hết phân vân, như đã giải quyết được một vấn đề nan giải. Tôi giữ tờ bưu-phiếu cho đến hết tháng giêng. Những người tri-kỷ của tôi cũng ăn được cái tết vui-vẻ vì định ninh rằng tôi đã ăn Tết vui-vẻ với những tình bằng hữu chân thành đó.

Qua Giêng, tôi gửi hoàn lại tấm bưu-phiếu cho người có nét chữ quen đề ngoài phong đã gửi cho tôi, kèm theo đó một bài thơ sáu đoạn mà anh hãy còn nhớ và đã nhắc đến trong bài phỏng vấn.

Trên, tôi có nói rằng tôi phân vân, không phải phân vân về sự giữ hay sự trả tờ bưu phiếu, mà phân vân vì e sợ một sơ suất, một hành động vô ý của mình sẽ làm cho bao người bạn tốt phật ý mịch lòng. Mình có nên từ chối một món quà tốt đẹp của bao tấm lòng cố-giao tốt đẹp như vậy hay chẳng ?

Nhưng rồi, bài thơ đã gỡ giúp cho tôi, bài thơ đã làm tan hết nỗi băn khoăn phân vân từ trước.

Độc những câu :

*Đã trót từ xưa hẹn với lòng
Soi gương thanh đậm nước hồ Đông
Từng quen nô giỡn làn mây gió
Chửa biết xôn xao bến lục hồng*

Và những câu :

Dám phụ tình em xuân nữ ơi !

Lòng xuân lạnh lẽo tự lâu rồi.

.....

Cảm tạ lòng ai lệ mấy hàng
Thẹn mình không xứng tấm yêu thương
Dâu xưa nợ cũ chưa thành kén
Tơ mới, tấm xuân chữa đám vương.

Thì tôi chắc rằng các người tri-kỷ của tôi không nỡ trách tôi sao đã phụ bao tấm lòng tri kỷ.

Về sau, tôi có gặp người đề phong bì, người đại diện anh em gửi cho tôi món quà Tết đó, nói với tôi rằng :

« Bác Đông Hồ tài tình và tinh khôn lắm ? Nếu bác từ chối cái buru phiếu đó, mà không biết kèm theo 24 câu thơ nợ, thì bác đã mất hết bạn bè ! Nhưng mà thôi ! Ba mươi đồng bạc của anh em tặng bác, bác đã dùng mua được bao nhiêu châu ngọc đem tặng lại cho anh em, cũng đã đầy đủ lắm rồi, đã đủ chuộc tội cho bác rồi ! ».

Trên đó là một chuyện củ, khi tôi còn ở Hà-tiên. Từ hơn hai mươi năm nay, tôi quanh quẩn ở đất phồn-hoa này, lắm lúc nhớ lại bè bạn và môn-sinh cũ của Trí-đức học-xá xưa, tưởng rằng trong đám khói lửa loạn ly, họ đã quên mất mình rồi.

Một hôm, tôi đi thơ-thần trong Sở-thú, gặp một người tóc đã bạc nhiều, đứng nép bên cầu đá, bên dòng nước nhân-tạo, có mấy tàu lá đung-đỉnh rủ lơ-thơ. Người đó chấp tay cung kính chào tôi. Tôi nhận ra là một người học-trò cũ, người Gò-công Mỹ-tho, đã học hàm thụ với tôi về phép làm thơ, trong

khi người học-trò đó làm thơ đã khá điêu luyện. Từ ngày gặp lại, cứ đến 30 tết thì dù bận-bịu thế nào, người học trò đó cũng sửa-soạn một tấm thiệp chúc tết

SÁCH MỚI

Bách-Khoa Thời-Đại đã nhận được :

— **Mối tình màu hoa đào** : Lý thuyết — Truyện kể bằng đối-thoại, của Nguyễn-Mạnh-Côn do Giao-Điềm xuất-bản và gửi tặng. Sách dày trên 350 trang
Giá : 66đ.

— **Đêm tập truyện** của Dương-Nghiễm-Mậu, do Giao-điềm xuất bản và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 148 trang gồm 7 truyện, không đề giá.

— **Văn-học Nga-sô hiện-dại**, tiểu luận của Trảng-Thiên, do Thời Mới xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 50 trang, bản đặc biệt không đề giá.

— **Tiếng chuông chiều** tập thơ (1934-1937) Liên-Hải Nguyễn-Hồng-Phang do Song Anh xuất bản và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 92 trang. Giá : 42đ.

— **Tình yêu cấm trại**, tập thơ của Cẩn-Đăng-Phi, do Vũ-Trụ xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 90 trang gồm trên 40 bài thơ. Giá : 50đ.

Trân trọng cảm ơn các tác giả và nhà xuất bản trên đây và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc Bách-Khoa T.Đ.

thật đẹp nắn-nót để vào một bài thơ « mừng tuổi thầy » chưa một lần nào bỏ quên.

Có những người ở miền Lục-tĩnh mỗi khi nghe tin tôi lên diễn đàn nói chuyện bất kỳ về vấn-đề gì, cũng chịu khó thức sớm ra đón chuyển xe ba bốn giờ khuya, lên cho kịp giờ nghe tôi nói. Nghe xong, đợi tôi xuống đàn, lại chào tôi ra xe về luôn Lục-tĩnh. Bây giờ tôi mới biết là trong đám thính-giả đã có người theo dõi tôi như vậy.

Lại có người, sau khi nghe tôi nói chuyện, thưa với tôi rằng :

— Hôm trước ở Viện Quốc-gia Âm-nhạc, nghe Thầy nói chuyện, nghe Thầy ngâm thơ mà lòng ngùi ngùi nhớ lại hồi 35 năm trước, y như nghi-dung phong-độ cũ, khi Thầy ngồi giảng học ở Hà-Tiên, mà nhớ quá.

..

Có những người cứ đến Trung thu, ngày Tết thì đem đến dâng Thầy bao mứt

phong trà, chùm phong lan, luôn luôn đều đều, không có một Tết nào sai, y như lễ thức-tu hồi còn đi học.

Nhà-học ngở tàn đào lý cũ

Chén trà cho đượm khói hương xưa

Ít nhiều đề sắc thu-dung nhạt

Đây đó còn hương vãn-tiết lưa

Cánh hạc mây phong nền gấm vóc

Cội tùng sương tỏa nếp thêu thưa

Chòm lan khóm đá đôi dòng mực

Hàng chữ còn tươi nét tuổi thơ

Mỗi khi như vậy, thì tôi đọc những câu thơ trên đó để làm vui mà nhìn mùa nọ sang mùa kia.

Ngưng chút chi lan thụy vũ

Còn nhiều đào lý xuân phong

(Còn tiếp một kỳ)

ĐÔNG - HỒ

sách mới **GIAO-ĐIỂM** ấn hành

• MỐI TÌNH MÀU HOA ĐÀO

(tiểu thuyết — kịch)

NGUYỄN MẠNH CÔN

(352 trang — giá 65đ)

• ĐÊM

(tập truyện)

DƯƠNG NGHIỄM MẬU

(152 trang — giá 50đ)

• ANH HÙNG THẮM MỆT

(tập truyện — dịch)

I. SHAW và SALINGER

(124 trang — giá 36đ)

BA TÁC PHẨM KHÔNG THỂ THIẾU TRONG MỌI TỦ SÁCH GIA ĐÌNH

TIN VĂN...

N. L. T.

Nước nhà đang qua một giai đoạn đặc biệt khó khăn. Chính trị, Quân sự, Kinh tế đến thời quyết liệt, thì Văn hóa cũng bị kích thích mà chuyển mình. Kẻ thù Cộng sản càng đe dọa nặng, cuộc sống càng gắt gao, phản ứng của lớp người làm Văn nghệ càng rõ, càng mạnh.

Nên có một hiện tượng nổi bật : những nhóm hướng về một đích, đứng sát lại nhau để mong tạo một lực lượng tinh thần đáng kể, những cá nhân thiết tha cố thực hiện chương trình ôm ấp từ lâu. Dường như có một cuộc thi đua nước rút trong làng. Không khí đang mất dần cái vẻ uể oải, buông trôi dạo trước.

Nên kể trước nhất :

Đông-Phương : Tập đoàn các Văn nghệ Tự do. — Những văn nghệ sĩ trong tập đoàn này có một chương trình rộng lớn và đang thực hiện dần.

Báo chí : thì đã có bán nguyệt san văn hóa, xã hội, chính trị *Đông-Phương*. Sẽ có *Ánh Hồng*, tuần báo của thanh thiếu nhi.

Xuất bản, sắp phát hành *Vách đá cheo leo*, tác phẩm thứ nhất của tập đoàn tác phẩm thứ chín của Nhật-Tiến người mà chúng ta có thể cho là lí thuyết gia của tập đoàn này.

Triền lãm : đang chuẩn bị phòng tranh dân tộc, tên *Hướng về đất mẹ*.

Hội thảo văn nghệ : dự định tổ chức mỗi tháng một kì, giữa người viết và người đọc.

Kịch : ban kịch Đông-Phương sẽ ra mắt khán giả đầu năm tới.

Và để giới thiệu tập đoàn với công chúng Huế, một phái đoàn bốn người sắp ra cố đô ngày 25 này (nếu không có gì bất ngờ vào giờ chót). Trưởng đoàn là nữ sĩ Nguyễn-Thị-Vinh. Cùng đi, có hai nhà văn nam : Nhật-Tiến, Dương-Kiên và một nữ sĩ, Phương-Khanh (tức bà Nhật-Tiến). Hai buổi nói chuyện — do Đông-Phương tổ chức — tại thính phòng viện Đại học Huế : ngày thứ bảy 26-6, Nhật-Tiến trình bày *Một vài nhận định về sinh hoạt tiểu thuyết Việt-Nam hiện nay*, ngày chủ nhật, 27-6, Dương-Kiên nói về *Các biến trình cách mạng qua lịch sử thế giới*.

Huế mơ mộng thích văn chương, Huế tranh đấu giàu tinh thần cách mạng : ghi hẳn hai diễn giả trên đây sẽ được hoan nghinh.

..

Một nhóm người khác, giàu thiện chí nhưng nghèo phương tiện không thể chần chờ được nữa trước tình cảnh khan hiếm sách và tài liệu cho ngành Đại học, đang cho ra loại của *Việt-Nam đại học tùng thư*. Công việc cần ích này chia làm ba giai đoạn :

1. — dịch các sách Toán Lí Hóa để sinh viên dễ hiểu các môn này và tài liệu khảo cứu ;
2. — dịch các tài liệu hiện đang giảng dạy ở các Đại học, trong nước cũng như ngoại quốc, dùng để làm tài liệu tham khảo ;

3. — in các tác phẩm khảo cứu công phu của giáo sư, luận án giá trị của sinh viên.

Sách dịch in bằng rô-nê-ô, chia từng tập nhỏ để sinh viên nào cũng có thể mua dùng ; xuất bản không hạn kì, nhưng độ chừng nửa tháng một tập.

Giữa tháng 7 này, sẽ phát hành tập đầu : *Tính điện* của A. Ricoux, và sau đó : *Tính Vật Lí* của A. Ricoux, của Bruhat, dành cho chứng chỉ cử nhân (Điện, Quang...), *Tính Vật Lí* của Devoré, của Tétrel dành cho chứng chỉ Dự bị Toán Lí Hóa).

Chắc rằng anh chị em sinh viên sẽ hết lòng ủng hộ việc làm này để công cuộc dựng một từng thơ cho ngành Đại học nước nhà có cơ thành tựu.

*
*
*

« Nhà xuất bản *Phù Sa* trước bạ tên mình đã từ lâu, mà chưa in tác phẩm nào của *Bình-Nguyên-Lộc*, nghĩ cũng có cái gì chưa ổn ». Nhiều bạn văn đã nói thế với Ngọc-Linh và Sơn-Nam. Hai bạn này chỉ mỉm cười. Đến nay, mới vỡ lẽ ra : họ đã nhờ tác giả « Nhốt gió » chọn cho những truyện ngắn đứng đắn, đặc ý nhất và cho rằng sẽ ít độc giả nhất. Số phận « *Mưa thu nhớ tắm* », tập truyện ngắn thứ năm của *Bình-Nguyên-Lộc* này — giám đốc nhà xuất bản Bến Nghé tạm ngưng hoạt động, sẽ được bạn đọc định đoạt trong thượng tuần tháng 7.

Sau tác phẩm của *Bình-Nguyên-Lộc*, là đến tác phẩm của Sơn-Nam. *Nói về miền Nam* đang sắp chữ. Đó là tập phiếm luận ngộ nghĩnh của Sơn-Nam, gồm những bài có cái tên dễ gợi tò mò, như : *Thử tìm hiểu cá tính miền Nam qua cái lương, vọng cổ và ca dao*, *Nhận xét về ca dao Hậu-Giang*, *Ăn ở cho đúng điệu nghệ*.

Xuất bản liên tiếp hai tác phẩm của hai nhà văn tiêu biểu cho miền « Nam-Kì Lục-Tính » này, quả nhà *Phù-Sa* đã « ăn ở đúng điệu nghệ ».

*
*
*

Bến-Nghé tạm ngưng, *Phù-Sa* đang hoạt động, giờ chúng ta lại có *Miền Nam* vừa chào đời. Nhà xuất bản mới vào làng này do một người miền Nam (...Việt) chủ trương. Xuất bản cục này toan làm chuyện lớn : cho ra mắt bạn đọc bốn cuốn tiểu thuyết có nội dung xây dựng liền trong vòng một tháng, cuốn nào cũng trên dưới năm trăm trang và đang chuẩn bị đợt nhì bốn cuốn, nếu bốn cuốn đợt nhứt được độc giả hoan nghênh như khi chúng đăng trên các báo hằng ngày.

Cuốn đi tiên phong là *Vợ thầy Hương*, tiểu thuyết ái tình và đồng quê của Lê-Xuyên, tác phẩm đầu tiên được in thành sách của nhà tiểu thuyết « phơi-tông » có tiếng chuyên về đồng quê Nam-Việt ; cuốn thứ nhì mới bày ở hàng sách, là *Thương nhớ một mình* của Sĩ-Trung, cũng là tác phẩm đầu tiên in thành sách của người kì giả kịch trường có tên tuổi này ; và hai cuốn đã in xong : *Mối tình đầu* của An-Khê và *Gạo chợ nước sông* của Ngọc-Linh, hai tiểu thuyết gia ăn khách.

*
*
*

Sự hăng hái của những nhóm người cầm bút giờ đây, (mà chúng tôi mới kể được một phần) phải chăng đã chứng tỏ sự « chuyển mình » của ngành Văn hóa, Văn nghệ trong thời kì đặc biệt của Dân tộc ?

TRUYỆN 3 KỲ :

TÚY - HỒNG

tóc mai nghìn năm

— Tối nay Hoài có đi nhảy ở thằng Xuân không ?

— Nhè nhà sư mà hỏi lược. Nhảy chi... Hoài biết cái cóc chi mà nhảy với nhót.

Bầu trời xám ngoét bệnh hoạn, hạt mưa nặng và gió cay cay mắt nhìn. Tôi hất tay Vinh đứng khỏi tầm dù đang dương cao đi rộng ra cho mát. Vinh cười vào đây em mưa tóc hư hết . Dưới gốc cây gió thổi lật lá cho mưa rụng nhiều. Tôi nhún vai đi nhanh ra xa Vinh thêm :

— Trời mưa đất chịu, trời mưa tôi ướt.

Môi Vinh hơi tái, hàm răng trắng lạnh. Con người thật tự nhiên của tôi luôn luôn vui dẫu trong những tình-cảm vui buồn giận ghét nồng lạnh. Mỗi ngày thay một lớp giáp tình-cảm, một cái nhìn đời, một lối sống. Mặt Vinh xanh xao dưới tàng dù rêu lục, chàng nhào người nằm vạt áo sau của tôi lay dãn. Mưa gió và bàn tay yêu quái khiến tôi thốt cảm nín núp sát vào chàng bỏ tiếng cười nghịch, bỏ câu nói khôi-hài. Tôi chợt tìm ra tôi : hay đùa. Trật ! Chỉ lúc nào buồn quá nỗi buồn mới chín vỡ thành từng mảnh dỉ-dỏm, từng mảnh thác loạn trông như yêu đời, có nghĩa rồi vô nghĩa. Tay Vinh cầm nhãn hết tà áo sau rồi.

Tiếng nói của tôi vút cao như điệu hát học trò.

— Thả vạt áo Hoài ra, anh làm cho Hoài nhớ lại những ngày còn học ở Đồng-Khánh tại Hoài cứ rình chụp tà sau của nhau để cột chùm mắt nôm... Bây giờ thêm ngày thơ quá: giờ toán không dám mang áo đẹp, giờ may, Hán-tự, Vẽ thì nạm me non vào lớp chấm với muối ớt.

Vinh chép miệng:

— Hồi thật nhỏ anh cũng hay trèo me, cũng thích ăn nhưng lớn lên thì chịu.

— Hồi đó hàm răng Hoài cứng như thép: chanh thì cầm cả trái cắn ngang còn me thì... Hoài chỉ thích ăn me lép không có hạt. Me lép, ăn hoài vẫn không đau bụng. Ăn me như bỏ bùa, tê răng, rách miệng, hư lưỡi.

Vinh cuối xuống tai tôi:

— Nhưng bây giờ mà em thêm me thì em tự kết án em.. chứng tích tội tội-lỗi...

Câu nói của Vinh lúc này chỉ lướt qua lớp biểu-bì của ý-thức, tôi đắm mạnh vai rồi luồn bàn tay chuốt nhắt vào lục lạo cùng khắp bên trong lần áo len dày tôi đan cho chàng. Con mưa đợi chờ, bốn bề vô tư vắng lặng để chúng tôi nói chuyện với nhau bằng xúc-giác mê say dẫn nhiệt. — Chán ngắt anh... bây giờ em đang trẻ lần ra mà... em đang bước giạt lùi cho đến khi húc đầu vào quá-khứ non thơ và tiện đà lui nữa lui nữa. Anh Vinh, có khi mô mình có thể lui sâu đến cái thời bé bỏng mười hai tháng trần truồng tắm trong thau nước không anh?... Hồi học Đồng-Khánh sao Hoài dốt Việt Văn quá, bao giờ phát bài cô giáo cũng phê: « Văn khô ý cạn »... Nổi xung, có lần em đem nạp bài luận với một ly nước lọc. Chán cái cô Hương... rứa mà phạt em bốn giờ cấm-túc. Bây giờ đi dạy em quan-niệm rằng muốn thử khả-năng viết văn của học-trò thì nên xem nhật-ký.

Vinh gật.

— Có lẽ đúng.

— Em có cái thú viết nhật-ký bằng giấy rời mỗi ngày 2 tờ, viết xong đặt vào kẽ hở của bàn thả xuống học. Chiếc học đó mình đã khóa kỹ-lưỡng, bít kín lỗ khóa và liệng chĩa xuống sông rồi.

Vinh nâng chiếc cằm nhọn của tôi lên nhìn dài khò mặt đắm chiều, mắt chàng sâu hút chăm-chú như nhìn tấm ảnh kỷ-niệm người tình. Chàng tìm gì ở khuôn mặt đàn-bà trẻ-con này? Muốn lòng kiếm gặm rách quá-khứ của tôi hay muốn thu hình người con gái khồ-sở này? Không, tôi không chịu cái nhìn dai như thế — nhìn lâu để tìm ra cái xấu của mặt — đừng nhìn nhau lâu quá. Tôi không đẹp, tôi biết lượng sức, biết tự cười mình để khỏi bị cười sau. Đừng nhận xét kiên-nhẫn, đừng lý-luận dông dài về tôi, tôi chỉ có lòng thành ngun-ngút mê thương để trao trả, để dâng hiến. Cho anh tôi đây. Hãy cho lại tôi anh đó. Sự đời chác không bao giờ chênh-lệch bất công vì bên nào thua sút lưng vơi thì gia tăng lòng thành để bù chi. Ai thương cũng không bằng người yêu thương cả,

Tôi nhắm mắt đưa bàn tay cho Vĩnh bóp rồi vùi mặt vào ngực áo len cho chàng hô-hấp rộn-rã rồi xúc-giác sờ-soạng dạo chơi trên những địa-điểm thiên-đàng cho đến khi đầu tóc tôi rối bù rồi cúc áo trật ra. Máu dồn hết lên đầu, thân-thể hoang-mang gần sụp đổ nhưng tôi cũng gỡ được hai cánh tay vươn dài đàn ông ra để chải lại tóc. Vĩnh mở xác nâng tấm gương chữ nhật rung rinh cho tôi nhìn mặt tôi. Đuôi mắt vẽ nhoe nét, làn chì đen tô không trùng với vòng lông mày suông nhạt và phần hồng đắp cao gò má. Sao lại tô điểm bừa-bãi như thế này để đi chơi với người yêu? Mấy nét nguy-trang vụng dại đó khiến mặt tôi trông buồn cười như những lỗi chính-tả của dòng chữ chúc tụng nặn bằng kem trên đĩa bánh ngày sinh-nhật.

Vĩnh dắt tay tôi nhón gót đi ra xe khi mưa gió ngập ngừng thôi.

Đến nhà, Vĩnh không vào, chàng hẹn tối nay anh lại.

Cơn bão-táp tình-cảm, sự thôi-thúc thời-gian giao - căng tinh - thần trên độ lớn những cơn đồng bóng vật. Tôi muốn ngồi cái kiêu bất động này mãi mãi cho đến khi thân-thể rã ra từng bộ phận. Chiếc áo ngủ mỏng như cánh ve sầu phủ thùng-thình tấm ngực mỏng. Đưa con gái ốm trong gương có chùm phôi cạn dưỡng-khí, có cái mặt lạt-lẻo như bánh bèo không nhụy là tôi. Hai lá mắt vừa màu đỏ vừa màu vàng sẫm-sàng khóc bất cứ lúc nào. Đặc-biệt trên má có một cái sẹo rõ và hai chấm cà-phê đối xứng nhau qua chiếc mũi. Đó cũng là điều nhận-xét ghi sau lưng thẻ kiểm-tra bọc nhựa của tôi. Tôi thương khổ mặt đàn bà héo úa trong gương. Nó không đủ đẹp nên nó cần phấn. Tôi phải đồ dành tôi trang-điểm cho nó. Thoa mạnh cho thật đều đi... chùi bớt ở chót mũi da to xúi quá không tự-nhiên... cho phần xuống cổ nữa chứ! Ít thôi... nhiều quá trông không thật! nhưng đừng tô môi nghe không Hoài! Cấm không được sơn son dù là Miss Aurore thơm ngon kẹo bô. Vì sợ hoen ố những cái hôn môi nồng nóng và loang lổ mép miệng tham ăn của anh Vĩnh. Chiếc mép cấm vô số gốc râu cứng rể trúc kích-thích xúi dục lòng tôi lão-đảo sóng tình cồn cào huyết quản thịt da. Tội-lỗi từ đó chuyền xuống, chảy lần lần xuống cổ, vai, ngực, bụng và sau đó chữ trinh đã tan thành năm ba giọt đỏ. Ôi! những giọt đỏ là giới hạn con gái và thiếu-phụ. Tôi ngấm tấm thân hư vữa tàn úa mà thương mình vô kể. Rồi muốn chẻ đôi mình ra thành hai thân phận nhỏ để an ủi nhau, tặng bốc nhau, thương yêu nhau cho thật nhiều. Anh Vĩnh ơi, người yêu táng tận lương - tâm ơi! phải chăng em là gái đi dưới quyền anh? Tình yêu đâu? Tình yêu đã tróc nghĩa rồi. Hai mí mắt đã mọng và nặng lệ, tôi chụp một tờ báo coi ngấu ngiến. Cô đào Marilyn Monroe đỏ bừng tron láng như bôi mỡ nhắm mắt cười suông-sã với tất cả đàn ông trên thế-giới. Tôi đưa tay sờ vào trên sinh vật mỹ-miệu đó. Đẹp tê tay, đẹp bốc lửa cái đẹp gây ác-cảm với người cùng phái. Tôi tưởng-tượng có hai chiếc bàn dài, dài lắm với rất nhiều cái học mở sẵn kê song song. Sinh-vật màu đỏ mồm-Marilyn Monroe tập đi giữa hai bàn đó, nàng hát cái mông to lớn văng qua

văng về đóng các học bàn lại. Tôi vút tờ báo đứng dậy chải tóc mang áo dài đợi. Mình không xứng đáng mang áo màu tươi, thân hình mỏng lép teo tóp này chỉ nên dùng màu trắng thôi. Giờ này có mấy người đợi Vinh? Chàng hẹn nhiều và chàng sẽ đến với ai?

Thảo xô cửa bước vào.

— Chắc Vinh lại không đến nữa rồi. Con người gì mà sai hẹn mãi, nói láo suốt đời.

Thảo ngồi xuống giường thay áo bông cho hai chiếc gối. Người đàn bà tận tình nuôi dưỡng da mặt sợ nhất là áp má lên áo gối bông.

— Hoài ơi ngày mai đi chợ rồi ăn phở Đà-lạt. Trời đây lạnh mi nên thoa một chút son không nứt môi.

— Mi so sánh Huế, Đà-lạt với Sài-gòn hơn thua thương ghét thế nào?

— Ta chỉ phác-họa một khuôn mặt đàn-bà-trẻ-con: Sài-gòn là miệng, Huế là đôi mắt và Đà-lạt là hai má.

Tự-nhiên tôi nôn-nao nghĩ đến Nha-Trang sóng trào ngút ngọn, triều cát cầm nín gọi cảm; tôi muốn kê đầu lên gối cát, đắp sâu thân thể dưới lớp mền cát và nằm ngủ một mình trên bến biển cô-liêu tay vẫy sóng mắt tìm gió. Một tuần lễ hong nắng vọc cát với Vinh. Nha-trang chẳng biết tôi là ai.

Thảo cười:

— Sài-gòn sống hấp-tấp mau chân mau tay, mình có cảm-tưởng hơi thở của mình cũng phải ngắn bớt cho mau, kịp với lối sống. Chán quá! Bạn bè đụng gặp mặt thì mời nhau đi ăn ngay.

Tôi cười tiếp:

— Chắc nhân tình đụng gặp mặt thì mời nhau đi ngủ ngay.

Thảo cười đem hai chiếc bao gối bông đi ra. Tôi trút bỏ áo dài, soi gương và muốn ban thưởng cho người trong gương một cánh thư tình mới nhất. Cách đây 8 năm tình yêu của tôi đã kéo dài bằng những bó thư, thư qua thư lại như con thoi đi về trên khung dệt. Tình yêu tôi đam mê núi lửa phun tràn trên giấy mỏng nhưng người ấy viết ngắn nghiêm lạnh như chỉ trả lời bằng một nửa thương nhớ khiến tôi phải thận trọng đến chữ khi viết đi. Chàng tên Khiêm, tôi cam-doan sẽ cho Khiêm làm chồng. Nhân hai tuổi tôi là tuổi chàng. Thư của chàng chỉ dán ba đồng tem phó thác cho xe lửa với đường rầy còn tôi thì tung cao tình cảm theo cánh máy bay. Tôi thiết-thời nên tôi nổi xung chuyện hướng tình yêu: Mỗi tình phải được trang-sức tỉ-mỉ bằng thời-gian và tiền bạc. Tôi dốc lòng làm tốt cho tình yêu như bà mẹ trẻ hy-sinh cho con cái ăn mặc đẹp và Khiêm chịu nép mình theo kỹ-luật người yêu nhỏ. Chàng phải lựa thứ giấy viết thư màu xanh của Kim-Dung, những bài thuốc tiêu sấu nhưng đọc rồi nổi buồn vẫn còn đây. Buồn như những buổi mai rửa mặt nhìn lông mi rụng ghi vào

khăn. Buồn vì buổi trưa mất ngủ nhiều thao-thức đến trường da không ăn phần. Và đêm khuya tóc rối trần-trọc tình yêu không đạt được trời dấy gậm nhấm rũa mòn tâm-tư thân-thể. Những chuyện buồn dột thành đời. Tôi lật lật trang sách « Thần điều đại hiệp » chữ tình mở rộng cho Dương-Qua bề-bàng tái-ngộ Tiểu-Long-nữ. Ôi ! trong vòng tay học-trò tắm thân cô giáo đã hư vữa úa-tàn rồi — Người đời xưa hoang hơn mình — ra chuyện kiếm-hiệp là chuyện tình thác-loạn nhất. Kim Dung phi-luân phi-lý đem ái-tình thể-kỹ 20 làm chất béo nòng cốt cho võ-thuật ngàn xưa khiến độc-giả say cuồng trong một đam-mê dễ đạt bốc cao lửa rơm. Người ta đam ghiền như miếng trầu, như điều thuốc và ngôn ngữ ngày hôm nay mang nặng nhiều vốn liếng tri-thức Kiếm-hiệp. Tôi ái-ngại cho các nhà xanh nền trời, bao bì chữ nhật sẫm màu hơn, bình mực tím... mỗi thứ chia hai cho hai người dùng và ngòi bút pilot nét nhỏ mũi kim tôi không được chép bài, chàng không biên toa thuốc. Dụng-cụ ái-tình trân-trọng giữ-gìn bùng-bít trong chiếc hộp đá quý cần xà-cừ. Những tuần lễ thành phố hết giấy viết thư màu xanh xanh nền trời, Khiêm phải mua bảo-đảm ở Pháp. Mỗi ngày một hay hai lá thư dày thoang-thoảng mùi hương của chiếc hôn Soir de Paris... Rồi những bức thư có lưu truyền cho con cháu thờ phụng không ? Những chi-tiết vụn, cánh xài phí thời-gian như thế đối với người đàn ông phải chẳng vượt quá sức người. Tôi quên nghĩ rằng cưỡng-bách đàn ông nỗ lực cố gắng là tội đại và tội-nghiệp cho đàn ông không biết. Khiêm than rằng có lúc chàng lơ-đãnh với nhiệm-vụ, mơ-màng quên nghĩ đến bệnh-nhân. Sự cố gắng nao núng kéo dài cho đến năm tôi gặp Vinh.

Tôi thay áo ngủ nằm soài ra giường chụp quyền tiểu - thuyết kiếm - hiệp. Tôi mê nghiên đọc hết các pho kiếm-hiệp thượng-thặng. Văn chân chính khó hiểu vớ vẩn viết lách ra làm sao để người đời chỉ yêu chuyện kiếm hiệp thôi. Nếu trời cho tôi một người tình viết nỗi chuyện kiếm hiệp..

Tôi mang nặng bệnh lười. Không đi chơi, không ra ngoài, không thềm thành-phố, không thềm áo dài vì lười cử động chứ không vì nếp nhà giữ chặt. Không có chi bằng ở nhà mình, tôi thích luôn luôn có mặt trong gia - đình. Cái tư thế nằm là lạc thú số một, nằm suốt ngày và ăn vặt. Bước ra khỏi nhà, là một cưỡng - bách đau xót từ lúc đi chơi với Vinh. Sống là chui rúc trong nhà, đi chơi xa là gián đoạn mạch sống dù có đi Nha-trang tắm biển vọc cát. Cát Nha-trang dễ khiến mình nhớ đất ở Huế. Tôi yêu Huế suốt đời. Tôi hát sous la pluie dans le vent toujours je l'attends. A chaque rendez - vous tu prends bien ton temps. . . . Nỗi buồn triu nặng tiếng hát vừa ra vừa chua vừa mặn hạ thấp let-đet nghe như mèo ngao kêu tủi hờn sâu muộn.

— Chà, hát nghe mê ly quá.

Thạo bước vào đặt tay lên vai tôi ân cần ;

— Đề ta pha sữa cho mi uống nghe!... con ni thêm sữa như mọi thêm muối.

Thảo kéo cầm tôi, kề vào môi ly sữa trắng đục màu nước vo gạo.

— Uống đi, núc một hơi... ngày mai mập phị ra liền. Con này mà ấy chồng là béo đẹp ra lập tức.

Đĩa hát chạy tròn bản nhạc vui non lời chim riu rít. Thảo chậm chạp thay áo ngủ. Người đàn bà có thân thể đầy đặn thường thích đeo trên người những mảnh đồ lót gợi tình sang cả quí phái. Thảo phóc lên giường làm vài cử-động thể-thao rồi đưa chân lên cao khéo mừng xuống.

— Đi nằm nói chuyện hoài.

Tôi gối đầu lên cánh tay Thảo nhìn cửa sổ. Hai chiếc hỏa châu sáng bùng giữa không - gian đen. Đánh nhau đầu đây, thời cuộc giết dần dần ông. Tiếng Thảo :

— Vinh dám bị động viên cuối năm thi ra trường lắm nghe.

— Còn một năm nữa mới bị gọi.

— Trời ơi ! non xèo, mi ưng chi cái thằng con nít mệt rứa, thú vị chi, bỏ phắt đi cho rồi cô giáo hiền lành nghiêm trang.

Tôi cười gằn :

— Mi thiếu thành-thật, người đầy chông đầy gai.

Thảo rút mạnh tay quay mặt vào vách :

— Câu đó mi gán cho mi thì đúng hơn

— Thế mi cho tao không thành-thật ?

—Ừ, mi vẫn tự - hào ở cái vỏ mô-phạm đạo đức... biết đâu rằng 'hàng Vinh đã rêu rao phồn biến mi khắp hết cả... như tổ-cáo kẻ thù..

Thảo ngậm tiếng nói. Lồng ngực vỡ ra lai láng, tôi nghe dư-luận gào lên, lời bá cáo của Thảo là đường roi. Tôi lần trốn tầm roi, nghe như mình đang dẫm chân lên đá nhọn trốn-tránh luồng dư-luận khê khét mùi tanh đắng. Bước chân tháo rút tấp tôi đến một căn phòng có tiếng hát Sara Montiel trữ-tình áo nảo thấm lọt vào hồn và rã ra từng mảnh âm-thanh thủy lệ. Tiếng nhạc nhỏ giọt hạt mưa, thỉnh-thoảng hơi dương cầm rít lên làm gió tả oán, trống bập bùng nghe như sấm dội tự trời xa và giọng hát Sara Montiel sắc gọn rét buốt cọ xát tâm hồn là lời khóc kể giữa trời giông gió buồn-bã. Vinh trề môi :

— Ai đập ai đánh chi mà vừa khóc vừa hát tội nghiệp rứa. Nín đi đừng làm nũng đừng mếu máo mà anh đau lòng. Nín đi mà hát trời ơi, vừa khóc vừa rên mà âm thanh tiếng hát vẫn sắc, vẫn rõ... tài-tình quá ...

Còn sốt hạnh-phúc nóng sau lồng ngực chật chội, mạch máu còn cao dấy động cơ thể hạn hán khô - khan. Người đàn ông là mảnh hồ Đứa con gái già hoảng-hốt kêu cứu và đoàn quân tiếp viện là sự chống cự yếu-duối rã rời. Chứng nhân là tiếng hát Sara Montiel. Tôi thú tôi tôi cúi đầu, tôi muốn thuê người ca sĩ péché d' amour khóc dùm tôi, tôi muốn mượn nàng kỹ-nữ bến Tầm-Dương rách ngón tay trên 4 sợi ti-bà rên siết cho tôi. Phòng ngủ đàn ông là chiếc hòm khâm liệm chữ trình của kẻ vừa đánh mất con gái... Làm sao thoát thân, làm sao chạy khỏi nơi đây, làm sao đi ra mà đừng ai hay biết, đừng gây tiếng ồn. Cô giáo vào đây rồi cô giáo đi ra. Làm sao thoát thân? Quá run sợ khiến sự suy-nghĩ tan thành nước, mãi không tìm được cách về. Tôi vụt khóc ầm-ức.

— Anh cảm ơn những giọt nước mắt của Hoài ... em đã lỡ tay hiến dâng. Nếu mắt em ráo tạnh thì đây chỉ là một lần trao đổi mà tình yêu là sự trao đổi dài, mãi, giữa hai người khác phái ... sự trao đổi, sự chung hưởng mãi mãi cho đến khi rời xa nhau ... thôi không còn gì để cho nhau nữa.

Tôi cười gằn :

— Đừng nói lời-thôi, đừng gáy nữa con gà trống ... Biết đâu người ta khóc vì tiếc, hối hận vì thấy uổng ... Vĩnh, bây giờ làm cách nào để ra khỏi đây mà thiên hạ chung quanh không chứng kiến.

— Anh ra trước, vút chìa khoá vào cửa sồ, một giờ sau em hãy ra.

Tiếng nói của Thảo xoáy vào trùng vây quá khứ rồi trở ra trên ngõ cụt hiện thời :

— Người đàn ông hãnh diện giới thiệu trước dư - luận rằng nàng là con vật đã bị thương rồi Mì hãy bài - trừ, hủy diệt tình yêu đi. Làm chi có tình yêu, không có, nhất định không có. Yêu một đồng bunn còn hơn mê một thằng đàn ông. Người ta lấy nhau theo luật trời đã định vụng trộm và công - khai.

Tôi nhìn sững bức tường khô trắng thất thần rồi lê cái nhìn sang Thảo tức tối muốn nồ tung người ra. Cồ hống nghẹn khô, tôi phản-ứng cơ quắp như con bệnh bị phong đòn gánh. Máu chảy ngược, máu không về tim nữa. Tôi đại rồi, nghệt thờ quá đi thôi Thôi không còn gì bí-mật nữa, đời con gái đã bị tuyên-bố là hư và kẻ tố-cáo là chính người yêu. Kiêu hãnh và tự tin lâu nay nuôi dưỡng cuộc sống bây giờ vỡ vụn ra như vỏ trứng cho tôi lộ nguyên hình là đứa gái già bất mãn, mất niềm tin nhưng không có quyền gắt-gỏng.

Thảo nói :

— Trên tay thẳng Vinh lúc nào cũng một chuỗi nhân tình : thiếu phụ giàu, nữ - sinh, gái nhảy, sinh-viên, giáo-sư... người ta yêu nhau bằng tình giả... , tình yêu thì giả nhưng tiền tiêu thì thật. Yêu nhau tình giả quấy phá nhau một thời - gian rồi đường ai nấy đi và người đàn-bà vẫn thanh thoi không đặt mình là nạn nhân. Vinh không yêu mi, đừng tin mà khốn, với ai nó cũng ca điệp khúc : anh sẽ quý sụm dưới chân em cả ngày, anh sẽ công em đi phố cả buổi... Hãy thôi Vinh đi. Mi đâu còn trẻ để bỏ cuộc sống thật chạy theo tình yêu giả. Minh hãy thương hại mình đã nửa đời mà... Đừng bắt chước ta, bản-lãnh ta cao - cường nội-công ta thâm - hậu... ta đập nhào hết, đá thốc hết.

Đèn tắt, Thảo ôm bụng tôi mở cúc áo cổ dãn nhỏ : xa hẵn đi nghe Hoài, bỏ thẳng Vinh đi nghe Hoài. Những người tình thay phiên nhau trang trải đời Thảo và đá Thảo nhưng hẵn không ngã, không khóc không rên, trái lại lớp sống nguy tranh, kiêu-hãnh, ngồ ngáo bất cần đời đục-dã Thảo đá lại đời, nghiêng rặng tiếp tục tự gieo tai họa cho mình, sống thác loạn vâng chịu theo bản năng thư-hùng luyện ái dăng vòng hai cánh tay ngà quờ - quạng ôm-ấp hạm người có râu. Tên đàn-bà đó rơi như mưa, tên đàn bà đó lăn như bi trong bắp thịt phai khỏe. Ôi tình yêu là thân-thể loài rắn bò trượt mọi tầm tay.

Tiếng người đàn-bà chua như me :

— Ta biết mi thâm, mi khùng, đáng thương ở chỗ mi yêu thật, yêu ăn chắc như người đánh bạc liều.

Tôi mếu máo. Chó ơi mèo ơi có phải rằng tất cả đàn ông đều là Vinh. Hình như tôi có thói quen hay than - thở. Thèm vào thèm vào... Thảo có bản-lãnh cao-cường, nội-công súc tích. Hẵn bắt mình luyện đề mình làm đời lại từ đầu nhưng khởi điểm cuộc đời đâu phải tuổi 30. Vinh đã hút rỗng mình rồi, mình đã biểu không mình rồi. Còn chi, còn chi nữa, khô queo tình cảm, mất tình cảm cho chàng hết rồi, đòi về được không ? Căm thù nhất là anh bao nhiêu nhân - tình sao lại lựa người hiền lành mít ước như tôi rủ đem vào phòng ngủ. Con cá đại là con cá dễ bị thuốc... nhưng biết đâu... có khi mình là kẻ sắp hàng sau cùng ở hành lang khách sạn.

Thảo thở dài :

— Đại nhất là bao nhiêu cuộc đời giá-trị lại đem lột đem trải để cho một thằng được tiếng Don Juan.

Cô giáo thốt trả lời rất du - côn :

— Ai biết mô. Khi hẵn ve mình thì hẵn dong hai bàn tay trắng, lấp bắp rằng anh chỉ yêu em... nếu biết sự thật ta đã tợn cho hẵn một cái xì ruột.

Hai người đàn bà cùng trở mình. Vòng rom choàng xót thân phận và cuộc đời... nhưng thôi đừng oán hờn ai nữa. Lỗi tại mình, mình phá mình. Tôi phá tôi chứ không ai phá tôi hết. Sợ chi mà trút tội cho đàn ông.

Thảo trở mình gác lên đùi tôi :

— Tại sao mình hay dùng danh từ con nít để chụp mũ đàn ông. Là hề chàng nào không chịu mê mình hoặc mình mê không vô, không thích hợp cần thiết cho mình là lập tức tặng cho chữ con nít rồi.

Tôi chắc lưỡi :

— Nhiều khi mình mang mặc cảm già...

Thảo im - lặng năm phút rồi nói tiếp :

— Ta có cảm - tưởng mi luôn luôn đổ tội cho người khác ... nhất gan thể mà không lấy chồng đi cho rồi. Ông chủ Garage H. H mê mi đáo để mà. Lấy đi, tự gả mình đi.

— Khó lấy quá ... bàn tay ông ấy đếm tiền cẩn-thận lắm. Mình đã lỡ tay ở góa thì ở cho trót, hết lòng đến nơi, đến chốn. Ta không đành gả ta vào cửa đó, già lắm lấy ông già lắm lắm. Không lấy, làm chi chuyện thăm. Thân phận đàn bà chưa thăm sao. Ta nhất định làm con gái suốt đời, nhất định ở vậy đó. Ai làm chi được ta.

— Không thích ông già nên thích thằng con nít.

— Vĩnh là người lớn, là đàn ông... Còn mình mới là đàn-bà-trẻ-con.

Cơn tức giận ối lên một lần nữa, tôi muốn gào, muốn tru, muốn réo một điệu ca đen Nam-Mỹ cho tay chân run giật, gân cốt rã rời và thân-thể đổ xuống tiêu - tan.

— Chịu cô đơn không được' Qua rất nhiều người để tìm một người, để mình khỏi hối hận bỏ hoang cuộc đời con gái, lẫn xả tìm kiếm, mò mẫm kinh nghiệm.

Tôi cười gằn :

— Nếu đàn ông lãnh phần mang thai đẻ con thì ta mới chịu chơi.

Ngôn-ngữ của Thảo dẫn vật sắc gọn :

— Thế ra vì đó mà mi nín, mi dồn ép ... đạo-đức gương rồi con ời. Thứ đó đáng ghét lắm ... Con không biết rằng đàn ông cũng thường mê thiếu phụ hơn gái già... dễ tới gần, dễ chiếm. Lấy gái hư để làm nghĩa cử cứu vớt... bàn tay tế-độ... hãnh diện rằng nàng hư vì nàng chưa gặp ta.

Tôi vuốt ve bàn tay lá hành của Thảo :

— Thôi, thôi... mi kêu hãnh, mi thiếu thành-thật với tất cả mọi người nhưng mi sẽ thành-thật với chỉ một người. Còn ta, ta đang thành thật với mọi kẻ mà rồi rốt cuộc không thành-thật với kẻ nào cả.

Thảo ngáp :

— Nói cho lắm cũng nước mắt đưa cái, nói cho phải cũng đưa cái nước mắt.

Thảo kéo tấm chăn dày đắp lên đến ngực rồi ôm tôi làm gối thì thầm : mi nên bỏ Vinh đi Hoài, đừng chơi với quân ác-tăng đó. Phòng ngủ của Thảo ngăn cách với gia-dình bên cạnh một tấm gót mỏng, những âm thanh thân mật rất dễ qua về. Có tiếng khóc dạ-đề trẻ sơ - sinh lắm tưởng đêm là ngày Có thằng con nhỏ đòi nghe Radio nữa nhưng người cha bảo tắt đi. Tiếng léo-xéo im bật rồi tiếng trẻ con :

— Ba mẹ xích ra ... con nằm giữa mà. Ghét ba lắm, ba cứ đợi con ngủ rồi chồm qua hôn mẹ. Hai đứa ôm nhau. Con không chịu ngủ đâu không cho ba ôm mẹ đâu. Không ngủ, không ngủ, cứ mở mắt cho mà coi. Ngủ để ba bò qua nằm với mẹ đó à ...

Tôi im-lặng lẳng nghe thằng bé búng bình bắt nạt cha mẹ. Thảo bóp tay tôi nói nhỏ :

— Có những người làm cha mẹ thiên cặn, vô-tình để đứa nhỏ nằm ngủ chung với họ. Tao mà sau này có phải ra nằm ở chuồng heo, hoặc trải chiếu dưới đất mà ngủ chứ bao giờ cũng để dành cho con chiếc giường tốt một mình nó cho thành - thời.

(Còn tiếp)

TÚY HỒNG

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIENT

(S. D. A. E. D.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn Trường-Tập (Khánh-Hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 - 23742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylémique et électrique
Installations de garothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS.

MÀU LÁ MẠ

trần huiền ân

Em bước lại mở tròn đôi mắt nhỏ
Nụ thơm hiền ngần ngại giữa vành
môi

Lời nói khẽ chỉ vừa anh nghe rõ
« Pha giùm em màu lá mạ anh ơi! »

Tờ giấy trắng trên tay em trải nhẹ
Anh nhìn theo chi chít nét chì đen
Mặt trời - Chòm cây - Ngôi trường -
Cậu bé

Lắm chỗ nhòe vì tẩy xóa bao phen

« Màu lá mạ đẹp làm sao anh nhỉ?
Em pha hoài mà vẫn hồng - tức ghê!
Anh pha giùm, anh pha giùm em tí ..
Ồ! được rồi! Màu lá mạ... thật mê!»

Em ngồi yên tô màu xanh lá mạ
Mắt mở tròn môi uốn kíp bàn tay
Anh thấy hiện về qua em tất cả
Tuổi ngây khờ anh với bướm hoa bay

Thuở bé trường làng tận đầu xóm
dưới
Những trưa vàng anh đội nắng bươn
nhanh

Ven đường cái gió nồm êm dịu lướt
Rò nổi rò lá mạ trái tươi xanh

Nhìn lá mạ anh quên đầu không nón
Quên mồ hôi giọt giọt đồ lặn dài
Rò nổi rò mạ phơi màu xanh đón
Gió nồm lên từng gợn lướt khoai thai

Anh yêu màu mạ xanh từ buổi ấy
Quyền tập đồ trang trước tiếp trang
sau
Từng tranh - từng tranh - chỗ nào
cũng thấy

Anh tô màu lá mạ như nhau

Rồi khôn lớn xa trường làng, ruộng
mạ

Đường đời anh lại đội nắng ra đi
Giaã lại quê nghèo màu xanh với cả
Tuổi ngây khờ hoa bướm đợi vinh
quy

Trưa nay pha màu xanh thơ ấu cũ
Cho em - và cho chính nỗi lòng anh
Màu lá mạ • Ôi sao mà quyến rũ
Trong không gian xưa ngọt sữa sinh
thành ...

T.H.Â.

thư cho các em

● linh yến hà hiên cúc ●

các em lớn xa bay tìm lẽ sống
trời đầy mây, bão sẽ đến khôn cùng
thấy ở đó tóc tang rừng biên động
anh lưng hồn quê nội mắt rừng rừng

thấy ở đó quê hương mình lớn dậy
bàn tay cha, quang gánh mẹ theo đời
giọng hát cũng ngại ngừng như mắt thấy
gói âm thanh làm ánh sáng mặt trời

thấy ở đó hình ảnh cha mỗi một
luống cày sâu, cây trái ngọt sum vầy
tình nhỏ xuống làm phân nuôi đất chết
nên ngậm ngùi chút nắng vẽ chân mây

thấy ở đó mẹ già theo xóm chợ
tóc hoa bay thao thức tiếng ru hời
chúng mình lớn lên giữa nhiều nước nở
giọng âm thầm tay mẹ ngọt coi nôi

thấy ở đó cả một rừng trắng sáng
cả một trời cao, biển rộng, sông dài
và ở đó mây chiều che rồi trán
cha mẹ giờ nước mắt chảy theo vai

●
anh trở lại con phố buồn bất sáng
tóc ai bay vẽ chiều nét hoang đường
quê hương đằng sau với nhiều vết đạn
mảnh hồn làng nhàu nát nếp yêu thương

thành tôn

(thấp tình)

Lặng

Thềm, dù rêu chưa phủ
Cô đơn phong kín rồi
Sông, dù nước không lủ
Buồn đã dâng chơi vơi ...!

Đời mơ xưa khá cao
Phụ phàng sau đã phẳng
Sóng tình vốn rất rào
Đớn đau chừ vắng lặng!

Bến yêu ai phong tỏa
Hoàng hôn che cửa tình
Bóng đêm dồn trăm ngã
Mình lại an ủi mình

Tâm tư tang tóc phủ
Lầy lội ngập tương lai
Nệm đầy gai giắc ngủ
Hồn trôi về sương mai ...

Anh chìm xuống đây, em!
Buồn ơi buồn và buồn
Ngay sau ai nhắc tên
Chúng mình còn sắt son

Trong giây phút đón đau
Của kiếp người ưu sầu
Anh tưởng chừng mất cả
Hy vọng ở đời sau
Thiên đàng có không em
Địa ngục có nên tin
Và đây là tiếng Chúa
Thế gian đây : án hình!

Chơi vơi lòng biển thẳm
Bơ vơ vùng đất này
Nếu không còn em nữa
Hoang vắng cõi lưu dầy

Vin vào tay mềm yếu
Trông vào mắt chân thành
Nhắm vào niềm tin đó
Anh không là độc hành

Còn em còn nắng đẹp
Còn em mây vương cao
Đời anh không nhỏ hẹp
Màu xanh không xanh xao

Anh hết chìm xuống đáy
Tâm tư của tháng năm
Anh hết rồi áy náy
Bắt đầu khi có em.

(Bến Bạch Đằng 14-6-65)

Lê Thanh Thái

HỮU - PHƯƠNG

3-65

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DẶN LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU



HERMES



LOẠI QUÁCH TAY

LOẠI ĐỀ BÀN GIẤY

tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Sieu - Téléphone 20.821 - SAIGON

Các bạn yêu truyện ngắn, các bạn hãy tìm đọc :

Đi Trên Nỗi Buồn của NGUYỄN-ÁI-LỮ

- * Nhà xuất-bản TRANG ấn hành
 - * Tập truyện thể hiện những đau thương của lớp người thời đại chúng ta.
 - * Một lớp người không tuyệt vọng, thức tỉnh và tha thiết với cuộc đời...
- “... Trong tác phẩm mới này, Nguyễn Ái Lữ đã mở xẻ những bản khoăn day dứt của con người thời đại chúng ta. Tác giả còn cho chúng ta thấy : tội lỗi, sự mất niềm tin, cái chết cũng như cuộc tranh đấu với bản thân của con người để khỏi rơi vào tuyệt-vọng.

Với tư tưởng và bút pháp vững vàng, tác giả đã cống hiến chúng ta một tác phẩm phong phú, hứa hẹn một thành công rực rỡ...”

Trích dịch bài phê bình của báo Journal d'Extrême Orient số 4.936 ra ngày 26-5-1965.

Thanh - Tâm - Tuyển

TRUYỆN DÀI

(khởi đăng từ BK 193)

CÁT LÂY

PHẦN THỨ HAI

2 | Tôi trở lại quán một buổi sáng trống rỗng, nhìn đám thanh niên dư giả giết thì giờ bằng các trò chơi cơ khí mới được nhập cảng. Những trò chơi tôi không hiểu một thứ gì, tôi không có. Tôi tự hỏi phải chăng tôi có những ý tưởng, một thân xác, những người thân yêu và tôi chỉ biết quay lộn với những món ấy như vật sở hữu duy nhất? Đó không phải trò chơi, tôi sống với những ý tưởng tôi có, vượt ngoài giới hạn của thân xác, sống những mối quan hệ khác những mối quan hệ hiện hữu cùng người thân. Tôi không biết nô rồn và tôi không thích nhưng tôi vẫn thấy như tôi đang làm trò múa rối cho mình nhìn ngắm mình. Từ trong góc quán, nhìn qua những kẽ lưới sắt ngoằn-ngoè, buổi sáng cháy dầu trong ánh nắng hắt lên từ mặt sông, bơi trắng những thân tàu và lỗ đố trên mặt đường. Phương vẫn ngồi ở quầy, sau bình hoa tươi mới, trông ban ngày xanh-xao mệt mỏi hơn, bóng đêm in hằn trên quầng mắt, trái trên màu da và cặp mắt sâu ướn; tiếp chuyện mời rượu một vài người khách quen, dân áp phe chuyên nghiệp đàn bà như không nhìn ra tôi, tôi ngồi yên một chỗ và có lúc bỏ quên mình một cách thoải mái, tôi nghĩ có thể nào mình trở nên vô tình với kẻ thân thuộc và với chính mình — kẻ thân thuộc nhất — tôi sẽ yên ổn biết mấy.

Nhưng một buổi sáng, vào lúc quán vắng vẻ, chỉ có người lính thủy trẻ mơ mộng bên cốc la-ve ở bàn giữa, Phương đi xuống chỗ tôi ngồi đề hỏi thăm Hiệp. Phương xưng em ngọt ngào với mọi người, với tôi và hỏi tôi có gặp Hiệp luôn không, nàng muốn nhắn Hiệp cho nàng gặp. Người đàn bà tâm sự một cách dễ dãi bất ngờ, câu chuyện được kể kiểu cách thản nhiên như chẳng dính dấp đến nàng. Hiệp muốn nhận nuôi đứa con của nàng với Kim. Kim là bạn thân của Hiệp. Hồi xưa Hiệp cũng yêu Phương nhưng không nói và Phương đã chọn Kim. Bây giờ thì Kim bỏ đi mất, không biết ở đâu và "em lại trở về nguyên vị, không có gì thay đổi." Người đàn bà cất tiếng cười, thân thu nhỏ lại, hai tay cặp vào đùi.

Tôi hứa sẽ chuyển lời đến Hiệp nhưng không tiết lộ tông tích anh mặc dù Phương nài nỉ. Trước khi ấy, trong những lần về tỉnh ghé thăm Hiệp, không bao giờ tôi dă động đến chuyện Phương, coi như tôi đã quên buổi tối gặp gỡ tại quán rượu. Buổi tối khi mưa tạnh, Hiệp còn ngồi nán lại, tôi hỏi: « Anh không về », Hiệp lừ như đáp: « Về đâu? tôi về đâu mới được, cô Phương nghĩ coi » và Phương cười: « Nhất định là không thể về nhà em rồi » Trên các phố khuya ướt, tôi nghe lại những lời chuyện trò thân mật di dỏm của Hiệp; Hiệp nói nhiều về cái thế giới đàn ông, những thứ tình kỳ quặc nối kết chúng với nhau, đàn bà không hiểu nổi, cũng như những chia rẽ kinh địch bắt buộc chúng phải chú ý tới nhau, yêu nhau theo lối thù nghịch (Phương giễu: nhưng đàn bà sẽ thủ tiêu được hết mấy thứ đó phải không anh? Chưa chắc, chưa chắc... đàn bà chỉ làm quên đi được một lúc nào đó thôi). Tôi tưởng tượng Thuận dong đèn chờ Hiệp trong gian nhà ẩm ướt giữa phố không màu sắc, rùng mình nghĩ đến những xác chết đã nằm ở nơi này theo lời Diệp kể, nàng không tắt đèn và thiếp đi trong giấc ngủ chập chờn lo lắng; Vào lúc quán sáng trời cũng mưa lớn, chính lúc đó Thuận tưởng mình đã nằm trong cái chết và Hiệp không ở gần. Có lẽ từ đêm đó, trong trận mưa nhận chìm thành phố, âm thầm Thuận đã để mặc cho cái chết quán phủ, đêm sau tháng mười chỉ là lần lặp lại đã thông thuộc và tiếng mưa lay chuyển các cửa ngõ thêm tiếng gọi hốt hoảng của tôi trong cơn tuyệt vọng mê sảng. Chị Thuận, chị Thuận — Mỗi lần gặp Hiệp về sau, trước mặt Thuận, tôi nhớ đến câu nói của Thuận tâm sự với Diệp: người đàn ông tìm kiếm một điều gì khác qua tình yêu, vượt ngoài tình yêu và nười đàn bà phải cố hiểu. Tôi nghĩ Hiệp tìm đến Phương như muốn bắt lại mối liên lạc với Kim, Kim còn sống ở đâu đó xa hẳn Phương và Hiệp; và có lẽ Kim cũng chỉ là bóng dáng có thể của Hiệp, một bóng dáng đã mất hay muốn tới.

Tới gần Hiệp, tôi cũng chẳng hiểu thêm gì về anh; trong lúc chuyện trò, tôi được nói về tôi, về những khát vọng, thắc mắc, băn khoăn, những dằn vặt cô đơn từ bấy lâu và Hiệp chỉ chăm chú nghe. Tôi nhìn Hiệp, nghĩ anh có những giải đáp cho riêng anh mà anh không muốn tiết lộ. Có phải anh đã nhận thấy với tôi không thể có một lời giải đáp nào thỏa mãn nổi? Tôi bị đẩy dọa trong nhà ngục do chính mình dựng lên và chỉ có thể tự mình giải thoát lấy, thật thế chẳng? Nhưng cũng nhiều lúc tôi cho rằng Hiệp chỉ nhìn tôi như một thanh niên tình lý vừa lớn, bị lóa mắt vì những hào nhoáng của chủ nghĩa,

ôm những mộng ước ngông cuồng mà chắc chắn ngày tháng sẽ làm tan biến, tôi bức bối nghĩ mình xem thường quá đáng. Con người của Hiệp xuất hiện trước mắt tôi là những manh rời của một dĩ vãng (những vùng quê miền Bắc tên gọi thơ mộng cổ kính, những bầu trời lãng mạn của tuổi thanh niên, của thời kháng chiến, những sự vật tầm thường của một chốn quê hương đã bỏ lại với bè bạn và kẻ thân thuộc...) và sự phô bày của hiện tại lặng lẽ như không che dấu một ý nghĩa nào hoặc có quá nhiều ý nghĩa. Một lần Hiệp nhắc đến Kim như một kẻ chưa giác ngộ thân phận, say mê hoạt động chính trị, có thể đến chót đời không thể làm một việc gì khác. Kim hiện không rõ ở đâu, nằm trong tù hay trốn khỏi nước hay đã bị thủ tiêu biệt tích? Cái huyền hoặc của một kiếp sống độc đáo, đã cuốn Kim vào hư vô bất tận, Hiệp nói như thế; cả một kiếp sống người ta chỉ được trùng phùng với lịch sử, hiện hữu tới cùng độ của độc đáo, lần duy nhất qua khỏi người ta trở lại nguyên vị của đời hằng ngày: tầm thường, làm nhàm, tẻ nhạt; cứ thúc ép mình vượt khỏi thân phận chỉ là tự vẫn, những khoảng trống rỗng của giờ phút trôi qua là đời sống đích thực mà người ta thường bỏ chạy. « Sống không triết lý, sống hồn nhiên im lìm như Lão Tử nói là cách sống hay nhất ». Tôi không tin Hiệp nghĩ thực như thế.

Tôi chuyển tin của Phương đến cho Hiệp, Hiệp tươi cười nói: « Ờ, tôi sẽ xuống ngay chiều nay ». Tôi chăm chú quan sát Hiệp, hy vọng bắt gặp ở anh những dấu hiệu của một mặc cảm tội lỗi nhưng tôi thất vọng, Anh đứng ngoài đầu thềm nhà ông Pháp, trong giờ chơi, hút thuốc chuyện trò với tôi, học sinh đi qua lại bên hành lang trước các lớp học và dưới sân. Diệp ngồi lại trong lớp cúi đầu trên tập vở thỉnh thoảng liếc nhìn chúng tôi Hiệp chẳng những không hỏi thêm điều gì về Phương cũng không giải thích với tôi về lời nhắn gọi mà thỉnh thoảng còn nhìn Diệp và tôi cười, nụ cười đồng lõa bao dung. Chuông reo vào lớp Hiệp bắt tay tôi hỏi: « Chiều cậu có trở xuống Sài Gòn không? » tôi đáp không, và Hiệp ôm tập sách vào trong lớp Diệp; đi ngang chỗ Diệp, Hiệp dừng lại trong nửa giây, nghiêng đầu nói một điều gì, Diệp đứng thẳng xuôi hai tay lễ phép. Tôi đã hỏi Diệp lúc ấy Hiệp nói gì với nàng, Diệp không nhớ, nàng cũng không nhớ cả việc Hiệp có dừng lại nói với nàng trong buổi học ấy. Tôi nhất định gọi lại trí nhớ cho Diệp, nhắc lại ừng chi tiết nhỏ nhất: ánh nắng nhạt đậu trên mái tóc nàng mà sau đó nàng đã phải khép bớt một cánh cửa lớn, chiếc áo bà ba trắng tay rộng nàng mặc, khi nói với nàng trên môi Hiệp còn ngậm điệu thuốc cháy dở. Diệp đáp: « Hay là lúc ấy ông ấy hỏi đưa đứng cạnh em? » « Không có ai đứng cạnh em lúc đó cả » Tôi nhớ rõ là Diệp đứng một mình, hai người bạn cùng bàn Diệp sau khi Hiệp đã đi khỏi mới sô nhau chạy vào lớp một cách ngượng ngịu. « Em nhớ không có nói gì cả. Nói em phải nhớ chứ. » Diệp ngẫm nghĩ một lát, đột nhiên trông thẳng vào mắt tôi hỏi: « Anh ghen hả? Anh nghĩ tầm bậy quá » Bỗng dưng tôi hoang mang choáng váng, tôi ghen ư? Tôi ghen với Hiệp? Lỗi không

nghe như thế, phùng người khác nhìn thấy như thế. Tôi tức giận ghen cả lời, khi tôi hỏi Diệp tôi chỉ có ý muốn biết. Thái độ của Diệp khiến tôi hoài nghi và như khiêu khích tôi, tôi nói : « Anh muốn biết thế thôi, em không nói là quyền của em. Anh đã chẳng nói từ lâu là em yêu ông thầy của em mà em không hay đó sao. Anh không ghen mà. » Chạm tự ái, Diệp không chịu thua, nàng đỏ mặt cãi lại tôi cùng; nàng nhắc lại từ đầu đến cuối cuộc tình của chúng tôi, những nhẵn nhụi hy sinh của nàng đối với tôi, nàng không hiểu tôi muốn gì, tôi có yêu nàng không; nàng nhắc lại câu chuyện cưới hỏi của nàng và hơi quyết định của tôi « Có thật coi rẻ em không ? » Chúng tôi ngồi trên đường xe lửa nhìn ra cánh đồng, sau lưng là con đường đất rộng chạy giữa những vườn cây trái sẫm uất, con đường này nối với quốc lộ bằng một cây cầu sắt ngắn bắc ngang con lạch chảy men theo các vườn mía một bên quốc lộ. Trời chiều mở rộng, nhẹ dần, trong vườn um tùm đâu xa tiếng đàn bà réo gọi và tiếng máy Vespa nổ lên lỏi giữa các hàng cây. Tôi nhặt viên đá trên đường tàu chọi vào nhau, ngăn cản sự bức dọc chán nản, tôi nén chặt những bông bột xô đẩy của những ý tưởng không chịu hiện hình. Rồi chỗ ngồi đứng lên. Diệp lăm lũi đi trước không thèm ngoảnh nhìn tôi; chúng tôi phải vượt hơn cây số mới về đến thành phố. Tôi dẫm trên bước của Diệp, trên bờ cỏ ven quốc lộ; tôi tưởng chúng tôi như hai người bộ hành mệt mỏi và thù hận nhau. Cuối cùng tôi ngồi xuống vệ cỏ trước con đường mòn len giữa hai ruộng mía bỏ Diệp đi tới một mình, tôi ngồi đó như một con chó hoang vô chủ.

Tiếng máy may đập nhịp nhàng, vòng bánh nhỏ quay trắng mãi miết; chốc chốc bàn tay trắng vanh (như một chiếc lá mềm nhàu nát) níu lấy vòng quay giữ lại, mái đầu nghiêng cúi cần dứt mỗi chỉ. Trong im lặng của gian nhà, chiếc lưng thẳng đứng như không biết mỏi, đẩy đưa giữa tiếng động của máy may và sự trống vắng hoàn toàn của ánh nắng từ bụi chuỗi bên kia đường đồ tuôn khắp mặt đường chiếu xuyên vào nhà trên nền những tiếng động khác của thành phố, những câu nó trao đổi như những sự vật thừa thãi không cần đặt, gương gạo nhạt nhèo. Cơn mưa nghe xa ở chân trời, chiều hay đêm mới chuyển tới vậy nên sự im lặng mỗi lúc một ngọt ngát, phát hiện nỗi trống không nặng nhọc của tâm thần Thuận vừa làm việc, vừa hỏi chuyện, tôi đáp như cái máy; nhiều lần tôi bị bỏ giữa các đồ vật với nỗi ước muốn thăm lặng. Tôi muốn đi tới sau lưng Thuận, cúi xuống trên mái tóc chị, nói với chị... tới đó ý nghĩ tôi hỗn độn, bất lực không thể vận động được nữa. Khoảng cách ngăn ngại gồm bảy viên gạch không thể vượt nổi chỉ có thể nhìn ngó. Thuận dường như cảm nhận được cái không khí đe dọa của một hành động táo tợn có thể xảy tới, chị chăm chú vào công việc không quay lại. Một lúc tôi tự xóa bỏ tư tưởng để chỉ còn là cặp mắt nhìn, phủ lên trên sự vật quanh mình trong sự xuất hiện đầu tiên thô sơ, chỉ còn là những hình thể gồ ghề, góc cạnh, lượn lờ, không mang một ý nghĩa nào, trong trạng thái đó Thuận hiện lên như một kỷ niệm trong hiện tại, một quá khứ không đòi hỏi được, tôi trôi nổi trong

một thế giới hiện thực huyền hoặc, trong giấc mộng tỉnh thức triền miên. Tôi mở mắt như một ống kính nhậy, ghi nhận những sự thể rối rít và đồng nhất trong một bầu sương của ý thức bị chìm ngập ngoi ngóp. Tôi bỗng thấy tôi đứng dậy đi được vài bước từ lúc nọ, đứng khựng lại giữa đường, như một tên mọi ngờ ngác nghe những nhịp trống dồn đập không phải của bộ lạc mình và nghĩ bị bao vây bởi sự thù địch khít khao khó thoát. Thuận đẩy ghế đứng lên, dơ thẳng chiếc áo sơ mi vừa lộn cổ ra trước mặt, màn vải xanh nhạt :

— Trí xem được không ?

Cặp mắt thất thần dịu dàng như những đêm kinh hoàng của tuổi thơ đã bị vùi lấp, chị Thuận, chị Thuận, tôi đã lớn lên như một sinh vật chạy thoát khỏi những đêm tối đó nhưng giữa ánh sáng ban ngày tôi vẫn còn chạy cuồng vì ám ảnh (chạy tới một đêm tối khác đón đợi). Chị dẩu vệt mắt, dọn bàn máy, chiếc kéo trắng sáng rơi soảng xuống gạch, tôi nghe như ánh nắng rực rỡ hơn tuôn tràn qua hai cánh cửa mở toang sô ập vào lưng như muốn đẩy tôi ngã nhào về về trước. Tôi run rẩy, mồ hôi thấm ướt hai bàn tay, hơi thở trống như bị hút thoát hết ra ngoài ; tôi không còn là một cặp mắt nữa, tôi trở thành một khối hỗn hợp vô vụng của khát vọng và bất lực. Thuận đi nhanh vào buồng trong, tôi trở lại ghế ngồi, hốt hoảng mặt nhọc như kẻ bỏ cuộc.

Hiệp sẽ không về kịp tối nay, anh lại gặp Phương ; anh vẫn chưa đón được đứa nhỏ Phương hứa giao cho. Phương còn đùa giỡn với Hiệp, và có lẽ Hiệp cũng ưa cuộc đùa giỡn đó, chưa rõ tới chừng nào chỉ riêng Thuận, chị không hay biết hay làm như không hay biết, chỉ lặng lẽ ẩn sâu trong nhà, trong vòng vây bọc của đồ đạc tro troi nguyên hình và tình yêu thẳng thốt của tôi như khuôn mặt lầm lì độc ác của một thế giới đang suy đồi. Tại sao tôi yêu Thuận ? Tất nhiên chị không hiểu và chị sợ hãi. Diệp là khuôn mặt đàn bà đầu tiên của một thế giới chia lìa cách biệt, của một tình yêu ở bên kia chấn song nhà giam như một thiên đường kín cửa. Còn Thuận ? Chị là cái bóng chấp chới của một thế giới hiện thực mỗi phút giây tích tụ thành quá khứ lặng lẽ, một nỗi buồn hiện hình, nỗi chết dần mòn tự nguyện. Tôi nghĩ đến chị như nghĩ đến chốn yên nghỉ cuối cùng, nơi đó nỗi niềm hư vô trở thành thực thể tự triệt hoại hoại không có lực sinh hóa, cảm dỗ, sự vật được giải toả nằm im trong tự tại. Tôi không đòi gì hơn được ngó chị, im lìm như soi bóng trên mặt sông nước cuộn chảy theo thủy triều và tôi quên hết, quên hết, quên cả mặt mũi tôi đang in hằn lên xúc động của chị ... (Chị Thuận, em, Trí đây, mở cửa, chị đừng sợ. Chị Thuận, chị Thuận.)

Tôi lấy cơ đợi Hiệp, quanh quẩn suốt buổi chiều bên Thuận. Thuận tìm sách báo trong buồng, mang cho tôi đọc, bỏ vào bếp làm việc, thỉnh thoảng đảo lên trên nhà vài phút, nói với đôi ba câu Thuận nói với tôi đón Diệp, chị có hẹn Diệp chiều đến chơi và ở lại ăn cơm. Trong buổi chiều vơi dần, cơn mưa tan khuất, đồ xuống ở vùng xa thối đều những hơi gió mát ; tôi đứng tựa cửa nhìn những đứa trẻ nô giỡn đầu dốc lên lộ, bóng mát xanh ẩm nước của vườn chuối rậm rạp, lắng nghe tiếng

động trong các nhà hàng xóm, tiếng máy phóng thanh của phòng thông tin đầu chợ phát bản tin tức địa phương. Thuận lui cúi trong bếp, sửa soạn cơm chiều, tôi không thể vào tới đó, cũng không thể vào bất cứ một gian nhà nào tôi bị xô đẩy ra ngoài vòng thân mật của mọi người. không bao giờ tôi có thể ngồi nghỉ, tôi đã bị hư vô cảm dỗ và cứ phải dấn thân mãi vào trong một cõi mù mịt bất trắc.

Diệp xuất hiện đột ngột, đứng dưới hè thấp ngửa mặt lên, và khác thường trời; trời vẫn còn sáng, xung quanh nhịp sinh hoạt thoảng tắt im tĩnh cò rỗi lại đều đều khóa lấp những lỗ trống của thời khắc. Diệp lách mình, lướt ngang mặt tôi vào thẳng nhà, coi tôi như người khách lạ, cất tiếng gọi. Thuận hấp tấp chạy lên mừng rỡ đón Diệp, nhưng chị cũng vấp phải vẻ gương gạo tẻ lạnh của Diệp. Diệp đáp bằng những câu ngắn, cất cao giọng hơn lúc thường và con mắt lạc lõng không biết đặt vào chỗ nào, nàng vừa vượt qua một cơn xúc động mà sự lan truyền tuy đã yếu nhưng chưa hết khi Thuận quay xuống bếp, tôi ngồi đối diện với Diệp và tôi nhìn Diệp không thốt lời nào. Lúc đầu tôi nghĩ như thường là chúng tôi gặp nhau tại nhà Hiệp chúng tôi phải kín đáo e dè hơn, không thể phô bày quá lộ liễu tình yêu của chúng tôi trước mắt người khác, dù những kẻ ấy bằng lòng vai đồng lứa. Nhưng dần dần tôi nghe không khí trở nên nặng nề vướng víu khó chịu trong mắt Diệp đậu đầy bóng tối, bất động như những lỗ sâu. Tôi hỏi :

— Thế nào ? Còn chuyện gì lạ không ?

Diệp không đáp, bỏ vào bếp với Thuận; hai người nói chuyện ở xa và mãi sau tôi nghe vang những tiếng cười ròn trong gian nhà im vắng hoàn toàn. Trong bữa ăn dưới ánh đèn cây chập chờn khuya khoắt, điện tắt suốt buổi ấy, tôi hết ngó Diệp lại ngó Thuận; những khuôn mặt nửa sáng nửa tối như bị khắc sâu vào trong một nền tạo vật tăm tối bao trùm gian nhà và thành phố. Diệp tạo được lại thái độ bình thường, cười nói vô tư với sự phụ họa khuyến khích của Thuận, nhiều lúc dường như hai người quên hẳn sự hiện diện của tôi. Sau bữa ăn, Diệp cáo từ ngay nàng nói :

— Anh ở lại với chị Thuận cho chị đỡ sợ. Chừng nào anh Hiệp về, anh hãy về.

Có lẽ đó là câu duy nhất Diệp nói với tôi trong buổi ấy. Nghe giọng, tôi chợt hiểu ý Diệp tôi, không kịp biểu lộ phản ứng hay không biết cách phản ứng trước mặt Thuận, Diệp đã bước ra cửa vừa cười vừa khép hai cánh lại. Trong góc xa hắt ánh sáng, tôi ngồi chết lặng, tức Diệp, thương Thuận và khiếp hãi. Tôi nghe Thuận cười :

— Ăn thua gì. Tôi quen rồi mà.

— Em khép cửa cho khỏi gió.

Tôi cúi gằm đầu, nghe vắng mãi tiếng cười rúc rích giả tạo của Diệp ở ngoài cửa, không dám nhìn Thuận, rồi bất mãn về thái độ ngây ngô tội lỗi của mình,

Diệp, không phải như em tưởng, anh yêu chị Thuận, nhưng không phải như em tưởng. Diệp, em không hiểu hết những dạng thức của tình yêu. Cả Thuận nữa, hì cũng không hiểu. Chỉ có Hiệp... Anh hiểu tôi yêu Thuận như hiểu Diệp yêu anh. Tôi ngồi giữa tiếng côn trùng rì rì, tiếng ếch ương vang rân rân như giữa đồng trống lạnh lẽo, cho đến khi bật đèn sáng, chóa mắt ngỡ ngác như vừa ngủ dậy ; Thuận đứng trong khuôn cửa vào buồng trong, xanh xao yếu đuối mệt mỏi bảo :

— Thôi, Trí về đi. Tôi buồn ngủ quá. Chắc anh Diệp không về đâu.

(còn tiếp)

THANH TÂM TUYỀN

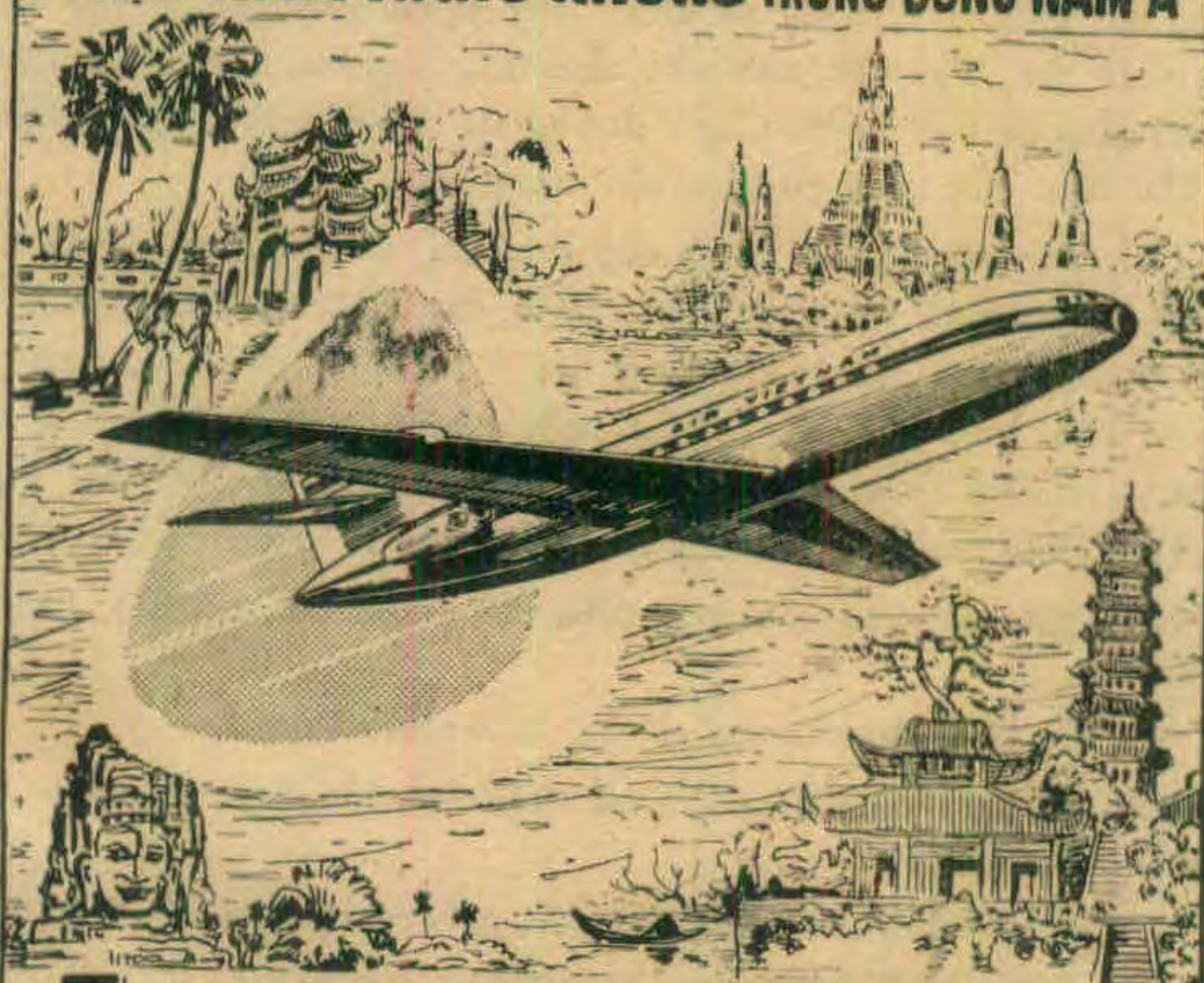
V
I
Ệ
T

N
A
M

H
À
N
G

K
H
Ô
N
G

VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG TRONG ĐÔNG-NAM-Á



3 SAIGON-PHNOTMPENH-BANGKOK

(Mỗi Thứ Ba, Thứ Năm và Thứ Sáu)

3 SAIGON-HONGKONG

(Mỗi Thứ Hai, Thứ Ba và Thứ Bảy)

2 SAIGON-KUALA LUMPUR-SINGAPORE

(Mỗi Thứ Tư và Thứ Năm)

bằng **DC-6B** và **Caravelle**

PHI-CƠ PHẦN-LỰC TRĂNG-LỆ NHƯT THỀ-GIỜ

Xin hỏi chi-tiết và lấy vé nơi các hãng du lịch hay:

VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

100 NGUYỄN HỮU SAIGON DT. 31 624 21 625 31 626

ĐOẠN ĐƯỜNG CÒN LẠI

Rời khỏi bến xe buýt, Trần đu mình trên đôi nạng, cố đi thật nhanh. Đoạn đường dài khoảng nửa cây số. Đôi nạng gỗ đã quen thuộc với anh như một bộ phận thân thể. Tuy vậy, anh vẫn cảm thấy hơi khó chịu ở hai bên nách và cánh tay trái nặng nề như bị tê. Con đường đất đỏ nát ra vì nước mưa và vết xe qua lại. Đôi lúc, đầu nạng gỗ thụt sâu trong bùn.

Hai cánh cổng bằng gỗ và dây thép gai đã mở rộng. Trần vượt qua khoảng sân trải đá xanh và bước lên hiên. Hiên đầy ánh nắng hồng buổi sáng một ngày đẹp trời. Năm sáu người đã đứng đợi ở hiên dãy nhà thấp này. Họ ngồi trên một tờ báo, một đôi dép, hoặc ngồi chung trên chiếc mạng gỗ của một ông già cụt chân như Trần. Tất cả những khuôn mặt ở đây đều quen thuộc với anh. Trần nhìn mọi người và giơ tay tỏ dấu chào tất cả.

Ông già cụt chân vẫn một điếu thuốc khá lớn, bật lửa, kéo một hơi dài rồi chỉ Trần :

— Tôi và thằng cha này ai tàn phế nhiều hơn ?

Tất cả nhin đắm đắm vào cái chân cụt của Trần rồi quay nhìn ông ta. Một trong bọn lên tiếng :

— Ông già được số "bách phân tàn phế" nhiều hơn. Chớ cha kia còn khúc đùi. Chân ông đứt hết tới háng.

Một anh chàng trẻ tuổi, mặt đen cháy, hai tay cụt, ngồi dựa vào tường, hai mắt lim dim như ngủ lên tiếng :

— Chẳng có nhiều ít cái đếch gì đâu. Người ta tính cho hai người bằng nhau. Dài ngắn gì cũng là cụt một chân, ăn thua chớ gì cái khúc đùi ấy.

— Tưởng ông già hơn chứ ? Một người sáu chục thì một người cũng sáu lắm phần trăm ...

Anh chàng cụt tay vẫn ngồi yên, hai mắt anh mở hân nhưng thần hinh anh vẫn ngay đơ, gọn gàng như một khúc gỗ.

— Không có thể đâu. Mà làm gì được tới sáu chục phần trăm. Giỏi lắm là bốn chục. Tôi mất mẹ nó cả hai bàn tay thể này cũng chỉ vào cỡ bảy, tám chục.

Trần đặt một cái nạng xuống hiên rồi tựa vào cái còn lại và từ từ ngồi xuống

Anh quên kéo ống quần lên cao. Ống quần anh căng ra làm anh cảm thấy hơi mất thăng bằng. Anh đưa một bàn tay ra sau. Một người trong bọn vội chồm tới kéo cái nạng gỗ lại đặt vào đúng cái móng Trần sẽ rơi xuống. Trần vừa kéo ống quần vừa quay lại nói nhỏ hai tiếng cảm ơn.

Ông già cụt chân ngửa cổ thở ra một làn khói cuộn cuộn, dày đặc. Khói tỏa lững lờ trên mặt hai người ngồi bên cạnh ông lão nhưng họ không hề tỏ vẻ chú ý. Ông lão kéo một hơi dài nữa rồi vừa chăm chú nhìn vào mẫu thuốc trên tay vừa lên tiếng nói. Trong khi ông nói khói thuốc chậm chậm tuôn ra ở miệng và ở hai lỗ mũi :

— Bốn chục phần trăm ! .. mẹ ! Vậy được bao nhiêu. Lương chính thức của mình đã ít xít. Giờ chắc tiền lãnh hàng tháng không đủ hút thuốc.

Một người mập tròn, khoảng gần 40 tuổi, nước da hồng hào, ngồi cạnh chàng cụt hai tay, đang nhồm nhoàm nhai bánh mì lên tiếng :

— Bây giờ có phải đánh nhau nữa đâu. Ông tha hồ làm việc khác kiếm tiền tháng tháng còn được lãnh tiền trợ cấp tàn phế. Sướng quá trời.

Ông già há to miệng thử cho hết khói ra rồi văng tục. Bỗng dừng giọng nói của ông trở nên lơ lơ, nửa Bắc nửa Nam

— Làm mẹ gì giờ ? Còn chân tay đi kiếm việc có ra không ? Thất nghiệp cả đồng. Mình còn một chân đi đã hết muốn nổi. Mỗi lần muốn nhào vô đâu lại phải...

Ông lão giờ bàn tay lên cử động như một người đang đếm tiền và vội vàng kê mẫu thuốc còn lại vào môi. Ông mập mập nói :

— Chẳng kiếm ra việc thì ở nhà. Khi thiên hạ đi làm thì mình đi chơi. Khi thiên hạ đi chơi thì mình nằm nghỉ.

Ông lão quay nhìn người mập mập. Ông này giữ nét mặt tỉnh khô nhưng đôi môi ông ta đã dợn lên như muốn cười. Ông lão cụt chân hiểu là người kia đùa. Ông nheo mắt muốn cười theo nhưng chợt ông nghiêm trang trở lại rồi có vẻ hậm hực, và ông văng tục.

Người mập mập giờ cánh tay phải mất trọn một bàn tay :

— Thương tích của tôi chỉ ngần này cỡ hai chục phần trăm là nhiều.

Ông ta chỉ vào anh chàng cụt hai tay :

— Cha này thì chắc ăn trăm phần trăm rồi.

Người cụt hai tay lắc đầu :

— Chưa chắc.

Hắn ngồi thẳng dậy hất hàm về phía công :

— Tên kia mới chắc,

Tất cả quay nhìn một chiếc xe đang được đẩy vào cổng. Trên xe, một người gầy gò mặc bộ quần áo màu vàng rộng thùng thình. Tay phải, chân phải hẳn bị cụt, sườn bên phải hơi nhô ra như có một cái bướu dưới cánh tay cụt. Chân trái hẳn teo nhỏ hẳn lại, thò ra khỏi ống quần rộng, lủng lẳng như sắp rơi. Hẳn đội một cái mũ đen và đeo một cặp kính đen thật lớn. Mặt hẳn ngược lên, hơi nghech về một bên. Chỉ có mấy chiếc huy - chương trên ngực hẳn là có vẻ ngay ngắn.

Người đàn bà đẩy xe lùn, mập, búi tóc. Nét mặt bà ta tròn, hiền lành, cái nhìn rụt rè, khép nép. Đẩy chiếc xe đến gần hiên bà ta nhìn mọi người tươi tỉnh như muốn chào tất cả mà lại không dám. Người đàn ông đặt bàn tay trái lên cổ tay người đàn bà rồi quay lại hỏi :

— Tới rồi hả mình ?

— Vâng.

Lập tức, ông ta quay lại vung tay lên :

— Chào anh em.

Ông già cụt chân nói to :

— Chà ! Bị thương nhiều dữ ta !

Người ngồi trên xe chỉ tay vào bụng nói một cách thản nhiên :

— Hai mắt mù hết. Còn ba phát đạn vào bụng nữa. Bị thương cùng mình mà.

Anh chàng cụt hai tay hỏi :

— Trận nào đấy ?

— Trận K. H. ! Bị vây bất ngờ ! Cả đồn « bương » gần hết. Nhưng bọn nó « ngã » cũng bọn. Xác chết nhiều gấp ba tụi này...

Hai người xúm lại giúp người đàn bà đẩy chiếc xe lên hiên. Người chồng im lặng chờ một lát rồi kể tiếp :

— Ai cũng tưởng là tôi chết rồi.

Một người mù ngồi cạnh đứa bé con ở cuối hiên bỗng lên tiếng vu vơ :

— Chờ lâu ghê ! Nắng quá rồi !

Đứa bé con vội nắm tay anh ta đẩy cho anh ta nhích về phía có bóng mát sau chiếc cột. Anh ta đưa gậy quơ chăm chăm chung quanh rồi tiếp :

— Không có lấy một cái phòng đợi. Tệ quá ! Giá ở hiên có một cái ghế gỗ cho tụi mình ngồi thì cũng đỡ.

Người ngồi trong xe hỏi :

— Chưa tới giờ các ông ấy tuyên bố kết quả sao ?

Anh chàng mù hậm hực :

— Chưa ! Mười giờ cơ,

Trần đang loay hoay cọ đầu chiếc nạng gỗ trên góc thềm hiên để gạt bùn đất. Nghe giọng người mù quen quen anh nhòm lên nhìn. Anh nhớ ngay ra những lần anh đã gặp người mù này ở trong bệnh viện. Thịnh thoảng Trần vẫn được anh ta mời hút thuốc lá và đi quanh quần với anh ta.

Câu chuyện của bọn người ngồi quanh Trần đã xoay về mục tả các trận đánh lớn, bé. Chàng ngồi trong xe nói to nhất. Bà vợ hẳn cũng tỏ vẻ chăm chú nghe. Trần đứng dậy định tiến về phía anh chàng mù thì bỗng từ cổng có tiếng gọi :

— Ê ! Trần !

Quay nhìn, Trần thấy thượng sĩ Hoan. Ông ta không đi thẳng vào hiên mà đi chéo về phía cái quán ở cuối dãy nhà dựng sát tường :

— Xuống đây uống nước đã.

Trần chống nạng đi theo. Anh ngạc nhiên vì sự vui vẻ của thượng sĩ Hoan. Anh tưởng ông ta sẽ đến đây với nét mặt buồn rầu, thiếu não ghê gớm.

Thượng sĩ Hoan bị đạn vào phía ngực bên phải. Hình như xương bả vai ông ta cũng bị vỡ. Sau lần mổ ông ta mất thêm mấy cái xương sườn. Cánh tay bên phải trể xuống, yếu ớt, vô dụng, lúc nào cũng ép sát vào người. Thượng sĩ Hoan nằm ở giường cạnh giường Trần. Sau hôm ông ta lên bàn mổ, Trần giữ nhiệm vụ săn sóc ông. Đến phiên Trần nằm liệt ông ta săn sóc lại thật chu đáo. Hai người trở nên thân nhau mặc dầu tuổi tác cách biệt. Trần còn nhớ buổi sáng hôm vị bác sĩ đến báo cho anh và thượng sĩ Hoan biết là hai người sẽ được hội đồng bác sĩ giám định cho phế thải vĩnh viễn. Thượng sĩ Hoan rầy này :

— Tôi bị phế thải sao ? Tôi còn phục vụ được mà.

Ông bác sĩ lắc đầu :

— Cánh tay phải của anh hết cầm súng rồi. Phục vụ tổ quốc thể cũng là đủ lắm.

Hai mắt bỗng dưng đỏ hoa, thượng sĩ Hoan ngoẹo cổ nhìn cái vai phải đã bắt đầu xệ xuống của mình rồi nói :

— Xin bác sĩ xét cho. Gia đình em đông lắm, bây giờ em ra khỏi quân ngũ thì lấy gì để sống. Thời đại này người khôn, của khó, em lại chẳng có nghề nào trong tay

— Có một cơ quan tìm việc cho các anh mà.

— Vâng, nhưng kiếm đâu có được bao nhiêu.

Thượng sĩ Hoan quệt nước mắt rồi chột khóc thành tiếng :

— Xin bác sĩ cho em ở lại. Em làm việc nhà, việc văn phòng cũng được. Em đang tập viết tay trái.

Về nài nỉ khẩn thiết cộng với tiếng khóc của ông ta làm cho cả phòng im lặng, bầu không khí có vẻ quan trọng đặc biệt. Ông bác sĩ hơi lúng túng, ông nói :

— Việc giữ anh em lại hay cho về do nhiều người quyết định. Thôi được, để tôi nói lại là sẽ xét kỹ trường hợp của anh.

Ông bác sĩ rời khỏi phòng, thượng sĩ Hoan vẫn sụt sịt khóc. Một người đàn ông khóc thường có cái vẻ thô kệch, vụng về một cách thật tội nghiệp. Nhìn khuôn mặt xạm đen hơi dữ dằn của ông ta Trần không sao ngờ là có lúc ông ta khóc được. Năm khóc ảm ức một lúc rồi ông ta hét oang oang :

— Mình còn khỏe mạnh chứ đã chết chóc gì đâu !.., mẹ ! Thằng này bắn tay trái cũng không đến nỗi gửi đạn về làng. Những đứa còn đủ chân tay đánh lộn chưa chắc đã ăn thằng này...

Cả phòng mỗi người góp một câu an ủi. Đêm hôm đó ông thức thật khuya để kể lại những kinh nghiệm chiến trường cho Trần nghe. Khác hẳn các thương binh cùng phòng, ông không thích bỏ quân đội.

Thượng sĩ Hoan vừa kéo ghế cho Trần vừa hỏi :

— Kiểm được nghề sinh nhai chưa ?

— Dạ rồi, nghề khâu cặp da. Trung bình một ngày cũng được sáu chục. Em đang tập khâu vỏ bóng truyền. Làm thêm được thứ đó thì cũng khá. Còn thượng sĩ ?

Thượng sĩ Hoan đưa tay trái ra phía sau kéo lại nếp áo :

— Hà. Tưởng chính phủ chê thì sẽ đói dài. Cũng may, chẳng đến nỗi phải nằm thẳng cẳng cho vợ, con nuôi. Tớ đạn rỏ rá tài lắm rồi. Kiểm không ra tiền bằng cậu nhưng đỡ buồn. Hồi này sườn hết đau, tớ cưỡi xe gắn máy chạy như gió. Vespa nhà cháu cũng không ngán. Chỉ tội đếch có mà đi thôi.

Cửa căn phòng giữa trong dãy nhà thấp đã mở. Những người chờ đợi ở hiên lần lượt đứng dậy hết. Người mù ở cuối hiên vịn vai đứa nhỏ vừa đi vừa khua cái gậy lóc cóc như để nghịch ngợm chứ không phải để dò đường. Trần và thượng sĩ Hoan uống nước vội vàng rồi hấp tấp tiến đến nhập bọn với họ.

Tất cả bước vào một căn phòng khá rộng. Sau ba chiếc bàn dài kê liền nhau trong phòng có ba nhân viên ngồi. Trên bàn, hồ sơ xếp thành từng chồng cao. Theo lệnh người hướng dẫn tất cả phải đứng xếp thành hàng đôi, chờ đợi nghe gọi tên. Chỉ có bốn hàng đầu là ngay ngắn. Mấy người phía sau đứng lộn xộn và có người tiếp tục nói chuyện nho nhỏ. Ông già cụt chân vẫn nhả ra những bùm khói dày đặc.

Một người có dáng đi lom khom như ông già nhưng mặt còn trẻ túm tay anh chàng mập lấp bắp :

— Anh nghe giùm bao giờ đến tên Mười.. Huỳnh văn Mười thì bảo tôi nhé, tôi là Huỳnh văn Mười.

Chàng mập trả lời uể oải :

— Trời đất ! Đứng ngay đây mà lo gì. Họ gọi lớn nghe tiếng con ráy luôn. Việc chi mà bày đặt nghe giùm.

Người kia ngần ra rồi quay nhìn người cụt hai tay. Anh này gật gật mấy cái rồi nói với chàng mập :

— Hẳn điếc.

Người ngồi trên xe cho vợ đẩy vừa gặp ông bạn thân mới đến. Đó là một người gầy gò, cao, da tái ngắt. Chân tay, hình hài ông ta còn nguyên vẹn. Mái tóc chỉ còn lơ thơ vài sợi ở lệch một bên đầu. Hẳn nói :

— Nhớ chú Sáu muốn chết. Bữa nào ghé thăm nhà mình tổ chức làm một bữa nhậu chơi. Coi hồi này tôi có khá hơn không ?

Người được gọi là chú Sáu trả lời :

— Mập hơn chút.

Ông ta chăm chú nhìn vào ngực áo người đối diện.

— Hình như anh đeo thiếu một cái huy chương.

— Uả, sao chú biết hay vậy ?

Hẳn ngược đôi mắt không trông lên, nhắc cái kính đen ra một chút lại đeo vào rồi cười sung sướng.

Các nhân viên ở bàn giấy đã đọc được hai ba tên và đang tiếp tục : « Nguyễn văn Hùng, miễn dịch vĩnh viễn chín chục phần trăm... mẫu số... Trương văn Quý, sáu chục phần trăm... mẫu số... » Mỗi hồ sơ một cái tên, một người ra trình diện, giơ tay chào rồi đứng nghiêm lắng nghe các chi tiết về số phận mình. Khi nhân viên ngồi ở bàn giữa đọc tên « Nguyễn đình Phúc » người ngồi trong xe vội vã quờ quạng tìm tay người vợ.

— Kia tới phiên tôi rồi kia mình.

Người vợ đẩy chiếc xe ra trước cái bàn giữa. Bà ta ngừng lại, cái nhìn đầy vẻ lúng túng, vụng dại. Bà lay vai chồng.

— Đến rồi đó mình, chào, chào !

Hai tiếng sau bà ta nói nhỏ đi như một lời nhắc khẽ. Người chồng vừa giơ tay trái lên vừa cúi thật thấp đầu xuống. Nhân viên giữ hồ sơ đọc :

— Nguyễn đình Phúc, tàn phế trăm phần trăm, miễn dịch vĩnh viễn, mẫu số... một.

Người chồng lại quơ tay vợ :

— Rồi, trăm phần trăm ! Biết trước mà.

Người vợ cũng mỉm cười sung sướng nhưng bà ta cúi đầu giữ nguyên vẻ khép nép. Nghe xong các chi tiết về trường hợp mình, người chồng lại vừa giơ tay vừa cúi đầu chào. Ông ta cười vui thành tiếng :

— Xin chào hết mấy ông ! xin lỗi ! Tôi mù cả hai mắt thành ra không biết mấy ông chức gì ! xin chào.

Người vợ đẩy xe đi rồi bàn tay trái ông ta còn giơ cao tới ngang mũi.

Tới phiên Trần được gọi ra. Sáu chục phần trăm! con số đó được kể là rất rộng rãi quá sự mong đợi của anh. Từ nay, tháng tháng anh sẽ nhận được một món tiền tính theo con số đó. Anh quay lại gật đầu chào già từ thượng si Hoan rồi ra hiên. Một nhóm người còn đứng lại ở đây và bàn tán sôi nổi. Có những cuộc đối thoại đầy giọng hăm hực như cãi nhau:

— May như thế mà cũng được năm chục phần trăm trong khi ông chỉ có bốn.

— Bốn chục là đáng rồi.

— Bác « nguyên lành » quá, có mất mát gì đâu mà được trăm phần trăm?

— Dạ, tôi bị phôi. Giờ chỉ còn thờ có một nửa ngực. Nay mai là về châu thổ rồi.

Trần đi ngang qua đám đông; chiếc xe của người «tàn phế trăm phần trăm» đã ra tới cổng. Anh cố gắng vượt lên, đi trước. Năng làm cho con đường đất đỏ đã khô một phần, bết lầy lội. Anh có cảm tưởng con đường mình đi ngắn hơn buổi sáng. Khi anh còn cách bến xe buýt chừng ba chục thước thì một chiếc một xe vừa chuyển bánh, rời bến. Trần vội giơ tay vẫy khiến một chiếc nạng suýt rơi. Người bán vé thò đầu ra hét:

— Thôi đi chuyển sau nghe.

Trần bật lên chửi thề. Anh vừa cảm thấy lưng mình nóng rất vì nắng trưa.

LÊ TẤT ĐIỀU

SINH HOẠT

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Người ta viết tiểu thuyết bằng cái gì?

Henri Troyat đang nổi tiếng vì cuốn sách viết về Léon Tolstoi, mới xuất bản, vào hạng bán chạy nhất ở Pháp.

H. Troyat viết lịch sử danh nhân như thế, mà viết tiểu thuyết cũng cừ. Cuốn

Les Eygletière của ông cũng sôi nổi lắm. Eygletière? Hỏi ở đâu có cái tên kỳ cục đó. Ông bảo một hôm nhìn vào bản đồ, thấy có một tên làng Eyguières với một tên thị trấn nhỏ Egletons, ghép chơi, thành ra thế.

L. Tolstoi dày cộm mà *Les Eygletière*

cũng đồ sộ quá cỡ. Người ta được biết H. Troyat có thói quen phải viết đứng, không ngồi ; cho nên ngoài văn tài, độc giả còn phải kính trọng luôn cái sức khỏe của ông.

Về quan niệm tiểu thuyết, ông công kích phái trẻ. Ông cho rằng nhóm « tiểu thuyết mới » cũng có mấy tay có tài, nhưng họ lẫn lộn cố gắng chấn hưng một bộ môn văn nghệ với cái ám ảnh về kỹ thuật. Ông chê cái trò kỹ thuật của họ là giả tạo Ông bảo họ suy tính, lý trí quá. « Họ viết với bộ óc, chứ không phải với bao tử của họ. »

Tương lai xứ người

Tạp chí *Arts* ra ngày 13-4-1965 đặt ra một vấn đề : tình hình nghệ thuật năm 1985 sẽ ra sao ?

Có nhiều tay danh tiếng trả lời :

Claude Bonnefoy nói : ở Pháp hiện giờ có 52% dân số không bao giờ biết tới cuốn sách. Hai mươi năm nữa, tỷ số ấy may ra hạ xuống còn 30% hay 40%. Chừng đó sách sẽ tràn ngập khắp mọi nơi, bán đầy chợ búa. Có thứ sách đọc ngày, có thứ sách in chữ da quang cho hạng người cần đọc đêm ở chỗ không đèn không lửa. Chừng đó nghề xuất bản chỉ nhằm vào hai loại sách : một loại phổ thông, in thật nhiều, bán thật rẻ, tung ra khắp nơi, gồm những sách kiến thức bách khoa, những tác phẩm cổ điển, tiếng tăm v.v... ; một loại nữa gồm các nghệ phẩm cầu kỳ, cao siêu, thì in hết sức đẹp, đóng hết sức khéo, mà ít. Chừng đó các mầm non văn nghệ sẽ bị kẹt đa ! Bởi vì những tập thơ đầu tay, những cuốn truyện đầu tay không có

nhà xuất bản nào dám tung ra hàng triệu, mà cũng không có ai dám in vào loại sách cao giá. Chân không tới đất, cật không tới trời, các mầm non sẽ khốn khổ, sẽ nằm mơ về cái thuở làm ăn lối thủ công nghệ ở xứ ta hiện nay.

Pierre de Boisdeffre thì tiên đoán rằng tương lai tiểu thuyết, (thứ tiểu thuyết chính cống) sẽ tuyệt chủng. Văn chương sẽ chia ra làm hai loại : loại văn chương hữu hình và loại văn chương vô hình dung (*littérature non-figurative*). Ngôn ngữ y hệt như là nói chuyện hội họa bây giờ. Thứ tiểu thuyết hữu hình chẳng hạn là thứ truyện bây giờ đang trình bày trên màn ảnh xi-nê và mai đây sẽ chuyển qua màn ảnh vô tuyến truyền hình. Vô tuyến truyền hình sẽ dần dần thu hút bọn tiểu thuyết gia, bắt họ phục vụ cho nó, rồi biến chúng họ thành ra một giống tiểu thuyết gia đặc biệt, chuyên về loại truyện vô tuyến truyền hình. Thứ đó sẽ là hợp thời nhất. Còn thứ tiểu thuyết gia tiếp tục viết rồi in thành tập cho người ta xem sẽ gia nhập vào hàng ngũ các văn nghệ sĩ vô hình dung càng ngày càng xa đại chúng.

Phát giác về dân tộc Anh

« Thà làm một chuyện đại đột đã có kẻ làm rồi còn hơn là làm một chuyện thông minh mà chưa có ai làm ». Đó là lời của một vị thủ tướng nước Anh. Nó chứng tỏ cái đức tính bảo thủ cứng đầu kỳ cục của dân tộc này. Xưa nay người ta vẫn quan niệm dân Anh qua hình ảnh một người quý phái bảo thủ, dù gặp biến cố gì đi nữa cũng có thể phớt lạnh, tỉnh bơ.

Cái giống dân Anh đó hiện nay mất tích rồi, Jacques Chastenet nói vậy, trong một tác phẩm gần đây : cuốn *L'Angleterre d'aujourd'hui*.

Trước hết là giới quý tộc, giới này không còn nữa. Sau hai cuộc đại chiến, hạng quý tộc đâm sa sút ; họ phò thác lâu đài dinh thự của họ, hoa viên thênh thang của họ cho những National trust, lâu đài hoa viên ấy được mở cửa cho công chúng, cho du khách vào xem, và lắm khi chủ nhân phải tự đứng ra làm hướng dẫn viên (để kiếm chác chút ít). Chữ *gentleman* là một danh từ xưa rồi. Của cải đã không còn, giới quý tộc đáng lẽ còn giữ riêng cho mình một tác phong kênh kiệu, một thứ ngôn ngữ cầu kỳ. Nhưng cái đó rồi lại cũng mất nữa. Máy truyền thanh, máy truyền hình v.v... hàng ngày phơi bày ra trước đại chúng tất cả những bí mật của hạng thượng lưu. Mới rồi Nancy Mitford lại đem công bố ra một bản danh sách những tiếng mà giới quý phái thường dùng và những tiếng họ tránh dùng : hết cả bí mật nhà nghề !

Sau nữa, là thái độ phớt tỉnh. Cái đó cũng hết rồi. Dân Anh bây giờ cũng hoang mang, cũng hốt hoảng như ai. Tại sao vậy ? Thì hãy nghĩ coi : trước kia đế quốc Anh oai hùng như thế, giàu có như thế, mệnh mông như thế, làm sao dân Anh họ không tự tin, không vững vàng, bằng chân như vại ? Họ bảo thủ là phải, vì truyền thống đã đưa họ tới sự thịnh vượng thế kia thì đại gì không gìn giữ lấy cái truyền thống rất "bảo đảm" ấy. Thế nhưng ngày nay, thời oanh liệt còn đâu nữa : đế quốc

tan rã rồi, uy thế trên mặt biển, trên không gian không có gì. Họ đang ở vào tình trạng lúng lờ khốn đốn, nản nì với Âu châu lục địa cho vào thị trường chung chẳng ? Lẽo đẽo theo Hoa-Kì làm anh bạn nghèo ngoan ngoãn chẳng ? Đảng nào sự vinh dự cũng không được bao nhiêu. Họ còn có gì để tự tin, để kiêu hãnh, phớt tỉnh nữa, để cổ thủ truyền thống nữa ?

Hậu quả của tình trạng ấy có những cái bất ngờ : là dân Anh đâm ra nói tục. Trước đây S. Maugham từng viết rằng : « Người Anh không phải là một dân tộc ham nhục dục, và khó mà thuyết phục họ tin rằng một người có thể đem bất cứ cái gì quan trọng hy sinh cho ái tình ». Cụ S. Maugham, cụ còn sống đó nhé. Thế mà vật đổi sao dời ; văn chương nước Anh bây giờ đầy những tác phẩm tục tĩu gấp mấy văn chương Pháp. Người ta lại hỏi tại sao ? Có lẽ là vì hồi trước những lễ nghi, những tập tục truyền thống của quý tộc còn vững vàng, cái bề ngoài uy nghiêm của xã hội được bảo vệ kỹ, cho nên thỉnh thoảng có tác phẩm nào ngỗ ngáo (như *Người tình của Chatterley phu nhân*) xuất hiện, làm tổn thương đến cái đạo lý cổ truyền ấy, là nó bị lôi ra tòa nghiêm phạt liền. Bây giờ, giới quý tộc sụn rồi, những gì là ước lệ nghi tiết trịnh trọng, đạo đức cũ kỹ của nó cũng lung lay theo. Bản năng vùng lên. Giới trẻ trâng tráo, trắng trợn, nói năng không kiêng nể cái gì cả, hướng hồ một... cái ấy.

Nước Anh mất đi cái hàng rào ngăn cách giữa các giai cấp thì lại được sự cách biệt giữa tuổi tác. Bây giờ giới

teenagers, hạng tuổi từ mười ba đến mười chín thành ra một giới riêng trong xã hội. Họ có văn thơ của họ, ca kịch của họ, lối sống của họ, điệu chơi của họ, ngôn ngữ riêng của họ v.v...

Nhưng thôi, chúng ta đâu phải là ông J. Chastenet mà mong nói cho hết những cái lạ của nước Anh ngày nay ?!

Viết cho ai ?

Một bác sĩ trẻ tuổi, người Anh (lại là người Anh !), làm thơ, ký dưới bút hiệu là Trevor Westwood, một hôm đăng lên báo một lời rao vặt. Lời rao rằng thi sĩ sẵn sàng bán cho bất cứ ai với giá năm đồng guinees mỗi một bài thơ (có ký tên hẳn hoi) bất cứ nói về đề tài gì. Tác phẩm trao cho khách hàng có thể dưới nhiều hình thức khác nhau, tùy sở thích : hoặc viết tay, hoặc có vẽ trang trí xung quanh, hoặc lồng kính, cho vào khuôn tử tế v.v...

Quảng cáo đăng xong, *com-măng* nhận được tới gấp. (Hãy nhớ tới trường hợp bi thảm của Tản Đà khi rao nhận coi tướng số). Trong số *com-măng*, có khách cần một bài thơ khóc người thân bất hạnh, có khách cần diễn tả cảm xúc xem một trận chọi gà ở Tây-Ban-Nha v.v...

Do đâu mà Trevor Westwood nẩy ra cái sáng kiến thiên tài ấy ? Ấy là nhân một hôm, vào quán, thi sĩ uống phải la-ve dờ quá, liền rút bút ra làm mấy vần thơ, gửi tới chủ quán ; chủ vội vã mang ra sáu chai huyết-ky. Sự kiện hùng-hồn ấy chứng tỏ cho thi sĩ thấy hiệu lực của thi ca.

Westwood cũng có tuyên bố một nhận định : ông nhận thấy phần nhiều thi sĩ đã tách rời quần chúng quá xa, ông không muốn thế, ông muốn nó phải giữ mối liên hệ chặt chẽ với quần chúng, phải làm cái gì ích lợi cho quần chúng (đề đòi lấy 5 guinees).

Hoạt động của Hội Văn Bút

Tại Việt-Nam, hội có sáng kiến đặt ra giải thưởng đầu tiên về bộ môn truyện ngắn. Trong số trên 30 truyện ngắn dự thi, hội chọn được 2 giải nhất nhì và 4 giải khuyến khích. Giải nhất về tay một nữ sĩ : Minh-Quân ; giải khuyến khích về tay một nữ sĩ khác : Minh-Tâm. Khi hai nữ sĩ cùng đến nhận giải thưởng mới hay giữa hai người chỉ có cái bút hiệu là khác nhau.

Trong khi ấy hội Văn Bút quốc tế đặt ra những giải thưởng truyện phân phát cho khắp năm châu, từ 1965 đến 1970. Trên tạp chí này, chúng ta đã có dịp đề cập đến một vụ xích mích giữa hội COMES và hội PEN. Nga sô trước đây không « chịu » cái chủ trương phi chính trị của PEN nên không vào hội này. Thế nhưng mới vừa rồi Sourkov lại sang Paris, cùng đi với nhà văn Simonov, tiếp xúc với hội Văn Bút Pháp, chuẩn bị cho Nga xô nhập hội.

Việc chuẩn bị ấy nhằm vào dịp tháng 7 tới đây. Ngày 1-7 Đại hội Văn Bút sẽ tổ chức ở Nam Tư để bầu lại vị chủ tịch. Dự luận chung nhằm vào nhà văn Arthur Miller. Nhưng Pháp lại gửi một tư vấn cho 55 nước yêu cầu bầu cho Miguel Angel Asturias, một văn sĩ Guatemala, sinh sống ở Ý, và viết văn bằng

tiếng Tây-Ban-Nha. Uy danh của M. A. Asturias dĩ nhiên không bằng của A. Miller. Chưa hiểu dụng ý cao thâm của

Pháp ra sao. Hồi sau sẽ phân giải.

6-1965

TRĂNG-THIÊN

Lễ trao giải Truyện ngắn của Trung tâm Văn Bút Việt-Nam

Đề thúc đẩy và khích lệ phong trào sáng tác trong cuộc phát huy nền văn hóa dân tộc, Trung tâm Văn Bút Việt-Nam tổ chức một cuộc thi « Truyện ngắn » trong niên kì 1964-1965. Thẻ lệ đã đăng báo từ tháng 12 năm rồi.

Và chiều thứ sáu 18-6, lúc 19 giờ, cuộc lễ trao giải được tổ chức tại hội trường phòng Thương-Mại Sài Gòn.

Giải Văn chương này, trước đây đã gây đôi dư luận

Một là sự cách biệt đáng kể giữa giải thưởng nhất và nhì : 15.000đ và 5.000đ.

Hai là số người hưởng ứng có phần quá ít, đối với một hội nhà văn có nhiều người danh tiếng, già có, đứng tuổi có, trẻ có, như hội Bút-Việt, đối với điều

kiện dễ dãi : đề tài tự do, truyện chưa hề phổ biến, không dài quá hai chục trang đánh máy, mỗi tác giả có thể gởi hai chuyện dự thi, và nhất là đối với số tiền thưởng khá cao. Khiến tạp chí Văn có lần đã phải đặt thành vấn đề.

Số người đến dự lễ trao giải văn chương đầu tiên này của Bút Việt không mấy đông mà cả hội viên, cũng tương đối ít. Cử tọa không tới bảy chục người. Phải chăng vì Nội các Chiến tranh đang thành lập, không khí Chính trị và Quân sự của Thủ đô căng thẳng, khiến những gì là Văn chương không được đề ý bao nhiêu ?

Ban tổ chức buổi lễ đã có nhã ý cho dịch ra Anh-văn và quay rô-nê-ô bài trình bày của người đại diện ban Tuyển trạch giải



NHỮNG NHÀ VĂN TRÚNG GIẢI

(từ trái qua mặt) :

- Châm Vũ
- Bà Minh Quân
- Lan Giao
- Trần Thanh Diệu

thường, nhưng không có quan khách nào người ngoại quốc Bộ Văn hóa Giáo dục, bộ Thông tin, bộ Xã Hội và viện Đại học Vạn-Hạnh có người đại diện

Sau khi xướng ngôn viên tuyên bố khai mạc buổi lễ, chủ tịch Trung tâm Văn Bút Việt-Nam, nhà thơ Vũ-Hoàng-Chương, đứng lên cảm ơn cử tọa, nói phớt qua về lịch sử của hội, thành lập cuối năm 1957, ngâm ngùi nhắc đến người hội viên danh dự, người cố vấn, người chủ tịch của Trung tâm, niên kỉ 1961-62, đã từng định nghĩa Văn Bút Việt-Nam "Một cầu vòng nối hai chân trời": văn hào quá cố Nhất-Linh, đoạn ông nhắc đến những hoạt động của hội trong phạm vi quốc tế và quốc nội, về mặt văn chương cũng như về mặt xã hội.

Rồi ông nhắc đến bầu không khí giao động thường xuyên của thủ đô Sài Gòn, và ông nhắc lại lời một vị chủ tịch Văn-Bút trung ương, văn hào Herbert Georges Wells, đã nói tại A-Căn-Đinh, năm 1936. "Trong giai đoạn biến thái hiện thời, nhân loại đang sống trong trạng huống khổ não, hoang mang, bi bát. Nhưng khổ não và đau thương, hoang mang và áp bức không có nghĩa là thất bại hoàn toàn. Những chuyện kinh tởm và đáng thương rồi cũng qua đi, nhưng tinh thần văn minh bao giờ cũng càng ngày càng rạng rỡ, tư tưởng con người còn linh hoạt hơn lên."

Tiếp theo ông, nhà văn Bình-Nguyên Lộc, xướng ngôn viên cho ban tuyển trạch (vốn gồm năm người: Vi-Huyền-Đắc, Đỗ-Đức-Thu, Bình-Nguyên-Lộc, Võ Phiến, Nhật-Tiến) trình bày các điểm

đáng ghi chú về những truyện dự giải, về tiêu chuẩn chọn lựa của ban và về các truyện trúng giải.

Nhà văn miền Nam nổi tiếng về truyện ngắn này bắt đầu xét lại quan niệm của Tàu, của Tây, của Hoa-Kì, của Nga về truyện ngắn. Văn nghệ sĩ hai nước sau này coi trọng truyện ngắn, trong khi Tàu, Tây, coi nhẹ nó, rõ ràng hơn là xem "văn thề truyện ngắn là một văn thề « Nhỏ » không có tác dụng đáng kể nào" Ban Tổ chức đề giải truyện ngắn đi tiên phong (vì Bút Việt cũng dự trừ những giải thưởng Truyện dài và Thi ca), khiến ông tin rằng ban Tổ chức cũng đồng ý với ông là "truyện ngắn là một thề văn đáng kể, tuy không được súc tích như thơ, nhưng vẫn cô đọng, vẫn ít loãng hơn là tiểu thuyết dài, tức truyện ngắn là một thề văn trưởng thành vậy." (1)

Rồi ông nói đến nỗi lo sợ của ban Tuyển trạch khi nhận vốn vẹn có ba mươi một truyện ngắn dự giải. Số lượng dự giải thật là ít ỏi, chắc gì tìm một truyện có giá trị. Nhưng khi xem, thì lại phần khởi vô cùng, vì nhận thấy rằng "truyện được không thiếu, mà truyện hay cũng không đến đôi khan hiếm".

Chấm xong, phối kiểm biệt hiệu (chưa hề dùng) các tác giả những truyện trúng giải với tên thật, thì mới hay rằng các bạn dự giải đã trước bạ tên tuổi mình trong làng văn rồi.

(1) Ông nhấn mạnh ở điểm này vì đã có một nhà văn Việt « đã công khai tuyên bố rằng truyện ngắn chỉ là những bài tập viết văn » và vì có một số người có thể nghĩ ban Tổ chức giải thưởng « đã làm một việc không xứng đáng ».

BÁN TỰ DIỄN

Vì dư dũng muốn bán lại 1
bộ (10 cuốn) *GRANDE LAROUSSE*
ENCYCLOPÉDIQUE mới tinh.
Xin hỏi tại tòa soạn báo *Bách-Khoa*.

Thành phần ban Tuyển trạch và phương pháp làm việc được ông nói đến.

Ông cũng nói trước giải truyện ngắn của Trung tâm Văn Bút Việt-Nam không thể làm hài lòng trọn vẹn tất cả người dự giải và bạn đọc, cũng như các giải thưởng văn chương lớn trên thế giới, nhưng ban Tuyển trạch đã cố làm việc với công tâm vô tư.

Theo ban Tuyển trạch, thì sáu truyện được giải « có giá trị vĩnh viễn, riêng ở trong nước, mà cỡ dịch ra ngoại ngữ thì cũng không làm hồ mặt làng văn ta đối với quốc tế », vì « đây là những đề tài độc đáo, chứ không phải những câu chuyện xoàng xoàng mà ai cũng đọc rồi ở đâu đó, hoặc trong nước hoặc trong sách ngoại quốc ». Và « những đề tài độc đáo ấy lại được khai thác bằng nghệ thuật vững vàng, và điều đáng mừng là nội dung của truyện nào cũng tốt cả ».

Rồi ông phân tích truyện được giải nhất : « *Những ngày cặn sữa* » của bà Minh-Quân để làm thí dụ.

Và người đại diện ban Tuyển trạch kết thúc bài tường trình của mình : mong cử tọa phổ biến rộng rãi sự hiện hữu của giải thưởng văn chương hằng năm của

Bút-Việt để các bạn mới viết văn được biết, thì người tham dự mới đông, do đó những tài năng mới, mới có cơ hội xuất hiện.

Ông Vi-Huyền-Đắc, đệ nhất phó chủ tịch Bút Việt và người lớn tuổi nhất trong ban Tuyển trạch, ra trước máy vi âm tuyên bố kết quả cuộc thi và trao giải thưởng với văn bằng.

Giải nhất

Những ngày cặn sữa của bà Minh-Quân

Giải nhì

Làng của Tường-Linh

Bốn giải khuyến khích

Cao cả của Châm-Vũ

Trí thơ của Lan-Giao

Tiếng sấm đầu mùa của Trần-

Thanh-Điệu

Gắn bó của bà Minh-Tâm

Vài nhận xét phớt qua : bà Minh-Quân và bà Minh-Tâm cũng là một (người dự giải có quyền gửi hai truyện); phần thưởng các giải khuyến khích là những món quà văn chương ; ban Tuyển trạch gồm năm người, thì người trúng giải cũng năm, ban Tuyển trạch vắng mặt một người (Đỗ-Đức-Thu, vì kém sức khỏe) thì ở hàng ghế các nhà văn trúng giải, cũng có một người khiếm diện (Tường-Linh, vì bận quân vụ) ; không có đại diện của Unesco mà lại có đại diện của Esso ; sáu truyện trúng giải được ban Tổ chức in thành sách, với nhan : *Truyện ngắn : Giải thưởng Trung tâm Văn Bút Việt-Nam 1965*, các tác giả được hưởng tác

quyền, và người dự thính được ban Tổ chức tặng một quyền làm kỉ niệm.

Mục chót của chương trình buổi lễ, là cảm tưởng của đại diện các nhà văn trúng giải, bà Minh-Quân. Chúng tôi xin trình bày lại một đoạn :

« Trong quá khứ từng có nhiều giải thưởng Văn nghệ nói chung, giải thưởng Truyện nói riêng ; giải nào cũng phát hiện được những tác phẩm giá trị theo yêu cầu của từng giải. Riêng giải thưởng truyện ngắn 1964-65 của Trung tâm Văn Bút Việt-Nam, yêu cầu chính yếu là sự nhằm phát hiện những nét điển hình, cá biệt của dân tộc cùng khám phá và nâng

đỡ những tài năng mới bằng mọi đề tài tự do.

« Đường hướng ấy quả rất đáng hoan nghênh, vì chúng tôi nghĩ đó là một cơ hội để nhà văn nói về mình, về con người Việt trưởng thành trong thử thách, đau khổ, cũng như trong cố gắng, quang vinh ; những người Việt đang vươn lên, tiến tới để trình bày cùng thế giới tiềm lực và đặc tính của dân mình.

« Đó là ý nghĩ chân thành của chúng tôi, tuy nhiên nghĩ là một việc, mà khả năng diễn tả ý nghĩ ấy cũng có được thành công chăng lại là một việc khác ».

Buổi lễ bế mạc lúc 20 giờ.

NGUYỄN-NGU-Í thuật

15 NGÀY TIN TỨC

● Chiến tranh mở rộng ra miền Bắc

Việc tuần thám và oanh kích tại miền Bắc vẫn tiếp diễn hàng ngày và có nơi như Yên-Phú (Ninh-Bình) cách Hà Nội 185 km về phía Nam bị oanh tạc tới 6 lần từ ngày 12-6 đến 16-6. Đặc biệt những phi cơ Mig của miền Bắc xuất trận đã bắt đầu bị hạ : sáng 17-6 hai phi cơ Mig 17 đã bị phi cơ H.K. bắn rơi tại một nơi cách Hà Nội 65km về phía Nam và chiều 20-6, 1 Mig 17 lại bị 3 phi cơ Skyraider bắn hạ.

Ngoài ra, oanh tạc cơ H.K. còn tiến sâu về phía Tây Tây Bắc Hà Nội (cách 175 km) để oanh tạc 2 lần các cơ sở quân sự ở Sơn-La, ở Mộc Châu là cứ điểm xuất phát của Cộng sản miền Bắc hoạt động tiếp viện cho Pathet Lào.

● Chiến sự ở miền Nam

Trận Đồng-Xoài khởi diễn từ đêm 9-6 đã ngưng tiếng súng sáng ngày 11-6 thì ngày 12-6 tại đồn điền cao su Thuận-Lợi về phía Bắc Đồng-Xoài, Tiểu đoàn 7 nhảy dù lại giao tranh cực kỳ ác liệt với hàng ngàn V.C. Số tổn thất về nhân mạng của địch rất lớn nhưng Tiểu đoàn 7 cũng mất tiểu-đoàn-trưởng và chỉ còn lại chừng ngót 200 người.

Đêm 22 rạng 23-6 V.C. lại tấn công quận lỵ Đồng-Xoài bằng bích kích pháo và đã bị quân đồn trú chống trả mãnh liệt.

18-6 : Phóng pháo hạng nặng B-52 của H.K. được sử dụng để oanh tạc chiến khu D, khu rừng phía Bắc Bến Cát (Bình-Dương).

● Chính-quyền quân-sự và nội-các chiến-tranh

Sau khi Q. T., H.Đ.Q.G.L.P. và Chánh phủ Phan-Huy-Quát từ chức trao trả quyền lãnh đạo quốc gia cho quân đội (11-6-65) thì ngày 12-6-65 các tướng lãnh đã họp đại hội-đồng và ngày 14-6 một quyết định được công bố thành lập « Ủy ban

lãnh đạo quốc gia" gồm có Chủ tịch : Trung tướng Nguyễn văn-Thiệu, Tổng thư ký : Trung tướng Phạm-xuân-Chiêu, Ủy viên điều khiển Hành-pháp : Thiếu tướng Nguyễn-cao-Kỳ. Cũng trong ngày 14.6, một Tuyên-cáo của quân đội V.N.C.H. do T.T. Nguyễn-văn-Thiệu đọc, có những đoạn như sau :

« Quân đội ngày nay sẽ không phải là công cụ của một vài cá nhân chuyên mưu đồ danh lợi chánh trị mà là quân đội của nhân dân và chỉ biết tổ quốc là trọng»...

« Quân đội quan niệm phải áp dụng một chính sách thiết thực bằng cách : dồn mọi nỗ lực vào chánh sách chống Cộng ; động viên toàn lực quốc gia vào công cuộc chiến đấu diệt trừ Cộng sản, sớm lập lại trật tự và an ninh trong thôn xóm ; thực thi một nếp sống khắc khổ để tăng cường tài nguyên cung ứng thích đáng nhu cầu chiến tranh xử dụng vào các lợi ích công cộng hợp lý ; thanh toán tức thời tệ đoan xã hội, các nạn tham nhũng và gian thương để bảo đảm đời sống cho dân nghèo ; đối phó quyết liệt với những quốc gia dân tộc đi ngược lại quyền lợi của quốc gia dân tộc Việt-Nam... »

Một bản Hiệu triệu quốc dân do Chủ tịch Ủy ban lãnh đạo quốc gia đọc, có những đoạn như sau :

« Muốn chiến thắng C.S. xâm lăng, chúng ta phải có một hậu phương mạnh, phải có một Chánh phủ mạnh, dám nhận trách nhiệm trước dân tộc, trước lịch sử, không lừa dối quốc dân, không lấy mị dân làm phương châm mà lấy an dân làm chánh sách.

« Chúng tôi long trọng tuyên bố trước quốc dân và lịch sử rằng, chúng tôi không có đầu óc độc tài hoặc quân phiệt, và chúng tôi lúc nào cũng tôn trọng các quyền căn bản của con người và các quyền công dân. »

Sáng 19-6-65 tại hội trường Diên-Hồng, Đại Hội-đồng Quân lực, Ủy ban lãnh đạo quốc gia ra mắt ngoại giao đoàn và báo chí, và sau cùng ra mắt đồng bào và công chức tụ tập tại công trường hội trường Diên-Hồng.

Trong dịp này một Ước-pháp được công bố ấn định chủ quyền quốc gia, lâm thời do Đại Hội-đồng quân lực V.N.C.H. đảm nhiệm và qui định cơ cấu tổ chức cũng như quyền hạn của Ủy ban lãnh đạo quốc gia, Hội đồng An ninh quốc gia, Hội đồng Kinh tế và Xã hội, Thượng Hội đồng thẩm phán...

Theo Ước-pháp trên đây, Ủy viên điều khiển Hành pháp trong Ủy ban lãnh đạo quốc gia, T.T. Nguyễn-cao-Kỳ là Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương Ủy ban Hành pháp Trung ương được thành lập — mệnh danh là Nội các chiến tranh — ngoài Chủ tịch còn có 5 Tổng Ủy viên (Chiến tranh, Kinh tế, Tài chánh, Văn hóa Xã hội, Ngoại giao Tư pháp) và một số Ủy viên phụ trách các Bộ. Nội các Chiến tranh của Thiếu tướng Nguyễn-cao Kỳ gồm 16 nhân vật trong có 3 quân nhân và vị cao niên nhất là bác sĩ Trần-văn-Đỗ, Tổng Ủy viên Ngoại giao, vị trẻ nhất là Ô. Nguyễn-xuân-Phong, Ủy viên Lao động.

Trong buổi lễ trình diện Ủy ban Hành pháp Trung ương trước Đại Hội-đồng quân lực V.N.C.H. ngày 19-6-1965, T.t Nguyễn-cao-Kỳ, có đọc một bản báo cáo về tình hình và đề ra 26 công tác khẩn cấp trên 4 địa hạt : chiến tranh và

chánh trị, kinh tế và tài chánh, xã hội giáo dục văn hóa, ngoại giao. Sau bản báo cáo, T.t. Nguyễn-cai-Kỳ có tuyên bố : « Tôi còn nhớ, khi tôi lãnh nhiệm vụ Ủy ban lãnh đạo quốc gia, các chiến hữu bảo tôi đây là một nhiệm vụ có thể đưa vào chỗ chết hay chỗ nhục, biết thế nhưng tôi vẫn nhận. Tôi nhận nhiệm vụ là vì tôi quan niệm vinh nhục ở đời là tùy hành động của mình. Còn cái chết mà tôi gần gũi hàng ngày, thì dầu cho chết ở chiến trường hay chết ở chánh trường mà phụng sự được Tổ quốc thì cũng như nhau.

Vì những lẽ đó nên chúng tôi xin các Tướng lãnh và quốc dân đừng chờ đợi ở chúng tôi một Nội các hoàn hảo mà chỉ chờ đợi ở chúng tôi những hành động của những người vì Tổ quốc lúc nào cũng sẵn sàng chấp nhận cái chết, những người không bao giờ đi sai đường lối phục vụ tổ chức. Chúng tôi sẵn sàng chết để hoàn thành sứ mạng chống Cộng và xây dựng đất nước ».

Sáng ngày 22-6, Quốc trưởng và Thủ tướng Chính phủ dân sự đã chính thức bàn giao cho Chủ tịch Ủy ban lãnh đạo quốc gia và Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương.

● Các tin tức khác

— Đại sứ Taylor về Hoa-Kỳ ngày 6-6 đã trở lại Saigon sáng ngày 14-6-65.

— Phá hoại : Vụ nổ tại nhà ga sân bay Tân sơn Nhứt : Thiệt hại đáng kể về vật chất ; số người bị thương 46 (34 Mỹ) nhưng chỉ có 9 người phải điều trị tại bệnh viện.

— V.N.Q.D.Đ. kỷ niệm lần thứ 35 ngày 13 liệt sĩ V.N.Q.D.Đ. lên đoàn đầu đài tại Yên Bái ngày 17-6. Các hệ phái V.N.Q.D.Đ. đều làm lễ kỷ niệm trọng thể tại Saigon và nhiều tỉnh miền Trung.

— Phái đoàn Hòa bình Liên Hiệp Anh : Hội nghị lần thứ 14 các Thủ tướng những quốc gia trong khối L.H.A. khai mạc ngày 17-6, sau khi họp đã quyết định thành lập một phái đoàn 5 nước (Anh, Tích Lan, Ghana, Nigeria, Trinité Tobago) để đi thuyết phục các quốc gia liên hệ trong vấn đề V.N., chấm dứt chiến tranh bằng một cuộc thương thuyết.

Tổng thống Hoa Kỳ tỏ ý hoan nghênh, Chính phủ V.N.C.H. tỏ thiện cảm với sáng kiến trên đây. Trái lại ngày 21-6 báo Nhân Dân tại Bắc Kinh và tại Hà Nội đều có bài đả kích phái đoàn L.H.A. và các bài này được phổ biến trên các đài phát thanh của Cộng sản.

— Đảo chánh ở Algérie : Vào 05 đêm 18 rạng 19-6. Tổng thống Ben Bella, Chủ tịch Quốc hội và hầu hết các nhân vật thân cận Ben Bella đã bị bắt giữ. Đại tá Boumédiène, Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Algérie, cầm đầu cuộc đảo chánh và là Chủ tịch Hội đồng quân đội Cách mạng.

Ngày 22-6, Ô. Trần văn Đỗ, Tổng Ủy viên Ngoại giao của V.N.C.H. đã gửi điện văn chào mừng Chủ-tịch Hội đồng Cách mạng Algérie.

MỤC - LỤC THEO BỘ MÔN CỦA BÁCH-KHOA

Từ số 193 - 194 đến số 204 — Từ tháng 1 đến tháng 6-1965 *

Sự sắp xếp theo bộ môn dưới đây chỉ có tính cách hướng dẫn giúp bạn đọc dễ tìm. Bởi vậy nếu có những sai lầm trong sự phân loại, cũng mong bạn đọc lượng thứ cho

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC - GIẢ	Số Tạp chí	Trang
KHẢO-LUẬN				
<u>CHÍNH-TRỊ</u>				
1	Thế-giới năm qua	Vũ-Bảo	193-94	5
2	Một hội-nghị vẽ lại khuôn mặt thế-giới 20 năm trước đây	- id-	195	3
3	Cuộc hội báo đầu năm của Tổng-thống De Gaulle	- id-	196	21
4	Phỏng-vấn Mao-Trạch-Đông	- id-	197	42
5	Hội-nghị tháng Ba của 19 Đảng Cộng sản tại Mạc-Tư-Khoa	- id-	198	31
6	Đạo luật công quyền và người da đen tại Hoa-Kỳ	- id-	199	3
7	Tổ-chức Ku-Klux-Klan và vấn-đề người da đen tại Hoa-Kỳ	- id-	200	37
8	Cuộc tranh chấp tại Liên-Hiệp-Quốc chung quanh điều 19 bản Hiến-Chương	- id-	201	17
9	Vụ Santo Domingo	- id-	202	3
10	Indonesia từ Bandung 55 đến Alger 65	- id-	204	3
11	Hội-nghị trưởng nhiệm sở Ngoại-giao Ngoại-giao giữa Việt-Nam và các nước Á-Phi	Nguyễn-Kính-Đức	199	73
12		Phạm-Lương-Giang	196	3
13	Việt-Nam với hội-nghị Á-Phi đã qua và sắp tới	- id-	197	3

*B.K.T.Đ. số 193-194	(15-1-1965)	B.K.T.Đ. số 200	(1-5-1965)
B.K.T.Đ. số 195	(15-2-1965)	B.K.T.Đ. số 201	(15-5-1965)
B.K.T.Đ. số 196	(1-3-1965)	B.K.T.Đ. số 202	(1-6-1965)
B.K.T.Đ. số 197	(15-3-1965)	B.K.T.Đ. số 203	(15-6-1965)
B.K.T.Đ. số 198	(1-4-1965)	B.K.T.Đ. số 204	(1-7-1965)
B.K.T.Đ. số 199	(15-4-1965)		

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC - GIẢ	Số Tập chí	Trang
14	Việt-Nam và « Hội-nghị nhân-dân Đông-Dương » tại Phnom-Penh, tháng 3-1963	Phạm-Lương-Giang	198	3
15	Việt-Nam và lễ kỷ-niệm 10 năm hội- nghị Bandung	-id-	200	10
16	V.N.C.H. và Hội-nghị Quốc-tế bảo- đảm trung-lập và lãnh thổ Cam- bodge	-id-	201	37
17	Bản di-chức của Jawaharlal Nehru	Phạm-Trọng-Nhân	202	37
18	Những bước tiến về dân-chủ của <u>Việt-Nam Cộng-Hòa trong năm 1964</u>	Thế-Nhân	193-94	187
<u>DANH NHÂN</u>				
1	Về Nguyễn-Phan-Châu	Nguyễn-Ngu-Í	202	59
2	Alexander Fleming	Nguyễn-Hiến-Lê	193-94	37
<u>GIÁO - DỤC</u>				
1	Giới-thiệu về số du-học	Vũ-Bảo	203	3
2	Đi đâu, học gì ?	Nguyễn-Như	203	11
3	Những điều kiện tinh-thần của sự xuất-ngoại du-học.	Đoàn-Thêm	293	19
4	Cách-mạng dân-tộc trong phạm-vi học-đường.	Nguyễn-Gia-Tường	195	42
5	Nhà trường : Trung-tâm Văn-hóa dân-tộc.	-id-	200	17
6	Đời sống sinh-viên tại Úc	Ngọc-Vân	203	24
7	Đời sống sinh-viên tại Hoa-Kỳ, Pháp, Nhật qua những lá thư về gia đình	Bách-khoa T.Đ.	203	31
<u>KINH - TẾ</u>				
1	Tổ-chức điều hành các xí-nghiệp nhà nước	Như-Uyên	199	13
<u>KHOA - HỌC</u>				
1	Giải thưởng Nobel Y-học 1964	Nguyễn-Trần-Huân	195	83

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC - GIẢ	Số Tập chí	Trang
2	Những con toán kinh khủng của một nhà bác-học	Cô-Liêu	193-94	46
3	Người đời giống	Tràng-Thiên	202	17
4	Bình minh của thời-đại	Tôn-Thất-Tiết	202	33
5	Kim-cương nhân tạo	Võ-Quang-Yến	195	51
6	Đời sống ngày mai	-id-	200	23
<u>NGHỆ-THUẬT</u>				
1	Đạo Phật trong lĩnh vực Văn-học Nghệ thuật	Nhất-Hạnh	196	39
2	Tìm về đình chùa xứ Bắc	Lê-Văn-Hảo	195	17
3	Chi lan đào lý	Đông-Hồ	204	36
4	Nhân đọc cuốn "Tìm đẹp" của Đoàn-Thêm	Trần-Hương-Tử	200	11
<u>SỬ</u>				
1	Lịch sử Lạc-Việt	Nguyễn-Phương	196	29
2	Lịch sử Lạc-Việt: Từ Hùng-Vương đến Lạc-Vương	-id-	197	27
3	Lạc-Việt với các dân lân cận	-id-	198	23
4	Anh hùng Lạc-Việt	-id-	199	17
5	Đời sống dân Lạc-Việt dưới thời Hán	-id-	200	47
6	Di-tích Lạc-Việt trong xã-hội V.N.	Bùi-Hữu-Sùng	201	27
7	—id—	-id-	202	11
8	—id—	-id-	203	56
9	Tìm hướng mới cho quốc-sử	-id-	204	27
10	Bàn về Hùng-Vương	Nguyễn-Toại	201	34
<u>TÔN-GIÁO</u>				
1	Dung Hóa, một chủ-trương của người Phật-tử	Nguyễn-Ân	201	13
2	Hồi-Giáo tại Việt-Nam	Dohamide	193-94	53
3	Đạo Phật trong lĩnh vực Văn-học Nghệ-thuật	Nhất-Hạnh	196	39
4	—id—	-id-	197	19

Số thứ tự	• ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC - GIẢ	Số Tập chí	Trang
5	Quan-niệm KHÔNG trong Phật-Giáo	Thanh-Thuyền	201	3
6	Chuyện 6 vị thuyền-sur	Tuệ-Trung	193-94	61
7	Hoa Đình thuyền-sur	-id-	195	37
8	Kim Hoa Cử Chi, Thạch Củng Thuyền-sur	-id-	196	45
9	Chuyện 6 vị thiền sư : Ngài Phó Đại sĩ và Vô Trứ Văn Hỉ Thuyền-sur	-id-	197	36
	<u>TRIẾT</u>			
1	Sự phát triển của Triết học Trung Hoa trong thời đại Tiên Tần	Giản-Chi và Nguyễn-Hiến-Lê	196	15
2	-- id --	-id-	197	11
3	Mặc Tử-Dương Tử và Lão Tử	-id-	198	17
4	Mạnh Tử và Trang Tử	-id-	199	23
5	Biệt Mặc và Danh Gia	-id-	200	29
6	Pháp trị	-id-	202	27
7	-- id --	-id-	203	64
8	-- id --	-id-	204	13
9	Nhân đọc cuốn "Tìm đẹp" của Đoàn Thêm	Trần-Hương-Tử	200	11
	<u>VĂN HỌC</u>			
1	Đạo Phật trong lãnh vực Văn Học và Nghệ Thuật	Nhất-Hạnh	196	39
2	-- id --	-id-	197	19
3	Một năm văn học, báo chí	Vũ-Hạnh	193-94	17
4	Hai ngộ nhận về Ô. Phan Khôi trong các phong trào Cách mạng	Trúc Sĩ	198	39
5	Một nhận định quan trọng về tiểu thuyết	Tràng-Thiên	196	84
6	Một cuốn hồi ký của Ehrenbourg	-id-	197	79
7	Người đời giống	-id-	202	17
8	Vài yếu tố mới trong nghề văn	-id-	204	21
9	Người ta viết tiểu thuyết như thế nào	-id-	204	

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC - GIẢ	Số Tập chí	Trang
SINH - HOẠT VĂN - NGHỆ				
<u>SINH HOẠT</u>				
1	Ý niệm thời-gian — Tin tức khoa học	Quang-Hoa	199	76
2	Ý thức hệ với văn nghệ Phiếm luận văn chương V.N.	Nguyễn-Ngu-Í	198	80
3	Lễ truy niệm Phan Hiền Đạo	-id-	199	80
4	Ba buổi nói chuyện của ô. Hồ Hữu Tường tại Huế	-id-	202	73
5	— Chuyến công du của T.T. Thích Thiên Ân tại Hoa-Kỳ và Nhật Bản	-id-	203	75
6	Buổi tiếp tân của Trường Thanh Niên Phụng sự Xã-Hội	-id-	203	79
7	Kỷ niệm 15 năm sáng lập Đoàn Thanh Minh Thanh Nga	-id-	203	82
8	15 Ngày tin tức	Thế nhân	từ 195 đến 204	
9	Thời sự văn nghệ	-id-	202	73
10	— id —	-id-	203	72
11	— id —	Tràng Thiên	204	73
	Một buổi nói chuyện về ung thư	Thiện Ý	199	79
12	Nguyên tử năng là gì ?	-id-	205	73
13				
<u>DIỄN SÁCH</u>				
1	Độc « Đêm trắng mùa hạ » của Lưu Nghi	Cô Phương Thảo	199	47
<u>PHỎNG VẤN</u>				
1	Phỏng vấn các ông : Lê Xuân Khoa Nguyễn Đình Hòa, Hồ Hữu Tường Nguyễn Văn Trung về vấn đề du học	Bách Khoa Thời Đại	203	46
2	Sống và viết với Đồng Hồ	Nguyễn Ngu Í	193	67
3	Sống và viết với Sơn Nam.	-id-	195	69
4	Sống và viết với Bình Nguyên Lộc(I)	-id-	196	76
5	Sống và viết với Bình Nguyên Lộc (II)	-id-	197	72

Số thứ tự	• ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC - GIẢ	Số Tập chí	Trang
6	Sống và viết với Lê Ngọc Trụ	-id-	199	60
7	Sống và viết với Vi Huyền Đắc (I)	-id-	200	80
8	Sống và viết với Vi Huyền Đắc (II)	-id-	201	47
9	Sống và viết với Đông Hồ (bồ túc)	-id-	204	36
HỒI KÝ				
1	Câu chuyện Tết	Vũ Bảo	193-94	83
2	—id—	Trùng Dương	-id-	93
3	—id—	Lê Tất Điều	-id-	99
4	—id—	Vũ Hạnh	-id-	102
5	—id—	Túy Hồng	-id-	89
6	—id—	Võ Hồng	-id-	92
7	—id—	Nguyễn Ngu Í	-id-	83
8	—id—	Sơn Nam	-id-	87
9	—id—	Doãn Quốc Sỹ	-id-	97
10	—id—	Vân Trang	-id-	108
11	—id—	Hồ-Hữu-Tường	-id-	96
TÙY BÚT				
1	Nỗi niềm di cư	Đoàn-Thêm	193-94	77
2	Bình minh của một thời đại	Tôn-Thất-Tiết	202	33
TRUYỆN NGẮN				
1	Chỗ của Huệ	Doãn-Dân	198	63
2	—id—	-id-	199	27
3	—id—	-id-	200	53
4	Vừa đi vừa ngược nhìn	Trùng-Tương	193-94	159
5	—id—	-id-	195	57
6	Tồ kiến	Vũ-Dzũng	196	69
7	Đồng cỏ trong sương	Lê-Tất-Điều	193-94	115
8	Hai Thành Phố	-id-	201	73
9	—id—	-id-	202	45
10	Đoạn đường còn lại	-id-	204	66
11	Tóc mai nghìn năm	Túy-Hồng	204	45
12	Dấn chân sa mạc	Võ-Hồng	196	57
13	—id—	-id-	197	65
14	Hoạt cảnh	-id-	193-94	133
TRUYỆN DÀI				
1	Cát lầy	Thanh-Tâm-Tuyền	từ 193 đến 204	

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC - GIẢ	SX Tập chí	Trang
	<u>TRUYỆN DỊCH</u>			
1	Kỷ sự của một thành phố bị vây (dịch Slawomir Mrozed)	Nguyễn-Minh-Hoàng	202	57
2	Nại-Lương thành phố của hươu nai (dịch Boris Pilniak)	Tràng-Thiên	201	65
	<u>THƠ</u>			
1	Tìm lại mùa xuân	Trần-Huyền-Ân	193-94	111
2	Mẫu lá mạ	-id-	204	55
3	Lời ca quê hương	Đỳnh-Trầm-Ca	195	81
4	Chân tình — Ân nghĩa	Bùi-Kháng-Đản	193-94	126
5	Di chúc của Em	Uyên-Hà	202	54
6	Về quê	Nguyễn-Ngu-Í	193-94	110
7	Những hình ảnh khó quên	Tường-Linh	198	53
8	Thiên địa ca	Viên-Linh	193-94	79
9	Nỗi buồn không rời	Huy-Lực	196	44
10	Biền mẹ	-id-	202	53
11	Cảnh tượng	Nguyễn-Nho-Nhượng	200	46
12	Rồi...	Hữu-Phương	200	46
13	Nếu không có em	-id-	204	57
14	Kêu gọi	Lê-Đình Phạm-Phú	193-94	114
15	Sắt se — thư của cậu	-id-	202	55
16	Trên quê hương	Lữ-Quỳnh	196	52
17	Lời khát vọng	Hà-Nguyên-Thạch	195	68
18	Lặng	Lê-Thanh-Thái	204	57
19	Thủy triều XIX	Đoàn-Thêm	193-94	112
20	Thủy triều XVIII	-id-	196	50
21	Thủy triều XXIII	-id-	200	71
22	Không để	-id-	202	56
23	Đoản ca	Thanh-Thuyền	193-94	80
24	Ngậm ngùi	-id-	196	38
25	Thân phận	-id-	200	72
26	Đến với mùa xuân	Thành-Tôn	193-94	81
27	Nghìn năm sa mạc	-id-	195	82
28	Thâm tạ	-id-	198	62
29	Thư cho các em	-id-	204	56
30	Những đoản khúc Dalat	Hoài-Vọng	200	72
31	Mùa xuân của Em	Tần-Hoài Dạ-Vũ	196	52

TRONG GIA-ĐÌNH ÊM-ẤM
HAY TRÊN ĐƯỜNG XA
KHÁT MỆT



Chỉ có



NƯỚC-NGỌT "CON-COP"



Chúc HÒA TIỀN!

CAPSTAN

MEDIUM



W.D.&H.O.WILLS,
BRISTOL & LONDON

Chủ nhiệm | Sáng lập: HUYNH VĂN LANG
Quản nhiệm: LÊ NGỘ CHÂU

Tòa soạn | 160 Phan đình Phùng Saigon
Đ.T. 28.539 - H.T. 339

In tại nhà In TƯƠNG LAI
133 Võ Tánh Saigon

GIÁ : 10 \$
CÔNG SỞ : 15 \$